**1. Tìm hiểu quy định của pháp luật về trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân; quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân (23 câu hỏi đáp tình huống và 02 tiểu phẩm pháp luật).**

*(Văn bản sử dụng: Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021; Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân).*

**Câu 1. Đề nghị cho biết việc thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin công dân qua Phiếu thu thập thông tin dân cư, Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021, việc thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin công dân qua Phiếu thu thập thông tin dân cư, Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư được thực hiện như sau:

1. Việc thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin công dân qua Phiếu thu thập thông tin dân cư, Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư được thực hiện thông qua công tác đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, cấp thẻ Căn cước công dân và trực tiếp từ công dân.

2. Việc cập nhật, chỉnh sửa thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phải được Trưởng Công an cấp xã hoặc Trưởng Công an cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã (sau đây viết gọn là Công an cấp xã) phê duyệt.

3. Khi có yêu cầu thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì Công an cấp xã tiến hành phát phiếu, hướng dẫn công dân kê khai, thu Phiếu thu thập thông tin dân cư, Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư; tiến hành kiểm tra, đối chiếu thông tin công dân kê khai với giấy tờ pháp lý, giấy tờ hộ tịch của người được thu thập.

- Trường hợp thông tin về công dân đã đầy đủ, chính xác thì Cảnh sát khu vực, Công an xã ký xác nhận, trình Trưởng Công an cấp xã ký, đóng dấu.

- Trường hợp thông tin về công dân chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác thì yêu cầu công dân kê khai bổ sung, chỉnh lý và xuất trình các giấy tờ có giá trị pháp lý làm căn cứ xác thực thông tin.

- Trường hợp thông tin của công dân không đồng nhất thì Công an cấp xã có trách nhiệm phối hợp với công dân, cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan có liên quan để kiểm tra tính pháp lý của các thông tin đó, sau khi xác định thông tin chính xác của công dân thì Cảnh sát khu vực, Công an xã ký xác nhận, trình Trưởng Công an cấp xã ký, đóng dấu. Trường hợp không đủ căn cứ để phê duyệt thì thông báo và đề nghị công dân bổ sung, hoàn thiện.

4. Công an cấp xã tiến hành cập nhật thông tin của công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trong thời hạn 02 ngày làm việc phải chuyển Phiếu thu thập thông tin dân cư, Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư cho Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Công an cấp huyện) để lưu vào tàng thư hồ sơ cư trú.

5. Khi cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phát hiện thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị thiếu, có sai sót hoặc không phù hợp thì yêu cầu Công an cấp xã nơi công dân đăng ký thường trú kiểm tra, rà soát tính chính xác của thông tin; chỉnh sửa, bổ sung thông tin của công dân khi có đủ căn cứ.

**Câu 2. Đề nghị cho biết việc thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021, việc thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được quy định như sau:

- Số Căn cước công dân, số định danh cá nhân đã có trong Giấy khai sinh là số định danh cá nhân của công dân; các trường hợp công dân đã được cấp thẻ Căn cước công dân, Giấy khai sinh đã có số định danh cá nhân thì sử dụng thông tin về số Căn cước công dân, số định danh cá nhân trong Giấy khai sinh và các thông tin trên thẻ Căn cước công dân, Giấy khai sinh để tiến hành các giao dịch với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Khi công dân có yêu cầu được thông báo về số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì công dân hoặc người đại diện hợp pháp của công dân yêu cầu Công an cấp xã nơi công dân đăng ký thường trú cấp văn bản thông báo.

- Mẫu Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư *(Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 59/2021/TT-BCA)* được in trực tiếp từ hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Công dân sử dụng Thông báo này để chứng minh nội dung thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Câu 3. Trong quá trình nhập dữ liệu thông tin Căn cước công dân của chị Q vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, anh T – Công an xã phát biện có sai sót về nơi đăng ký khai sinh của chị Q. Vậy trong trường hợp này anh T phải xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021, trong trường hợp này, anh T - Công an cấp xã nơi chị Q đăng ký thường trú phải kiểm tra, xác minh tính chính xác của các thông tin cần điều chỉnh và gửi yêu cầu đề nghị hủy số định danh cá nhân cho chị Q lên cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an.

Thủ trưởng cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an có trách nhiệm xem xét, quyết định việc hủy số định danh cá nhân cho chị Q. Sau khi quyết định hủy số định danh cá nhân cho chị Q thì cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an phải cập nhật số định danh cá nhân mới cho chị Q vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Số định danh cá nhân đã bị hủy được lưu vào dữ liệu thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và không được sử dụng để cấp cho công dân khác.

Anh T - Công an cấp xã nơi công dân đăng ký thường trú gửi thông báo bằng văn bản cho công dân về số định danh cá nhân mới được xác lập lại.

Đồng thời, Cơ quan Công an tiếp nhận đề nghị cấp Căn cước công dân sử dụng số định danh cá nhân mới được xác lập lại trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện việc cấp Căn cước công dân theo quy định.

**Câu 4. Đề nghị cho biết việc thu thập, cập nhật thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021, việc thu thập, cập nhật thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân được thực hiện như sau:

- Cán bộ cơ quan quản lý căn cước công dân nơi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân có trách nhiệm thu thập, cập nhật thông tin của công dân vào Cơ sở dữ liệu căn cước công dân qua công tác thu nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

- Thông tin của công dân thu thập qua công tác thu nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân phải bảo đảm đầy đủ, chính xác và đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn theo quy định.

**Câu 5. Để phục vụ hoạt động điều tra, cơ quan tiến hành tố tụng đã đề nghị được cung cấp thông tin công dân của đối tượng phạm tội trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân. Vậy việc làm này có đúng quy định của pháp luật không?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021, các trường hợp được cung cấp thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân bao gồm:

1. Công an các đơn vị, địa phương để phục vụ yêu cầu phòng, chống tội phạm và các hoạt động nghiệp vụ khác của lực lượng Công an nhân dân.

2. Cơ quan tiến hành tố tụng để phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

3. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để phục vụ công tác quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Công dân được cung cấp thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

5. Cơ quan, tổ chức và công dân không thuộc quy định tại các trường hợp trên có nhu cầu cung cấp thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân phải được công dân đó đồng ý bằng văn bản có công chứng hoặc chứng thực.

Như vậy, để phục vụ hoạt động điều tra, cơ quan tiến hành tố tụng được quyền yêu cầu cung cấp thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

**Câu 6. Theo quy định của pháp luật, việc cung cấp thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân được thực hiện theo thủ tục như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021, thủ tục cung cấp thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân như sau:

- Cơ quan, tổ chức có nhu cầu cung cấp thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân phải có văn bản đề nghị, nêu rõ mục đích, nội dung, phạm vi thông tin cần cung cấp, cam đoan chịu trách nhiệm trong sử dụng thông tin khi được cung cấp. Nếu không thuộc các trường hợp được cung cấp thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 8 thì phải có văn bản đồng ý có công chứng hoặc chứng thực của công dân được đề nghị cung cấp thông tin và được sự đồng ý của người có thẩm quyền quy định tại Điều 9 Thông tư số 59/2021/TT-BCA.

- Công dân có nhu cầu cung cấp thông tin của mình thì có văn bản yêu cầu nêu rõ mục đích, nội dung thông tin cần cung cấp; xuất trình thẻ Căn cước công dân để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị cung cấp thông tin.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu khai thác, người có thẩm quyền quy định tại Điều 9 Thông tư số 59/2021/TT-BCA có trách nhiệm trả lời bằng văn bản kết quả khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân.

**Câu 7. Đề nghị cho biết thẩm quyền cho phép cung cấp, kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021, thẩm quyền cho phép cung cấp, kết nối, chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân được quy định như sau:

- Trưởng Công an cấp huyện có thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân (trừ thông tin về ảnh chân dung và vân tay) của công dân đang thường trú trong phạm vi cấp huyện.

- Giám đốc Công an cấp tỉnh có thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân (trừ thông tin về ảnh chân dung và vân tay) của công dân đang thường trú trong phạm vi cấp tỉnh.

- Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân trên phạm vi toàn quốc; cho phép kết nối, chia sẻ thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước công dân với các cơ sở dữ liệu khác sau khi có ý kiến đồng ý của Bộ trưởng Bộ Công an.

**Câu 8. Xin cho biết pháp luật quy định như thế nào về việc tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021, việc tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân được quy định như sau:

- Công dân trực tiếp đến cơ quan Công an có thẩm quyền tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân nơi công dân thường trú, tạm trú để đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

- Trường hợp công dân đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an thì công dân lựa chọn dịch vụ, kiểm tra thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trường hợp thông tin đã chính xác thì đăng ký thời gian, địa điểm đề nghị cấp thẻ Căn cước công dân; hệ thống sẽ tự động chuyển đề nghị của công dân về cơ quan Công an nơi công dân đề nghị. Trường hợp công dân kiểm tra thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nếu thông tin của công dân chưa có hoặc có sai sót thì công dân mang theo giấy tờ hợp pháp để chứng minh nội dung thông tin khi đến cơ quan Công an nơi tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

**Câu 9. Mặc dù chứng minh thư nhân dân sắp hết hạn nhưng anh K vẫn chần chừ chưa đi làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân vì anh lo trình tự sẽ phức tạp. Vậy theo quy định của pháp luật, trình tự cấp thẻ Căn cước công dân được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021, trình tự cấp thẻ Căn cước công dân được quy định như sau:

1. Công dân đến cơ quan Công an có thẩm quyền tiếp nhận đề nghị cấp thẻ Căn cước công dân nơi công dân thường trú, tạm trú để yêu cầu được cấp thẻ Căn cước công dân.

2. Cán bộ Công an nơi tiếp nhận đề nghị cấp thẻ Căn cước công dân thu nhận thông tin công dân: Tìm kiếm thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; lựa chọn loại cấp và mô tả đặc điểm nhân dạng; thu nhận vân tay; chụp ảnh chân dung; in phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân, Phiếu thu thập thông tin dân cư (nếu có), Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư (nếu có) cho công dân kiểm tra, ký và ghi rõ họ tên; thu lệ phí theo quy định; cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết.

3. Thu lại Chứng minh nhân dân trong trường hợp công dân làm thủ tục chuyển từ Chứng minh nhân dân sang thẻ Căn cước công dân.

4. Tra cứu tàng thư căn cước công dân để xác minh thông tin công dân (nếu có).

5. Xử lý, phê duyệt hồ sơ cấp thẻ Căn cước công dân.

6. Trả thẻ Căn cước công dân và kết quả giải quyết cấp thẻ Căn cước công dân. Trường hợp công dân đăng ký trả thẻ Căn cước công dân đến địa chỉ theo yêu cầu thì cơ quan Công an lập danh sách, phối hợp với đơn vị thực hiện dịch vụ chuyển phát để thực hiện và công dân phải trả phí theo quy định.

**Câu 10. Vì phải xử lý hồ sơ cũ trong công việc, chị H được cấp trên yêu cầu cung cấp lại số Chứng minh thư nhân dân cũ. Chị H kiểm tra mã QR code trên thẻ Căn cước công dân nhưng không có thông tin về số Chứng minh nhân dân. Vì thế, chị đã làm thủ tục yêu cầu Cơ quan công an nơi tiếp nhận đề nghị cấp Căn cước công dân cho chị xử lý giúp. Vậy trường hợp của chị H được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 thì:

- Mã QR code trên thẻ Căn cước công dân có lưu thông tin về số Căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân. Cơ quan, tổ chức, cá nhân kiểm tra thông tin về số Căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân của công dân thông qua việc quét mã QR code, không yêu cầu công dân phải cung cấp Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân.

- Trường hợp trong mã QR code trên thẻ Căn cước công dân của chị H không có thông tin về số Chứng minh nhân dân thì cơ quan Công an nơi tiếp nhận đề nghị cấp Căn cước công dân có trách nhiệm cấp Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân, số Căn cước công dân cũ cho công dân khi có yêu cầu.

- Trường hợp thông tin số Chứng minh nhân dân của chị H không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cơ quan Công an đề nghị chị H cung cấp bản chính hoặc bản sao thẻ Căn cước công dân, bản sao Chứng minh nhân dân (nếu có). Cơ quan Công an nơi tiếp nhận đề nghị cấp thẻ Căn cước công dân tiến hành tra cứu, xác minh qua tàng thư Căn cước công dân, giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp có thể hiện thông tin số Chứng minh nhân dân, số Căn cước công dân để xác định chính xác nội dung thông tin.

- Trường hợp có đủ căn cứ thì cấp Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân cho chị H, trường hợp không có căn cứ để xác nhận thì trả lời chị H bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn cấp Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân cho chị H tối đa không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Chị H có thể đăng ký cấp Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an tại bất kỳ cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ cấp thẻ Căn cước công dân khi công dân có thông tin số Chứng minh nhân dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Kết quả giải quyết sẽ được cập nhật, thông báo trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, khi công dân có yêu cầu được trả Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân đến địa chỉ theo yêu cầu thì công dân phải trả phí chuyển phát theo quy định.

**Câu 11. Đề nghị cho biết quy định của pháp luật về nơi tổ chức thu nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo Điều 13 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021, nơi tổ chức thu nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân được quy định như sau:

- Cơ quan quản lý căn cước công dân Công an cấp huyện, cấp tỉnh bố trí nơi thu nhận và trực tiếp thu nhận hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho công dân có nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú tại địa phương mình.

- Cơ quan quản lý căn cước công dân Bộ Công an bố trí nơi thu nhận và trực tiếp tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho những trường hợp cần thiết do thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước công dân Bộ Công an quyết định.

**Câu 12. Pháp luật quy định như thế nào về việc tổ chức thu nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân lưu động?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021, việc tổ chức thu nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân lưu động được thực hiện trong trường hợp cần thiết và theo quy định như sau:

- Cơ quan quản lý căn cước công dân các cấp tiến hành thu nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân lưu động nếu xét thấy cần thiết.

- Cơ quan quản lý căn cước công dân tổ chức cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân tại cơ quan, tổ chức khi có văn bản đề nghị của thủ trưởng các cơ quan này và xét thấy cần thiết.

- Cơ quan quản lý căn cước công dân tổ chức cấp thẻ Căn cước công dân tại chỗ ở của công dân đối với trường hợp người già yếu, bệnh tật, ốm đau không thể đi lại.

**Câu 13. Đề nghị cho biết nguyên tắc thực hiện trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, việc thực hiện trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân phải tuân thủ quy định của Luật Căn cước công dân và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến công tác cấp, quản lý căn cước công dân.

- Cơ quan Công an tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công dân khi thực hiện thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân bảo đảm nhanh chóng, chính xác, kịp thời.

- Cán bộ thực hiện công tác cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân phải chịu trách nhiệm về việc hướng dẫn, trả lời công dân hoặc các đề xuất của mình.

- Cán bộ thực hiện công tác cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân thường xuyên phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để cập nhật những thay đổi, bổ sung thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác cấp, quản lý căn cước công dân.

- Cơ quan Công an nơi tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân không được thực hiện sao chép trái phép dữ liệu cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân trong các thiết bị thu nhận hồ sơ căn cước công dân.

**Câu** **14. Theo quy định của pháp luật, việc tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, việc tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân được thực hiện như sau:

- Công dân đến địa điểm làm thủ tục cấp Căn cước công dân hoặc thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

- Trường hợp công dân đủ điều kiện cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân thì cán bộ thực hiện tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân và thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

- Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân thì cán bộ thực hiện từ chối tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân và nêu rõ lý do.

- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định.

**Câu 15. Đề nghị cho biết tìm kiếm thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, việc tìm kiếm thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân được thực hiện như sau:

- Trường hợp thông tin công dân đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

- Trường hợp thông tin công dân đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhưng có sự thay đổi, điều chỉnh thì đề nghị công dân xuất trình giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thay đổi để cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

- Trường hợp thông tin công dân chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị công dân xuất trình một trong các loại giấy tờ hợp pháp chứng minh nội dung thông tin nhân thân để cập nhật thông tin trong hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

**Câu 16. Dù đã đăng ký thời gian đến làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân nhưng ông D vẫn lo lắng vì 2/10 ngón tay bị nấm và không nhìn rõ đường vân. Vậy trường hợp của ông D có thể thực hiện thủ tục thu nhận vân tay để cấp thẻ Căn cước công dân theo quy định pháp luật không?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Khoản 3, Điều 5 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, việc thu nhận vân tay của công dân theo các bước như sau:

- Thu nhận vân tay phẳng của 4 ngón chụm bàn tay phải (ngón trỏ, ngón giữa, ngón áp út, ngón út);

- Thu nhận vân tay phẳng của 4 ngón chụm bàn tay trái (ngón trỏ, ngón giữa, ngón áp út, ngón út);

- Thu nhận vân tay phẳng của 2 ngón cái chụm;

- Thu nhận vân tay lăn 10 ngón theo thứ tự: Ngón cái phải, ngón trỏ phải, ngón giữa phải, ngón áp út phải, ngón út phải, ngón cái trái, ngón trỏ trái, ngón giữa trái, ngón áp út trái, ngón út trái.

- Trường hợp không thu nhận được đủ 10 vân tay của công dân thì mô tả và nhập thông tin về tình trạng vân tay không thu nhận được.

Như vậy, theo quy định tại Khoản 3, Điều 5 Thông tư số 60/2021/TT-BCA nêu trên, ông D có thể thực hiện thủ tục thu nhận vân tay để cấp thẻ Căn cước công dân vì trường hợp không thu nhận được đủ 10 vân tay thì cơ quan công an sẽ thực hiện việc mô tả và nhập thông tin về tình trạng vân tay không thu nhận được.

**Câu 17. Em Y là dân tộc Bana, khi đi chụp ảnh để cấp thẻ Căn cước công dân em đã mặc trang phục của dân tộc mình. Tuy nhiên, trong khi chờ tới lượt có một bác lại nhắc nhở em là phải mặc quần đen, áo trắng chứ không được mặc trang phục dân tộc khiến em Y rất lo lắng. Vậy pháp luật quy định như thế nào về trường hợp này?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo Khoản 4, Điều 5 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, việc chụp ảnh chân dung của công dân được quy định như sau:

Ảnh chân dung của công dân khi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân là ảnh màu, phông nền trắng, chụp chính diện, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính; trang phục, tác phong nghiêm túc, lịch sự. Đối với trường hợp công dân theo tôn giáo, dân tộc thì được mặc lễ phục tôn giáo, trang phục dân tộc đó, nếu có khăn đội đầu thì được giữ nguyên nhưng phải đảm bảo rõ mặt, rõ hai tai.

Như vậy theo quy định nêu trên thì em Y có thể mặc trang phục dân tộc của mình khi chụp ảnh chân dung để cấp thẻ Căn cước công dân.

**Câu 18. Đề nghị cho biết những trường hợp nào khi đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân thì phải tra cứu qua tàng thư căn cước công dân và hồ sơ tra cứu bao gồm những gì?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 và 2, Điều 6 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, các trường hợp phải tra cứu qua tàng thư căn cước công dân gồm:

- Chứng minh nhân dân 9 số bị mất hoặc hư hỏng không thể xác định được đầy đủ nội dung thông tin trên Chứng minh nhân dân 9 số;

- Khi cần xác minh, đối chiếu thông tin về công dân trong tàng thư căn cước công dân.

Hồ sơ tra cứu gồm: Phiếu giao nhận hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cần tra cứu; Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân.

**Câu 19. Theo quy định của pháp luật, việc duyệt hồ sơ tra cứu** **qua tàng thư căn cước công dân được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, việc duyệt hồ sơ tra cứu qua tàng thư căn cước công dân được thực hiện như sau:

1. Tại Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Công an cấp huyện):

- Trường hợp tra cứu tàng thư căn cước công dân trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Đội trưởng Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội duyệt hồ sơ tra cứu và gửi đến Đội tàng thư căn cước công dân thuộc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội để tra cứu.

- Trường hợp tra cứu tàng thư căn cước công dân ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Trưởng Công an cấp huyện duyệt hồ sơ tra cứu và gửi đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nơi cần tra cứu;

2. Tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội:

- Trường hợp tra cứu tàng thư căn cước công dân trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Đội trưởng phụ trách công tác cấp, quản lý căn cước công dân (sau đây viết gọn là Đội trưởng Đội căn cước công dân) duyệt hồ sơ tra cứu và gửi đến Đội tàng thư căn cước công dân thuộc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội để tra cứu.

- Trường hợp tra cứu tàng thư căn cước công dân ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội duyệt hồ sơ tra cứu và gửi đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nơi cần tra cứu;

3. Tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư: Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư duyệt hồ sơ cần tra cứu và gửi đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nơi cần tra cứu.

**Câu 20. Đề nghị cho biết việc xử lý dữ liệu điện tử cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân tại Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, căn cứ vào kết quả đối sánh sinh trắc học của hệ thống cấp Căn cước công dân, cán bộ xử lý dữ liệu hồ sơ căn cước công dân thực hiện như sau:

- Đối với trường hợp đủ điều kiện cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân: Báo cáo Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư đề xuất Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội phê duyệt danh sách cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

- Đối với trường hợp không đủ điều kiện cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân: Báo cáo Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư đề xuất Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội phê duyệt danh sách hồ sơ không đủ điều kiện cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân và có thông báo về cho đơn vị thu nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân để kiểm tra, xác minh và xử lý vi phạm (nếu có).

**Câu 21. Sau khi nhận được thẻ Căn cước công dân được cấp, chị M xem kỹ và nhận thấy ngày cấp thẻ Căn cước công dân của mình không phải là ngày chị đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp. Sau khi hỏi đơn vị bàn giao thẻ thì chị M nhận được câu trả lời ngày cấp thẻ Căn cước công dân là ngày Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội phê duyệt cấp. Vậy pháp luật quy định như thế nào về trường hợp này?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, việc phê duyệt cấp, đổi, cấp lại và in hoàn chỉnh thẻ Căn cước công dân được quy định như sau:

- Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội phê duyệt cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

- Ngày cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân là ngày Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội phê duyệt cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

- Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư tổ chức in hoàn chỉnh thẻ Căn cước công dân sau khi đã được phê duyệt.

Như vậy, trong trường hợp này, câu trả lời của đơn vị bàn giao thẻ Căn cước công dân cho chị M là đúng theo quy định của pháp luật.

**Câu 22. Sau khi hoàn thành thủ tục phê duyệt cấp, đổi, cấp lại và in hoàn chỉnh thẻ Căn cước công dân, việc trả thẻ Căn cước công dân và kết quả giải quyết cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, việc trả thẻ Căn cước công dân và kết quả giải quyết cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân được quy định như sau:

1. Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư có trách nhiệm:

- Trả thẻ Căn cước công dân và cập nhật dữ liệu kết quả phê duyệt cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho đơn vị tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân ban đầu;

- Cập nhật dữ liệu kết quả phê duyệt cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kiến nghị xác lập lại số định danh cá nhân (nếu có) theo quy định.

2. Đơn vị tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân có trách nhiệm:

- Trả thẻ Căn cước công dân, Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân, số Căn cước công dân (nếu có). Đối với trường hợp công dân đăng ký trả kết quả tại địa chỉ theo yêu cầu thì bàn giao thẻ Căn cước công dân, Giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân, số Căn cước công dân (nếu có) cho đơn vị thực hiện dịch vụ chuyển phát để trả cho công dân.

- Chuyển hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân về tàng thư căn cước công dân nơi công dân đăng ký thường trú theo quy định;

- Xóa dữ liệu cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân trên phần mềm thu nhận hồ sơ căn cước công dân sau 06 tháng kể từ ngày thu nhận hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

**Câu 23. Đề nghị cho biết thời hạn xử lý hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân thì thời hạn xử lý hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân thời hạn xử lý hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân được quy định như sau:

1. Đối với hồ sơ do Công an cấp huyện hoặc Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội tiếp nhận thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đủ hồ sơ phải hoàn thành việc xử lý và chuyển dữ liệu điện tử lên Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội:

- Đối với dữ liệu điện tử do đơn vị tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chuyển lên thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ dữ liệu điện tử, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội phải hoàn thành việc xử lý, phê duyệt, in hoàn chỉnh thẻ Căn cước công dân;

- Đối với hồ sơ do Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư tiếp nhận thì trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ phải hoàn thành việc xử lý, phê duyệt, in hoàn chỉnh thẻ Căn cước công dân;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi in hoàn chỉnh thẻ Căn cước công dân, phải chuyển phát thẻ Căn cước công dân về đến nơi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.

 **Tiểu phẩm số 1: Nỗi lo ngày dịch**

*(Khoản 1, 2, 3 Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an*

*quy định chi tiết thi hành Luật căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiếu một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP*

*ngày 29/3/2021 và Điều 25 Luật Căn cước công dân 2014)*

**Các nhân vật:**

Anh Long: Công nhân.

Chị Hương: Vợ anh Long.

Chị Lan: Nhân viên pháp lý Công ty.

Rời quê lên thành phố đi làm công nhân, gia đình anh Long và chị Hương mong có thể thoát khỏi đói nghèo, trả nợ và nuôi sống mẹ già ở quê. Đi làm được hai năm, anh chị đã trả được gần hết số nợ xây nhà. Thấy vậy, cả gia đình mừng lắm. Hai vợ chồng luôn động viên nhau cố gắng làm ăn để trả nốt số nợ còn lại, có khoản tích trữ nuôi con và gửi về phụng dưỡng mẹ. Nhưng thật không may, do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid - 19, sản xuất ngưng trệ, chị Hương tạm thời bị mất việc làm, gia đình anh chị gặp nhiều khó khăn vì thu nhập giảm sút. Càng đáng buồn hơn là cả gia đình không thể về quê trong một thời gian dài do ở quê của anh chị là vùng dịch, hai vợ chồng lại chưa tiêm vắc xin phòng dịch Covid - 19.

Một hôm, quản lý phân xưởng của anh thông báo các anh em công nhân cuối tháng này mỗi người cung cấp thêm một bản photo chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân. Lấy chứng minh thư nhân dân của mình ra, anh Long giật mình khi thấy sắp hết hạn, chỉ còn 12 ngày nữa là tròn 15 năm. Anh nhớ đã nghe vấn đề này trên chuyên mục truyền pháp luật của Đài truyền hình và biết rõ chứng minh thư nhân dân có giá trị sử dụng trong 15 năm. Đang lúng túng không biết xử lý thế nào thì anh em trong phân xưởng mách cho anh Long lên hỏi bộ phận pháp lý của Công ty. Tranh thủ buổi chiều tan ca sớm, anh vội đến gõ cửa Phòng Pháp chế nhờ tư vấn giúp.

Tiếng trong phòng vọng ra: Mời vào!

Anh Long đẩy cửa bước vào: Chào các anh chị, tôi là Long – công nhân dưới phân xưởng sản xuất và vận hành máy.

Chị Lan – phụ trách pháp lý: Vâng, mời anh ngồi đây. Tôi là Lan được giao phụ trách mảng pháp lý của Công ty. Có việc gì vậy anh?

Anh Long vừa ngồi xuống vừa nói: Cảm ơn chị. Tôi có chút vướng mắc chưa biết phải xử lý như thế nào, nên hôm nay tôi tới đây muốn nhờ các anh chị tư vấn giúp cách giải quyết. Không biết có phiền chị không?

Chị Lan mỉm cười vừa rót nước cho anh Long vừa nói: Không sao. Anh cứ nói đi, nếu thuộc phạm vi chúng tôi nắm được, chúng tôi sẽ giúp anh. Mời anh vừa uống trà vừa nói ạ.

Anh Long nhận chén trà và bắt đầu nói: Tôi xin. Chẳng là hôm nay tôi thấy anh quản lý phân xưởng nói cuối tháng này anh em công nhân phải nộp một bản photo chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân để cập nhật hồ sơ Công đoàn gì đó. Nhưng chứng minh thư nhân dân của tôi còn 12 ngày nữa là hết hạn rồi. Nghe nói phải về nơi thường trú mới làm lại được, nhưng ở quê của tôi đang thuộc vùng dịch nên tôi chưa về được. Có cách nào giải quyết được trường hợp của tôi không chị?

Thấy anh Long có vẻ lo lắng, chị Lan nhẹ nhàng giải thích: Anh cứ bình tĩnh và không phải lo đâu. Đúng là quy định trước đây thì anh phải về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú để làm. Nhưng hiện nay thì có thể làm được cả ở nơi anh tạm trú đấy[[1]](#footnote-1). Kể từ ngày 01/7/2021, anh có thể làm thẻ căn cước công dân tại nơi tạm trú thay vì chỉ ở nơi thường trú như trước đây.

Anh Long giãn cơ mặt: Ôi vậy à chị, thế thì tốt quá. Từ sáng tới giờ tôi cứ lo lắng không biết làm sao. Giờ nghe chị nói vậy thì tôi sẽ làm tại đây luôn.

Chị Lan: Anh nhớ mang theo chứng minh thư nhân dân cũ nhé. Từ ngày 01/7/2021, khi làm thủ tục chuyển từ chứng minh dân dân sang thẻ căn cước công dân gắn chip sẽ bị thu hồi chứng minh nhân dân cũ. [[2]](#footnote-2)

Anh Long: Vâng tôi nhớ rồi. À nếu sáng mai tôi đi làm thì cuối tháng có kịp nhận được căn cước công dân không chị?

Chị Lan: Vấn đề này cũng được quy định rõ trong Luật Căn cước công dân 2014.[[3]](#footnote-3) Tuy nhiên trên thực tế người dân đi làm mới căn cước công dân hoặc cấp đổi chứng minh nhân dân sang căn cước công dân với số lượng lớn, dẫn đến quá tải, do đó thời hạn nhận căn cước công dân có thể lâu hơn. Mình ở thành phố lớn thì không lo anh ạ. Anh yên tâm cuối tháng vẫn kịp.

Anh Long phấn khởi: May nhờ có chị mà lo lắng trong tôi đã giảm bớt. Cảm ơn chị rất nhiều.

Chị Lan vui vẻ đưa cho anh Long tập giấy: Vâng, không có gì đâu. Chúng tôi được giao phụ trách các vấn đề pháp lý của công ty, nên các văn bản pháp luật mới ban hành được cập nhật liên tục anh ạ. Tiện đây tôi xin tặng anh bản phô tô các văn bản Luật căn cước công dân và Thông tư số 59/2021/TT-BCA của Bộ Công an. Khi có thời gian, anh tìm hiểu thêm, có nhiều kiến thức rất hữu ích.

Anh Long vui vẻ nhận tập tài liệu, anh cảm ơn chị Lan và ra về. Anh thấy tâm trạng mình thoải mái, nhẹ nhõm hơn, anh tự nhủ trong lòng dù ít học thì mình cũng cần tự trang bị kiến thức pháp luật để khi gặp phải các tình huống như hôm nay còn biết cách xử lý.

**Tiểu phẩm số 2: Yên tâm khi hiểu biết pháp luật**

*(Khoản 3, 4, Điều 5 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân)*

**Các nhân vật:**

Mai: Học sinh, 14 tuổi.

Anh Hoàng: Anh họ của Mai (luật sư).

Mai sinh ra và lớn lên trong một gia đình gia giáo, bố mẹ em đều là công chức nhà nước. Do em bị viêm da cơ địa bẩm sinh nên bố mẹ đều thương và không bắt Mai phải làm việc gia đình. Để chữa bệnh cho con, bố mẹ đã đưa Mai đến nhiều bệnh viện nhưng bệnh chỉ đỡ hơn chứ chưa chữa khỏi hẳn. Đợt này bệnh trở nặng hơn, các đầu ngón tay của em đã không thể nhìn rõ đường vân nữa. Mai buồn lắm. Mà đúng năm nay Mai đủ tuổi để làm thẻ căn cước công dân gắn chíp. Em lo lắng và sợ không lấy được đủ 10 vân tay để làm thẻ.

Trong một lần ăn cơm nhà ông bà nội, thấy Mai không vui vẻ, ánh mắt buồn buồn và vẻ mặt lộ rõ ưu tư, anh Hoàng đến gần hỏi han em.

Anh Hoàng: Sao mặt buồn thế em gái? Học hành dạo này có vấn đề gì à? Hay lại đang tương tư chàng nào?

Mai: Anh lại trêu em. Nếu là một trong các vấn đề đó thì em đã không buồn đến mức này. À, em thấy bố mẹ kể anh đang làm việc ở Văn phòng luật sư ạ?

Anh Hoàng cười: Đúng rồi thưa cô. Anh làm bao lâu nay rồi mà giờ em gái anh mới biết à. Kể ra cũng kỳ cựu ở Văn phòng đấy chứ đùa à.

Mai: Tại từ đợt lên cấp 2 em thấy bài vở nhiều quá, em có để ý được gì đâu anh, lúc nào đi học về em cũng lăn ra làm bài tập mà không hết được ý. Thôi anh trai đừng trách em.

Anh Hoàng xoa đầu Mai: Trêu em thôi chứ anh có dám trách gì đâu. Chương trình học bây giờ mới rồi, anh biết các em học vất vả mà.

Mai cười rồi mặt lại ủ rũ: Vâng ạ. À, em có việc này mà không biết anh có giúp em được không.

Anh Hoàng thấy Mai buồn thì hỏi lại: Ơ em cứ nói đi. Có gì đâu. Anh biết anh nói liền. Việc gì mà làm em gái anh buồn thế này nhỉ?

Mai giơ hai bàn tay lên cho Hoàng xem: Đây ạ. Anh biết rồi đấy, em bị viêm da cơ địa bẩm sinh. Mấy đầu ngón tay của em chẳng nhìn rõ đường vân nữa rồi. Mà hôm qua trường em lại vừa thông báo chúng em đủ 14 tuổi có thể làm thẻ căn cước công dân anh ạ.

Hoàng hiểu ý em gái: À, anh hiểu rồi. Đúng là đi làm thẻ căn cước công dân thì phải tiến hành thu nhận vân tay. Nhưng em đừng lo lắng đến mức như vậy. Chuyện lấy dấu vân tay để làm thẻ giờ cũng được thực hiện linh hoạt rồi. Không phải chỉ khi lấy được dấu vân tay mới làm được thẻ đâu.

Vẻ mặt của Mai rạng lên. Em cắt ngang lời Hoàng:

- Vậy với trường hợp của em thì sẽ thực hiện như thế nào ạ?

Hoàng:

- Là như thế này thưa cô, nếu ai lấy được dấu vân tay thì vẫn tiến hành lấy dấu theo quy định của pháp luật[[4]](#footnote-4). Với em do thu nhận được đủ 10 ngón thì sẽ mô tả và nhập thông tin về tình trạng vân tay không thu nhận được. Thế đã yên tâm chưa nào!

Mai nhẹ nhõm nhìn hai bàn tay của mình: Vâng, may quá, nhờ anh có hiểu biết pháp luật và giải thích thì em mới không còn lo gì nữa. Chứ không từ lúc nghe tin làm thẻ căn cước công dân phải thu nhận vân tay, em cứ lo mãi.

Anh Hoàng cười: Thế có cần hỏi thêm về vấn đề chụp ảnh chân dung để làm thẻ không nào? Anh thấy em tóc dài mà lại để che gần hết mặt, hôm đó làm thẻ ai cho để thế được.

Mai: Đương nhiên là muốn biết rồi, sau này căn cước công dân được sử dụng nhiều lần mà ảnh không ra gì thì chán chết. Do dạo này em béo lên, mặt tròn như cái bánh nướng ý, nên kiểu tóc này sẽ giúp che bớt đi. Thế để kiểu tóc này khi không được chụp ảnh làm thẻ ạ?

Anh Hoàng: Như này nhé. Theo quy định thì ảnh chân dung của công dân khi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân là ảnh màu, phông nền trắng, chụp chính diện, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính; trang phục, tác phong nghiêm túc, lịch sự[[5]](#footnote-5). Đối với trường hợp công dân theo tôn giáo, dân tộc thì được mặc lễ phục tôn giáo, trang phục dân tộc đó, nếu có khăn đội đầu thì được giữ nguyên nhưng phải đảm bảo rõ mặt, rõ hai tai.

Em nhớ lưu ý mà chuẩn bị cho cẩn thận, kẻo sau bạn trai nhìn ảnh tưởng mới trên rừng về. Ha ha.

Thấy anh Hoàng cười thích chí, Mai gãi đầu đáp: Thôi không sao, bị anh trêu cũng được, còn hơn em không biết phải chuẩn bị những gì, lớ ngớ lại có tấm ảnh nhớ đời ạ.

Anh Hoàng: Đấy, có hiểu biết về luật rất quan trọng nhé. Khi mình hiểu biết rồi thì gặp các tình huống như thế này sẽ biết cách giải quyết vấn đề ngay. Chứ cứ lóng ngóng như gà mắc tóc thế này thì gay go quá. Mà bây giờ có công nghệ thông tin, điện thoại thông minh, các em có thể tra cứu, tìm kiếm hỗ trợ trên mạng cũng rất nhanh.

Mai gãi đầu cười: Vâng, khi học giáo dục công dân, cô giáo em cũng thường nhắc nhở chúng em như vậy, mà nhiều khi em và các bạn vẫn chưa ý thức được cần phải thực hiện luôn và ngay anh ạ.

Anh Hoàng: Thôi không sao, giờ chưa muộn đâu. Nhận thức là cả quá trình mà.

Mai cười vui vẻ: Dạ thưa anh. Em nhớ rồi. Nghe anh nói cho quy định của pháp luật về vấn đề này, hiểu quy định rồi, em thấy yên tâm hẳn anh ạ. Chứ bình thường em đã mặc cảm bệnh viêm da khó chữa rồi lại còn lo không làm được thẻ căn cước công dân thì chả có tâm trí nào học hành được ý.

Anh Hoàng: Thôi bệnh ngoài da mà, kiểu gì cũng tìm được cách chữa thôi. Quan trọng là em giữ tinh thần lạc quan lên cho anh. Với lại gắng học và tìm hiểu quy định pháp luật, mai sau anh cho theo nghề. Ha ha…

Mai bắt tay anh Hoàng: Vâng em nhất trí, thưa luật sư anh! Em thấy hứng thú với nghề luật sư rồi đó ạ.

Chào anh Hoàng và về nhà trong tâm trạng thoải mái, Mai đã không còn mặc cảm về bệnh viêm da nữa. Đặc biệt, mỗi lần đi nhà sách, em lại không quên xem thêm các cuốn sách về luật để biết thêm kiến thức và để từng bước thực hiện mơ ước sau này trở thành luật sư như anh Hoàng.

**2. Tìm hiểu quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (29 câu hỏi đáp tình huống và 03 tiểu phẩm pháp luật)**

*(Văn bản sử dụng: Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP)*

**Câu 24. Theo quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt chính nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Nghị định số 155/2016/NĐ-CP), cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

*Thứ nhất,* cảnh cáo;

*Thứ hai,* phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là 1.000.000.000 đồng (01 tỷ) đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng (02 tỷ) đối với tổ chức. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP được hiểu là mức phạt tiền quy định đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền với cùng hành vi vi phạm hành chính của cá nhân.

**Câu 25. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường sẽ bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung nào theo quy định của pháp luật?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP (sau đây gọi chung là Nghị định số 55/2021/NĐ-CP), tùy từng hành vi vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

 - Tước quyền sử dụng có thời hạn đối với: Giấy phép xử lý chất thải nguy hại; Giấy phép xả thải khí thải công nghiệp; Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất độc hại, chất lây nhiễm; Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; Giấy phép khai thác loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Giấy phép nuôi, trồng các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ; Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; Giấy phép nuôi trồng, phát triển loài ngoại lai; Giấy phép tiếp cận nguồn gen; Giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen; Giấy phép nhập khẩu sinh vật biến đổi gen; Giấy chứng nhận an toàn sinh học; Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện làm thực phẩm; Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện làm thức ăn chăn nuôi (sau đây gọi chung là Giấy phép môi trường)

 - Đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật xử lý vi phạm hành chính từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành;

 - Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính).

 - Việc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với cơ sở hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công được nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp hành vi vi phạm của cơ sở không gây ô nhiễm môi trường hoặc cơ sở đã chấm dứt hành vi vi phạm hoặc đã khắc phục xong hậu quả vi phạm do hành vi vi phạm hành chính gây ra. Thời điểm đình chỉ hoạt động có thời hạn được tính từ thời điểm cơ quan nhà nước đã giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu giao nhiệm vụ, chỉ định đơn vị hoặc lựa chọn được nhà thầu khác để cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.

**Câu 26. Những biện pháp khắc phục hậu quả nào theo quy định của pháp luật sẽ được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021, tùy từng hành vi vi phạm, ngoài các hình thức xử phạt chính và xử phạt bổ sung, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường đã bị ô nhiễm hoặc phục hồi môi trường bị ô nhiễm do vi phạm hành chính gây ra; buộc trồng lại, chăm sóc và bảo vệ diện tích khu bảo tồn đã bị phá hủy, phục hồi sinh cảnh ban đầu cho các loài sinh vật, thu hồi nguồn gen từ các hoạt động tiếp cận nguồn gen trái pháp luật;

- Buộc tháo dỡ hoặc di dời cây trồng, công trình, phần công trình xây dựng trái quy định về bảo vệ môi trường; buộc tháo dỡ công trình, trại chăn nuôi, khu nuôi trồng thủy sản, nhà ở, lán trại xây dựng trái phép trong khu bảo tồn;

- Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm theo quy định;

- Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, máy móc, thiết bị phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, vật phẩm, chế phẩm sinh học và phương tiện nhập khẩu, đưa vào trong nước trái quy định về bảo vệ môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện có chứa loài ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen;

- Buộc tiêu hủy hàng hóa, máy móc, thiết bị phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, vật phẩm, chế phẩm sinh học và phương tiện nhập khẩu, đưa vào trong nước trái quy định về bảo vệ môi trường hoặc gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và môi trường; buộc tiêu hủy loài sinh vật ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen chưa có Giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen, Giấy chứng nhận an toàn sinh học; buộc thu hồi và tiêu hủy chế phẩm sinh học đã sản xuất, lưu hành hoặc sử dụng trái phép. Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn về hiện trạng môi trường của các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;

- Buộc thu hồi, xử lý sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ theo quy định; buộc thu hồi kết quả phát sinh từ các hoạt động tiếp cận nguồn gen trái pháp luật;

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

- Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung, phát sáng, phát nhiệt, quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; buộc phải lập hồ sơ báo cáo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; buộc lập, thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường; buộc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định;

- Buộc xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định; buộc vận hành đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường theo quy định;

- Buộc di dời ra khỏi khu vực cấm; thực hiện đúng quy định về khoảng cách an toàn về bảo vệ môi trường đối với khu dân cư;

- Truy thu số phí bảo vệ môi trường nộp thiếu, trốn nộp theo quy định; buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường (đối với tất cả các thông số môi trường của các mẫu môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật) trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành; buộc bồi thường thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm gây ra theo quy định của pháp luật;

- Buộc di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến vị trí phù hợp với quy hoạch và sức chịu tải của môi trường.

- Buộc di dời dự án, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Buộc rà soát, cải tạo công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định;

- Buộc phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hoặc thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Buộc lập kế hoạch bảo vệ môi trường gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận theo quy định;

- Buộc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

- Buộc tháo dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường.”

**Câu 27. Ông A có hành vi vứt đầu của thuốc lá và tàn thuốc lá ra sảnh khu chung cư tầng 10 nơi ông hiện đang sinh sống mặc dù đã được nhiều người đi qua có ý kiến góp ý. Theo quy định của pháp luật, hành vi của ông A bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Điểm akhoản 18 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP quy định: *“Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng đối với hành vi vứt, thải, bỏ đầu, mẩu và tàn thuốc lá không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng”.* Trước đó, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định hành vi vứt, thải, bỏ đầu, mẩu và tàn thuốc lá không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng sẽ bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng (điểm a khoản 1 Điều 20).

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, do có hành vi vứt đầu của thuốc là và tàn thuốc lá ra khu chung cư nên ông A sẽ bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến năm 150.000 đồng. Ngoài ra, căn cứ điểm c khoản 13 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, ông A còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

**Câu 28. Hiện nay, hành vi vệ sinh cá nhân (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ điểm akhoản 18 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, hiện nay, hành vi vệ sinh cá nhân (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng sẽ bị phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng. Ngoài ra, căn cứ điểm c khoản 13 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, hành vi nêu trên còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Trước đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, hành vi vệ sinh cá nhân (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

 **Câu 29. Gia đình bà B có mở một quán bán phở tại nhà. Sau khi rửa bát cho khách, bà B thường đổ nước thải ngay trên vỉa hè và làm tràn ra cả lòng đường khu vực cửa hàng của bà B, gây mất vệ sinh môi trường. Theo quy định pháp luật hiện hành, hành vi nêu trên của bà B bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Điểm akhoản 18 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP quy định: *“Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt, trên vỉa hè, lòng đường hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt; đổ nước thải không đúng quy định trên vỉa hè, lòng đường phố”.*

Căn cứ quy định nêu trên, do bà B có hành vi đổ nước thải không đúng quy định trên vỉa hè, lòng đường phố nên bà B bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Ngoài ra, căn cứ điểm c khoản 13 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, hành vi nêu trên còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

**Câu 30. C có chiếc xe tải chuyên chở hàng thuê. Trong một lần chở thuê cát, sỏi cho công trình xây dựng, do không che chắn cẩn thận nên trong quá trình vận chuyển từ nơi tập kết cát, sỏi đến công trường xây dựng, C đã làm rơi vãi cát, sỏi ra môi trường trong quá trình điều khiển chiếc xe tham gia giao thông. Hành vi nêu trên của C bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Điểm akhoản 18 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP quy định: *“Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong khi tham gia giao thông.”*

Căn cứ quy định nêu trên, do C có hành vi điều khiển phương tiện vận chuyển chứa cát, sỏi, do không che chắn cẩn thận nên trong quá trình vận chuyển đã làm rơi vãi cát, sỏi ra môi trường trong khi tham gia giao thông nên C sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng. Ngoài ra, căn cứ điểm c khoản 13 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, hành vi nêu trên của C còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

**Câu 31. Theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 6 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không có báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường gửi cơ quan chức năng theo quy định;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường không đến điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải theo quy định;

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí các thiết bị lưu chứa phù hợp để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định;

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các phương tiện, thiết bị vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định; bố trí thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ tạm thời hoặc trạm trung chuyển, phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; để rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình vận chuyển.

Ngoài ra, căn cứ điểm c khoản 13 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, tùy từng hành vi vi phạm nêu trên mà có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

**Câu 32. Theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 7 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và điểm c khoản 18 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt sẽ bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không lập báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi hệ thống, thiết bị xử lý (kể cả sơ chế, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng), khu vực lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định.

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung trong phương án xử lý chất thải rắn sinh hoạt được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, trừ trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường xung quanh;

- Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung trong phương án xử lý chất thải rắn sinh hoạt được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, trừ trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường xung quanh;

- Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án xử lý rác thải sinh hoạt được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định. Ngoài ra, căn cứ điểm a khoản 12 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, hành vi này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động của cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 03 tháng đến 06 tháng.

**Câu 33. Gia đình tôi dự kiến trong thời gian tới sẽ nuôi trồng thủy sản nên rất muốn tìm hiểu về những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản sẽ bị pháp luật xử phạt để từ đó có ý thức trách nhiệm hơn, tránh vi phạm. Xin hỏi theo quy định của pháp luật, những hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản nào sẽ bị xử phạt? Mức xử phạt cụ thể là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 5 Điều 12 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thu gom, xử lý bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản theo quy định; thải nước nuôi trồng thủy sản vượt quy chuẩn nước sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản không theo quy định của địa phương;

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện phục hồi môi trường sau khi ngừng hoạt động nuôi trồng thủy sản theo quy định;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng hóa chất độc hoặc tích tụ độc hại trong cơ sở nuôi trồng thủy sản;

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản trên bãi bồi đang hình thành vùng cửa sông ven biển;

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản.

Căn cứ điểm d khoản 11 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, tùy từng hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản sẽ bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- Buộc phải có biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Buộc tháo dỡ công trình nuôi trồng thủy sản; buộc phục hồi môi trường đối với hành vi do các hành vi xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản trên bãi bồi đang hình thành vùng cửa sông ven biển và hành vi phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản.

**Câu 34. Những hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường quy định đối với chủ nguồn chất thải nguy hại nào sẽ bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 5 Điều 21 Nghị định 155/2016/NĐ-CP và điểm c khoản 19 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn chất thải nguy hại sau đây:

- Không ký hợp đồng với đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp trước khi chuyển giao chất thải nguy hại để xử lý theo quy định;

- Không chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp để thu gom, xử lý theo quy định trong trường hợp không được phép tiếp tục lưu giữ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- Không phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại để quản lý theo quy định; báo cáo không đúng thực tế với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại;

- Không đóng gói, bảo quản chất thải nguy hại trong các bao bì, thiết bị lưu chứa phù hợp, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định;

- Không bố trí hoặc bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

**Câu 35. Chủ nguồn chất thải nguy hại có hành vi để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau trong trường hợp các chất thải nguy hại không cùng tính chất, không cùng phương pháp xử lý hoặc để lẫn chất thải nguy hại với chất thải khác thì sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 6 Điều 21 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định, hành vi để lẫn chất thải nguy hại khác loại với nhau trong trường hợp các chất thải nguy hại không cùng tính chất, không cùng phương pháp xử lý hoặc để lẫn chất thải nguy hại với chất thải khác bị xử phạt như sau:

- Phạt cảnh cáo đối với vi phạm lần đầu và phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần đối với trường hợp để chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc, thiết bị đơn chiếc vào chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp để lẫn từ 02 đến dưới 05 chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc, thiết bị đơn chiếc hoặc dưới 10% khối lượng chất thải nguy hại khác loại vào các bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại khác hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có cùng tính chất, phương pháp xử lý hoặc để vào chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường;

- Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với trường hợp để lẫn từ 05 đến dưới 10 chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc, thiết bị đơn chiếc hoặc từ 10% đến dưới 50% khối lượng chất thải nguy hại khác loại vào các bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại khác hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có cùng tính chất, phương pháp xử lý hoặc để vào chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường;

- Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp để lẫn từ 10 chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc, thiết bị đơn chiếc trở lên hoặc từ 50% khối lượng chất thải nguy hại khác loại trở lên vào các bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại khác hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có cùng tính chất, phương pháp xử lý hoặc để vào chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường.

**Câu 36. Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại nào sẽ bị xử phạt từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 2 Điều 22 Nghị định 155/2016/NĐ-CP và điểm b khoản 20 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 200.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại sau đây:

*Thứ nhất,* không lập và gửi hồ sơ đăng ký vận chuyển chất thải nguy hại xuyên biên giới cho chủ nguồn thải chất thải nguy hại, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

*Thứ hai,* không lập hồ sơ trực tuyến theo dõi hành trình phương tiện vận chuyển bằng GPS và cung cấp quyền truy cập cho cơ quan cấp phép theo quy định;

*Thứ ba,* không báo cáo cơ quan cấp phép trước khi thực hiện Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt khi địa bàn thu gom không quy định trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

**Câu 37. Pháp luật hiện hành quy định hành vi nhập tàu biểu đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường mà không phải là tội phạm về môi trường sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 4 Điều 24 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và điểm a khoản 22 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện báo cáo định kỳ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng theo quy định;

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 đối với cơ sở hoạt động phá dỡ tàu biển;

- Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không có kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận trước khi tiến hành phá dỡ từng con tàu;

- Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không đủ điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ đã tiến hành các hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;

- Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với hành vi không đủ điều kiện nhưng vẫn nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ;

- Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 900.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu không đúng chủng loại tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ;

- Phạt tiền từ 900.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng nhiễm chất phóng xạ, vi trùng gây bệnh, chất độc khác chưa được tẩy rửa hoặc không có khả năng làm sạch để phá dỡ.

 **Câu 38. Công ty X chuyên nhậu khẩu phế liệu là sắt, thép để làm nguyên liệu sản xuất. Vừa qua, khi bị kiểm tra đột xuất, cơ quan có thẩm quyền phát hiện công ty X nhập khẩu phế liệu là sắt, thép với khối lượng lớn nhưng lại không có kho, bãi để lưu giữ phế liệu đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường. Xin hỏi theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi nêu trên của công ty X sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Điểm a khoản 23 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP,Khoản 3 Điều 10 Nghị định 14/2021/NĐ-CP quy định: *“Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không có kho, bài lưu giữ phế liệu nhập khẩu đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất theo quy định; lưu giữ phế liệu nhập khẩu tại khu vực không đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất theo quy định”.*

Căn cứ quy định nêu trên, do công ty X không có kho, bãi để lưu giữ phế liệu nhập khẩu đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất nên công ty có sẽ bị phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng. Ngoài ra, căn cứ điểm d khoản 23 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, công ty X còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 03 tháng đến 06 tháng.

**Câu 39. Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường biển nào sẽ bị phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 3 Điều 27 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển sau đây:

- Hoạt động khai thác nguồn lợi, tài nguyên biển và hoạt động khác liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên biển thực hiện không đúng theo quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên đã được phê duyệt;

- Hoạt động trong khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng ngập mặn, di sản tự nhiên biển không tuân theo quy chế của ban quản lý, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Không xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với chất thải và các yếu tố gây ô nhiễm khác từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xây dựng, giao thông, vận tải, khai thác trên biển;

- Để, lưu giữ phương tiện vận tải, kho tàng, các công trình khai thác dầu khí trên biển quá thời gian phải xử lý;

- Không thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại theo quy định đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên biển, phá dỡ phương tiện vận tải trên biển.

**Câu 40. Tôi vừa mua một căn hộ chung cư mới. Tuy nhiên khi đến sinh sống mới nhận thấy khu chung cư không có nơi tập trung rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình đảm bảo vệ sinh môi trường. Xin hỏi theo quy định của pháp luật hiện hành, chủ đầu tư khu chung cư bàn giao công trình nhưng lại không có nơi tập trung rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình đảm bảo vệ sinh môi trường sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 28 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định về vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường nơi công cộng, khu đô thị, khu dân cư. Theo đó tại khoản 3 quy định: *“Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với chủ đầu tư xây dựng mới khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu chung cư có hành vi bàn giao công trình đưa vào sử dụng mà không thực hiện đúng và đầy đủ một trong các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau đây:*

*a) Không có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường phù hợp với quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;*

*b) Không có thiết bị, phương tiện thu gom, tập trung chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải và đủ khả năng tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các hộ gia đình trong khu dân cư;*

*c) Không bảo đảm các yêu cầu về cảnh quan đô thị, vệ sinh môi trường;*

*d) Không có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải riêng biệt phù hợp với quy hoạch thoát nước thải, bảo vệ môi trường của khu dân cư;*

*đ) Không có nơi tập trung rác thải sinh hoạt bảo đảm vệ sinh môi trường;*

*e) Không có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường”*

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, do chủ đầu tư khu chung cư mới nơi bạn mua đã bàn giao công trình nhưng lại không có nơi tập trung rác thải sinh hoạt bảo đảm vệ sinh môi trường nên chủ đầu tư sẽ bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

**Câu 41. Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 25 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đất sẽ bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc điều tra, đánh giá chi tiết khu vực đất bị ô nhiễm theo quy định trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường.

- Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không lập phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm trình Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, theo dõi, giám sát theo quy định trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường.

- Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm theo quy định trong trường hợp gây ra ô nhiễm môi trường.

Ngoài ra, các hành vi nêu trên còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

**Câu 42. Hành vi vi phạm các quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ Điều 32 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và khoản 26 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, hành vi vi phạm các quy định về cải tạo, phục môi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản sẽ bị xử phạt như sau:

(i) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo công tác thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về cơ quan phê duyệt phương án và cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường tại địa phương theo quy định; không báo cáo cơ quan phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong trường hợp có sự điều chỉnh phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

(ii) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ một trong các hạng mục công việc phải thực hiện trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

(iii) Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không có xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

(iv) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không lập lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định, trừ trường hợp thuộc đối tượng phải lập lại báo đánh giá tác động môi trường.

(v) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc từng giai đoạn hoạt động hoặc khi kết thúc hoạt động khai thác khoáng sản theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

Ngoài ra, các hành vi (iii), (iv) và (v) còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản từ 06 tháng đến 12 tháng. Hành vi (iv) bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Hành vi (v) bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện đúng, đầy đủ nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

**Câu 43. Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 3 và điểm đ khoản 4 Điều 34 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y bị xử phạt như sau:

(i) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký phát thải hóa chất, kiểm kê, báo cáo và quản lý thông tin về hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y theo quy định; sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sai quy định và gây ô nhiễm môi trường;

(ii) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc quan trắc môi trường đối với hóa chất nguy hại theo quy định hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

(iii) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc đánh giá và kiểm soát phát thải hóa chất theo quy định;

(iv) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép và gây ô nhiễm môi trường;

(v) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu hóa chất, vật liệu chứa hóa chất nguy hại không đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường.

Các hành vi (iii), (iv) và (v) còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 09 tháng đến 12 tháng.

**Câu 44. Hành vi khai thác trái phép thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ điểm a khoản 30 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, hành vi khai thác trái phép đối với gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiểm được ưu tiên bảo vệ thì áp dụng biện pháp xử lý theo quy định tại Nghị định số [35/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-35-2019-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-lam-nghiep-412440.aspx) ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi khai thác trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quy, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thì bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá dưới 1.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng.”

Ngoài ra, căn cứ khoản 5 Điều 40 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, các hành vi nêu trên còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm.

**Câu 45. Hành vi vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen nào sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng?**

**Trả lời:**

Căn cứ điểm a khoản 31 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm các quy định về quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen sau đây:

*Thứ nhất,* không tuân thủ các nội dung trong Kế hoạch tiếp cận nguồn gen đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

*Thứ hai,* không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chuyển giao nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen cho bên thứ ba với cùng mục đích sử dụng để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại;

*Thứ ba,* không tiến hành chia sẻ lợi ích thu được từ việc sử dụng nguồn gen với các bên liên quan theo quy định;

*Thứ tư,* không thực hiện báo cáo định kỳ hoặc báo cáo hoạt động theo quy định trong thời gian tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại ghi tại Giấy phép tiếp cận nguồn gen;

*Thứ năm,* đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ Việt Nam nhưng không thực hiện đúng các nội dung quy định tại Giấy phép tiếp cận nguồn gen hoặc Quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại;

*Thứ sáu,* sử dụng Giấy phép tiếp cận nguồn gen không đúng nội dung, mục đích;

*Thứ bảy,* không gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen khi Giấy phép hết hạn nhưng vẫn thực hiện việc thu mẫu, tiếp cận nguồn gen đã được cấp phép.

**Câu 46. Hành vi che dấu thông tin về nguy cơ gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đa dạng sinh học của sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ điểm b khoản 32 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, hành vi che dấu thông tin về nguy cơ gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, đa dạng sinh học của sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen sẽ bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Đây là một trong những hành vi vi phạm các quy định về sản xuất, kinh doạn, nhập khẩu, lưu giữ, vận chuyển sinh vật biến đối gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen được bổ sung mới tại Nghị định số 55/2021/NĐ-CP so với Nghị định số 155/2016/NĐ-CP.

**Câu 47. Đề nghị cho biết hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao bị xử phạt như thế nào?**

Theo khoản 6 Điều 12 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và điểm b khoản 11 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP quy định, hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định bảo vệ môi trường của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

- Phạt tiền bằng 50% mức phạt tiền quy định tại Điều 13 (vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường) và Điều 14 (vi phạm các quy định về xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường) của Nghị định này đối với hành vi xả nước thải vào hệ thông thu gom, xử lý tập trung của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề có chứa một trong các thông số môi trường (chọn thông số vượt cao nhất) vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề;

 - Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xả trái phép nước thải vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp.”

**Câu 48. Ông X nhận chở phế thải vật liệu xây dựng cho công trình xây dựng nhà ở bằng xe ba bánh. Do trong quá trình vận chuyển, ông X không có tấm che nên đã khiến vật liệu đổ xuống đường gây ô nhiễm môi trường và mất an toàn giao thông. Xin hỏi hành vi này của ông X sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP, “phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong khi tham gia giao thông”. Như vậy với trường hợp nêu trên, ông X do không có tấm che chắn đã để vật liệu rơi xuống đường sẽ bị xử phạt từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

Ngoài ra, theo khoản 13 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, hành vi của ông X sẽ buộc phải thực hiện các biện pháp  khắc phục hậu quả như buộc khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường (thu dọn phế liệu bị rơi vãi xuống đường, dọn dẹp vệ sinh lòng đường…).

**Câu 49. Đề nghị cho biết hành vi vi phạm quy định về bảo vệ, sử dụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 37 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định, vi phạm các quy định về bảo vệ, sử đụng công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường sẽ bị xử phạt như sau:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Gây cản trở việc khai thác, sử dụng các công trình bảo vệ môi trường;

- Trồng cây làm ảnh hưởng đến hành lang an toàn kỹ thuật của công trình bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi dịch chuyển trái phép các thiết bị, máy móc quan trắc môi trường.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình làm ảnh hưởng đến hành lang an toàn kỹ thuật của công trình bảo vệ môi trường.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hại các máy móc, thiết bị và công trình bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, các hành vi vi phạm có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc tháo dỡ, di dời công trình, cây trồng trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

**Câu 50. Hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thì sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Điểm b khoản 30 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP quy định hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép loài thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trừ gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ thì sẽ bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có giá trị dưới 15.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 25.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 25.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 70.000.000 đồng đến dưới 90.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 90.000.000 đồng đến dưới 120.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 120.000.000 đồng đến dưới 150.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 150.000.000 đồng đến dưới 180.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 210.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 180.000.000 đồng đến dưới 210.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 210.000.000 đồng đến 240.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 210.000.000 đồng đến dưới 240.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 240.000.000 đồng đến 270.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 240.000.000 đồng đến dưới 270.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 270.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với loài thực vật hoang dã có trị giá từ 270.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng.

Ngoài ra, các hành vi vi phạm này sẽ bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

**Câu 51. Trên cơ sở đơn tố cáo của người dân, Đội thanh tra chuyên ngành bảo vệ môi trường của tỉnh A đã kiểm tra và phát hiện doanh nghiệp X có dấu hiệu vi phạm hoạt động xử lý nước thải, gây ô nhiễm môi trường, do đó đã đề nghị tổ chức đối thoại giữa doanh nghiệp với người dân và đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, đại diện doanh nghiệp đã khẳng định không vi phạm và từ chối đối thoại. Xin hỏi trường hợp này có bị xử phạt vi phạm hành chính hay không?**

**Trả lời:**

Theo khoản 1 Điều 47 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định, hành vi “không tổ chức đối thoại về môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường hoặc theo đơn thư khiếu nại, tố cáo, khởi kiện của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định” thì sẽ bị xử phạt từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Mức xử phạt này cũng áp dụng đối với các hành vi:

- Gây khó khăn cho công tác điều tra, nghiên cứu, kiểm soát, đánh giá hiện trạng môi trường hoặc hoạt động công vụ của người có thẩm quyền;

- Có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự đối với người đang thi hành công vụ;

- Từ chối nhận quyết định thanh tra, kiểm tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

**Câu 52. Đề nghị cho biết hành vi xả nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên, trừ các trường hợp tội phạm về môi trường thì bị xử phạt như thế nào?**

Khoản 6 Điều 14 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và điểm b khoản 14 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP quy định, hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 05 lần trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường thì bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 05 m³/ngày (24 giờ);

- Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 110.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 05 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 10 m³/ngày (24 giờ);

- Phạt tiền từ 110.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 20 m³/ngày (24 giờ);

- Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 20 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 40 m³/ngày (24 giờ);

- Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 40 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 60 m³/ngày (24 giờ);

- Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 60 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 80 m³/ngày (24 giờ);

- Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 80 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 100 m³/ngày (24 giờ);

- Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 100 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 200 m³/ngày (24 giờ);

- Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 200 m³/ngày (24 giờ) đến dưới 400 m³/ngày (24 giờ);

- Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng trong trường hợp thải lượng nước thải từ 400 m3/ngày (24 giờ) trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường.

Ngoài ra, với các hành vi nêu trên cơ sở vi phạm có thể bị đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường từ 03 tháng đến 06 tháng và bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả như:thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Buộc rà soát, cải tạo công trình xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định đối với các vi phạm; Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành đối với các vi phạm; Buộc phải lắp đặt thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

**Tiểu phẩm số 3: Chưa kịp vui mừng**

*(Tìm hiểu Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ sửa đổi,*

*bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường)*

**Các nhân vật:**

 Anh Tâm – Chủ chiếc xe tải cũ

 Chị Hòa – Vợ anh Tâm

 Anh Vũ – Bạn của anh Tâm

 Ông Nam – Hàng xóm

 Sau bao năm tích góp và vay mượn thêm, hai vợ chồng anh Tâm, chị Hòa quyết định mua một chiếc xe tải cũ để anh Tâm chở thuê vật liệu xây dựng cho các công trình. Thời buổi dịch bệnh Covid-19 nên tìm việc rất khó khăn. Thế nên nhìn thấy chiếc xe, anh Tâm quyết tâm lắm. Hôm lấy xe từ người chủ cũ về, đỗ xe ở trước cửa nhà, anh Tâm vui mừng khôn xiết. Thấy vậy, ông Nam hàng xóm cũng chạy sang thăm, hỏi chuyện.

 Ông Nam: Mới mua xe đấy hả cháu? Chúc mừng hai vợ chồng nhé! Giờ thì yên tâm mà có cái phương tiện mà lo làm ăn rồi!

 Anh Tâm: Cháu cảm ơn chú ạ! Vợ chồng cháu phải tích góp bao nhiêu năm và vẫn phải vay mượn thêm mới mua được chiếc xe cũ này. Thời buổi càng ngày càng khó làm ăn thế này ai cũng phải cố gắng chú ạ!

 Chị Hòa (tiếp nối lời chồng): Cháu cảm ơn chú đã động viên vợ chồng cháu. Vợ chồng cháu mới đến thuê nhà ở khu này nên cũng còn nhiều khó khăn chú ạ! Cháu cũng động viên chồng cháu suốt rằng phải cố gắng chăm chỉ để còn lo mua nhà cửa, còn con cái nữa chú ạ. Sức khỏe của cháu thì không được tốt lắm nên cháu phải động viên chồng cháu mãi đấy ạ!

 Ông Nam: Các cháu nghĩ thế là phải đấy, giờ dịch bệnh phức tạp nên người làm ăn cũng khó hơn. Ngoài kia đầy người còn không có việc làm kia kìa. Vợ chồng chúng mày giờ có cái xe chở thuê thì cũng yên tâm phần nào. Không chở cái này thì ta chở cái khác. Cứ miễn sao tuân thủ các quy định thì không việc gì phải sợ cả. Như thằng cháu của chú ấy, nó cũng có một chiếc xe tải để chở hàng thuê. Đầy người gọi chở mà phải từ chối đấy, vì không có thời gian. Nên là hai vợ chồng các cháu không phải lo nhiều đâu!

 Anh Tâm: Chú nói thế cháu thấy yên tâm hơn, chứ sau khi lấy xe về cháu lo lắm ạ!

 Ông Nam: Ừ, thế đã quyết định chở thuê cái gì chưa? Hàng thực phẩm, đồ gia dụng hay là cái gì?

 Chị Hòa: Vợ chồng cháu đã bàn bạc và tính sẽ chở thuê cát sỏi, xi măng, các loại vật liệu xây dựng đấy chú ạ. Anh bạn của chồng cháu cũng chở thuê vật liệu xây dựng cho các công trình, thấy bảo bận lắm, ngày nào cũng có khách gọi.

 Ông Nam: Ừ, chở gì thì chở. Nhưng với những sản phẩm đấy thì cần lưu ý che chắn, bảo vệ cho thật kỹ, tránh làm rơi vãi, bụi bặm ra đường, gây ô nhiễm môi trường. Nếu không bị xử phạt đấy! Chú vừa nghe Đài truyền thanh phát cách đây mấy hôm việc xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường, hình như theo Nghị định mới, chú nhớ không nhầm là Nghị định số 55 gì đó, vừa ban hành năm 2021 là phạt cao lắm.

 Anh Tâm: Cháu chưa tìm hiểu gì cả nhưng cứ tuân thủ quy định thì không ngại gì chú ạ. Cứ phải đánh vào túi tiền, vào kinh tế thì các ông mới sợ, không dám vi phạm.

 Ông Nam: Nếu cháu vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong là bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng nhé!

 Chị Hòa: Đấy anh nhớ vào đấy, chú Nam đã dặn thế rồi. Không cẩn thận là lại mất tiền nộp phạt ra đấy!

 Đang nói chuyện thì anh Tâm có chuông điện thoại gọi đến. Đầu dây bên kia là anh Vũ, bạn của anh Tâm, người cũng đang chở vật liệu xây dựng thuê mà chị Hòa vừa nhắc đến lúc nãy. Ông Nam thấy vậy nên cáo từ để ra về và không quên chúc cho công việc sắp tới của anh Tâm được thuận lợi, suôn sẻ.

 Anh Vũ (nói to từ đầu dây điện thoại bên kia): Hello ông bạn, hôm nay lấy xe rồi à. Thế mà chả ới tôi một câu để sang chúc mừng chứ!

 Anh Tâm: Ôi dào, xe cũ ý mà. Mà tôi đã làm được cái gì đâu mà chúc với chả mừng! Giờ tôi chỉ ước được một phần như ông thôi ý chứ! Đùa thôi, hôm nay lấy xe muộn quá với lại cứ mấy việc linh tinh phải xử lý nên tôi chưa alo ông đấy. Cũng đang định gọi cho ông để xem có mối nào không để chuẩn bị “rửa xe” đây!

 Anh Vũ: Ông cứ yên tâm đi, dạo này các công trình xây dựng ngày càng nhiều. Không lo xe nằm im một chỗ đâu. Tôi gọi cho ông để hỏi mai ông có chở được luôn không? Có người gọi tôi nhưng mà mai tôi kín lịch rồi!

 Anh Tâm: Thật hả? Thế giới thiệu cho tôi nhé!

 Anh Vũ: Chả nhẽ tôi lại nói dối ông! Mà này tôi dặn trước này, làm cái nghề chở thuê cái loại này thì chú ý che chắn cho cẩn thận nhé, không thì dễ bị xử phạt như chơi ý. Tôi cũng bị xử phạt rồi đấy!

 Anh Tâm: Ông nói y như bác hàng xóm của tôi vừa dặn xong. Ông yên tâm, tôi nhớ rồi!

 Thời gian sau đó, hình như cũng do may mắn, hầu như anh Tâm không có ngày nghỉ. Ban đầu, nhờ anh Vũ giới thiệu, anh Tâm bắt đầu dần có những mối để chở hàng thuê. Dần dần, nhờ uy tín và giá cả hợp lý, chiếc xe chở vật liệu xây dựng thuê của anh Tâm ngày càng đông khách. Một buổi tối nọ, sau khi chở hàng về nhà, thấy khuôn mặt chồng có vẻ không vui vẻ lắm, suốt cả buổi tối anh Tâm với vẻ mặt rầu rĩ, không vui, chị Hòa lên tiếng.

 Chị Hòa: Anh có chuyện gì không vui thế? Nói cho em nghe xem nào! Có chuyện gì thì nói ra để mà giải quyết chứ!

 Anh Tâm: Anh đang bực quá, không biết hôm nay là ngày gì mà đen quá. Do vội quá để có thời gian chở kịp thêm vài chuyến nữa nên anh không che chắn thùng xe cẩn thận, để làm vật liệu rơi vãi ra đường, thế là ăn ngày quả biên bản xử phạt vi phạm hành chính. Đúng là cứ tưởng kiếm thêm được ít, không ngờ lại mất nhiều hơn!

 Chị Hòa: Anh không nhớ ngay từ đầu bác Nam và anh Vũ đã dặn anh như thế nào rồi à? Em cũng nhắc anh thêm bao nhiêu lần nữa rồi.

 Anh Tâm: Nhớ chứ sao mà không nhớ! Nhưng mà tại hôm nay vội quá...

 Vừa nói, anh Tâm rút ra đưa cho chị Hòa xem chiếc biên lai thu tiền xử phạt.

 Chị Hòa: Anh Nguyễn Văn Tâm, bị xử phạt 3.000.000 đồng vì có hành vi điều khiển phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong khi tham gia giao thông theo điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

 Anh Tâm: Thế là mất toi 03 triệu. Mất công đi làm gần nửa tháng trời.

 Chị Hòa: Chuyện xảy ra thì cũng đã xảy ra rồi chứ biết làm sao nữa! Từ lần sau anh nhớ cẩn thận, đừng để chuyện này xảy ra một lần nào nữa!

 Anh Tâm: Ừ anh nhớ rồi! Nhất định sẽ không để xảy ra vi phạm nữa!

 Nghĩ lại, anh Tâm hối hận quá, vì anh đã được mọi người nhắc nhở, dặn dò từ trước nhưng đáng tiếc là hôm nay vẫn để xảy ra hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường. Điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP quy định: *“Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong khi tham gia giao thông”.* Ngoài ra, người thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo điểm c khoản 13 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP.

**Tiểu phẩm số 4: Giữ gìn môi trường Xanh – Sạch – Đẹp**

*(Tìm hiểu Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường)*

 **Các nhân vật:**

 Bà Bình – Chủ quán phở

 Ông Triển – Chồng bà Bình

 Chị Lan – Giúp việc tại quán phở

 Bà Oanh – Hàng xóm

 Bà Huệ - Hàng xóm

 Tận dụng nhà ở mặt đường có mặt tiền thoáng và khá rộng, gia đình bà Bình, ông Triển mở quán bán phở đã mấy năm nay. Lượng khách khá đông nên hai ông bà luôn chân luôn tay từ sáng sớm đến trưa. Trước kia còn ít khách, ông bà bố trí chỗ rửa bát bên trong bếp. Nhưng do quán có lượng khách ngày càng đông, nên ông bà đã chuyển vòi nước và chậu rửa bát ra phía góc sát vỉa hè ngay trước cửa quán cho rộng rãi hơn. Thế nhưng khổ một nỗi là, nước thải không có chỗ thoát, cứ chảy lênh láng ra vỉa hè, lòng đường.

Một buổi tối, hai ông bà bàn với nhau:

Ông Triển: Bà này, tôi với bà phải tính xem thế nào chứ, không thể để mãi như thế này được. Khách đến quán chúng ta ngày càng đông, điều này thì mừng. Thế nhưng mà cái chỗ rửa bát để như bây giờ là không ổn. Nước thải chảy hết ra đường, hàng xóm người ta nói cho! Hôm trước bà Oanh hàng xóm thân thiết thế mà cũng có ý kiến rồi đấy bà ạ!

Bà Bình: Ai nói, ông bảo ai nói! Việc nhà mình mình làm, ông sợ cái gì mà phải nói thế?

Ông Triển: Ơ cái bà này, tôi đang nói trên tinh thần xây dựng, xả nước thải không đúng quy định gây ô nhiễm môi trường là vi phạm đấy chứ chẳng đùa đâu!

Bà Bình: Thế mà cũng vi phạm à? Không có chỗ thoát thì đành phải đổ ra đường chứ biết làm thế nào?

Ông Triển: Tôi cũng nhẹ nhàng nói là nhà mình đang tính phương án rồi và sẽ không đổ nước thải ra đường nữa. Bà ấy bảo nếu còn tiếp tục xảy ra nữa là sẽ báo tổ trưởng tổ dân phố, báo chính quyền đấy!

Bà Bình: Bà ấy nói thế cơ á ông! Hàng xóm tắt lửa tối đèn có nhau mà nặng lời thế nhỉ? Thế để mai tôi dặn cái Lan phải cẩn thận hơn, hạn chế để nước thải ra đường!

Ông Triển: Hàng xóm thì hàng xóm chứ, ngẫm lại thì tôi thấy bà nói cũng đúng mà. Về lâu về dài phải tính bà ạ, chỉ hạn chế thôi là chưa đủ!

Kết thúc câu chuyện, hai ông bà cũng đã thống nhất sẽ tìm phương án không để xảy ra tình trạng đổ nước thải của quán ra vỉa hè, lòng đường nữa. Nhưng chưa kịp có cách gì, trưa hôm sau, nhân lúc quán khá đông khách, bỗng đâu có tiếng cáu gắt, quát tháo ầm ầm ở trước cửa quán. Thấy vậy, hai ông bà vội chạy ra xem có chuyện gì.

Bà Oanh: Ông Triển bà Bình đâu ra cho tôi “thăm hỏi” cái. Ông bà định để nước thải có dầu mỡ bẩn thỉu chảy lênh láng khắp vỉa hè, đường phố tiếp diễn đến bao giờ nữa. Nhà tôi không thể chịu mãi cái cảnh ô nhiễm thế này được!

Bà Huệ: Cả nhà tôi cũng thế, nhà ông bà buôn bán kinh doanh gì cũng được nhưng đừng gây mất vệ sinh chung, ảnh hưởng đến gia đình người khác!

Bà Bình: Các bà có chuyện gì thì từ từ nói, có cái gì đâu mà om sòm hết cả lên thế?

Bà Oanh: Bà nhìn xem, như thế này mà bà bảo có cái gì đâu à? – *Bà Oanh vừa nói vừa chỉ theo con đường, vỉa hè tràn ngập nước thải.*

Bà Huệ: Đấy các ông các bà nhìn xem, không chỉ có nước thải nhé, rác thải cũng đầy ra vỉa hè đây này, lối đi chung kìa kìa!

Nhận thấy tình cảnh có vẻ gay gắt, bà Bình liền dịu giọng xuống và quay sang chị Lan – người giúp việc của quán để nói

Bà Bình: Chị Lan, tôi đã dặn chị thế nào rồi! Rửa bát thì phải hết sức cẩn thận không để làm nước chảy ra đường rồi cơ mà!

Chị Lan *(giọng lí nhí)*: Cô ơi, nhà cô sắp xếp chỗ rửa thế này thì nước thải không chảy ra đường thì chảy đi đâu được ạ?

Bà Bình: Ơ cái chị này, chị định đổ thêm dầu vào lửa à?

Chị Lan: Cháu nào dám ạ! – *Nói xong, chị Lan liền chạy vào trong để tránh khỏi cuộc tranh cãi.*

Bà Huệ: Chị Lan nói đúng đấy! Nhà ông bà bố trí chỗ rửa bát như thế này thì nước thải có chỗ nào mà thoát, không chảy ra đường thì chảy đi đâu?

Bà Oanh: Tôi nói thật nhé, tôi đã phải chịu cái cảnh ô nhiễm môi trường này lâu lắm rồi. Là hàng xóm thật đấy nhưng việc gì đúng tôi vẫn phải nói. Nhà ông bà mà không chấm dứt ngay tình trạng này thì tôi sẽ báo chính quyền, báo công an xử phạt gia đình nhà ông bà đấy! Tôi không nói đùa đâu!

Bà Huệ: Các ông các bà có thể chịu được mãi cái cảnh ngay trước cửa nhà mình lúc nào cũng đầy rác thải, nước thải hôi hám, ruồi muỗi bâu đầy không?

Ông Triển: Thôi các bà bình tĩnh, bình tĩnh đã nào! Bà Oanh ạ, thực sự xin lỗi bà vì việc này bà cũng đã nhắc tôi rồi. Nhưng quán đông khách quá, lại chỉ có mỗi tôi với bà Bình nên chưa khắc phục được tình trạng này, làm ảnh hưởng đến gia đình nhà bà và mọi người xung quanh. Tôi xin hứa sau hôm nay sẽ không để xảy ra tình trạng này thêm nữa!

Bà Oanh (giọng vẫn rất tức tối): Tôi không quan tâm ông hứa ra sao, tôi chỉ cần biết từ ngày mai gia đình ông bà không được để nước thải chảy ra lòng đường, hè phố nữa.

Bà Huệ: Đúng đấy, hôm trước tôi vừa nghe phát trên loa truyền thanh của tổ dân phố mình về việc xử phạt theo quy định mới, hình như Nghị định số 55 năm 2021 của Chính phủ đấy. Nếu gia đình ông bà có hành vi thải rác trên vỉa hè, lòng đường thì bị phát từ một triệu đến hai triệu đồng đấy[[6]](#footnote-6)*.* Cùng với đó, ông bà còn phải khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nữa[[7]](#footnote-7).

Bà Bình (giọng dịu xuống): Rồi rồi, tôi biết lỗi của gia đình tôi rồi! Mà sao bà nhớ vanh vách thế nhỉ?

Bà Huệ *(đã bớt giận hơn, nghe thấy bà Bình nói vậy liền bật cười):* Chứ sao nữa, tôi thấy mấy quy định đấy thiết thực, rơi vào hoàn cảnh của mình nên chú ý lắng nghe. Mà loa truyền thanh nó phát thường xuyên mà, tại ông bà không để ý đấy thôi chứ!

Ông Triển: Chết chết, chúng tôi cứ mải mê quán xá có để ý cái gì đâu. Cảm ơn các bà nhé. Chúng tôi không muốn bị xử phạt vi phạm hành chính đâu. Từ nay xin hứa sẽ bảo đảm giữ gìn môi trường xanh – sạch – đẹp.

**Tiểu phẩm số 5: Có được bán lại phế liệu nhập khẩu?**

Nhân vật:

Ông Thu: Giám đốc công ty A

Du: Trưởng phòng pháp chế công ty A

Ông Mười: Giám đốc công ty B

Tân: Trưởng phòng kinh doanh công ty B

***Cảnh 1: Ông Mười cùng Tân đang trên xe ô tô sang Công ty A gặp ông Thu đàm phán về việc mua lô phế liệu nhựa nhập khẩu để sản xuất hạt nhựa. Sau thời gian dịch bệnh, việc thu mua nhựa gặp khó khăn, doanh nghiệp do ông Mười làm chủ không có đủ nguyên liệu sản xuất, trong khi hạn giao hàng cho đối tác thì đang đến gần.***

Ông Mười: Cậu có chắc là họ đang có nguyên liệu không?

Tân: Con chắc mà chú. Nguồn tin của con rất chính xác. Công ty của ông Thu vừa nhập được lô hàng trước dịch. Chắc chắn là họ chưa thể lấy lô phế liệu đó vào sản xuất ngay được. Mình sang thương thuyết, mua lại giá cao chút là họ đồng ý bán thôi.

Ông Mười: Cũng mong được vậy. Nhưng cũng phải tính kế thu mua nguyên liệu trong dân, lỡ đâu họ không bán còn có nguồn khác.

Tân: Thu mua vậy thì được không đáng kể. Nhưng con sẽ bảo anh em triển khai ngay ạ. Mua gom được nhiều ít gì cũng tốt chú ha.

Ông Mười: Ừa, mày biết sao mà ông Thu xây được cái nhà máy sản xuất nhựa lớn nhất tỉnh này không?

Tân: Nghe bảo nhà ổng có người ở nước ngoài, gửi tiền về đầu tư cho ổng.

Ông Mười: Đó chỉ đúng một phần thôi, phải nói ông ấy giỏi, có đầu óc mới làm được vậy. Ông cũng là người bày cho tao làm nghề đó chứ. Nhưng tao chỉ làm cò con.

Tân: Chú vậy là cũng có sự nghiệp rồi, như con thì còn không biết bao giờ nữa.

Ông Mười: Mày cũng khá nhanh nhạy đó. Chỉ là chưa có gan thôi. Ờ mà tao nghe nhà nước cấm nhập khẩu phế liệu, vì đó là rác nước ngoài thải ra, nên nhà nước cấm để bảo vệ môi trường. Chứ nhập về nhiều thì nước mình dễ thành bãi rác. Mà sao ông Thu nhập lô hàng này được vậy.

Tân: Thực ra không có cấm hoàn toàn đâu chú, mà hạn chế nhập khẩu thôi, muốn nhập khẩu phải có điều kiện kèm theo. Mục đích cho nhập để bảo đảm sản xuất trong nước không bị gián đoạn vì không có nguyên liệu, trong khi nước mình còn nghèo, không thể nhập khẩu nguyên liệu mới giá cao. Theo con biết, hiện giờ nước mình cho nhập một số loại phế liệu phục vụ sản xuất như giấy, nhựa, sắt, thép, thủy tinh... Nhưng cũng không phải ai muốn cũng được nhập. Nhập về phải có xe chuyên chở, kho bãi chứa số phế liệu đó, để nó không lọt ra ngoài làm ô nhiễm môi trường thì mới được nhập. Con biết sơ sơ vậy thôi.

Ông Mười: Giờ phải quy định cụ thể, rõ ràng như vậy chứ. Gặp mấy ổng có máu liều, làm bừa mà pháp luật không chặt chẽ, cụ thể thì coi như chết còn chi nữa.

Tân: Dạ, vâng. Điều kiện cũng ngặt nghèo lắm. Nhưng thứ hàng này có tính đặc biệt, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nên mình vẫn hạn chế nhập mà chú. Nhà nước làm vậy mới quản lý được chớ. Tỉnh mình chỉ doanh nghiệp chỗ ông Thu có đủ điều kiện nhập phế liệu nhựa thôi. Công ty mình đâu có đủ kho bãi.

Ông Mười: Mày nói cứ như chuyên gia môi trường học ấy.

**Cảnh 2: Tại phòng làm việc của ông Thu.**

Ông Thu: Chú Mười đó hả. Vào đây đi. Tôi đang chờ chú đó. Giới thiệu với chú đây là Du, cán bộ pháp chế của công ty.

Ông Mười: Lâu rồi không gặp, anh vẫn mạnh giỏi vậy là em mừng.

Ông Thu: Chú không phải khách sáo với anh. Có gì nói luôn đi.

Ông Mười: Giới thiệu với anh đây là Tân, trưởng phòng kinh doanh bên em.

Tân, Du: Cháu chào các chú ạ.

Ông Thu: Uống nước đi, cứ tự nhiên nhé. Chỗ anh em quen biết cả.

Ông Mười: Em cũng nói luôn, em sang đây để hỏi bác bán cho công ty lô phế liệu nhựa mà bác có. Bọn em đang kẹt nguyên liệu quá. Bác cứ nói giá rồi anh em mình thương lượng.

 Ông Thu: Cái này… không phải anh không muốn giúp mà là quả thực không được.

Ông Mười: Sao vậy ạ, anh dùng hết số nguyên liệu ấy rồi ạ.

Ông Thu: Không, vẫn ở trong kho.

Ông Mười: Bác bán cho ai rồi à, em trả giá cao cho bác.

Ông Thu: Cao thấp cái gì. Tôi bán chịu cho chú cũng xong. Nhưng không bán được.

Ông Mười: Anh nói gì em chả hiểu gì cả?

Ông Thu: Nếu là nguyên liệu mới tôi bán cho chú ngay ấy chứ. Nhưng hàng phế liệu nhựa tôi nhập khẩu này không chuyển giao được. Pháp luật cấm đấy, phạt nặng lắm.

Ông Mười: Anh cứ đùa, anh đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu nhựa cơ mà.

Ông Thu: Đúng là công ty anh được nhập khẩu phế liệu nhưng nhập về để dùng thôi chứ không được chuyển giao, bán lại.

Ông Mười: Thế bị phạt thế nào, em cũng ko rành lắm?

Ông Thu: Du nói rõ thêm cho chú Mười hiểu?

Du: Dạ, thưa hai chú, điểm đ khoản 2 Điều 25 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định sẽ phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng đối với hành vi chuyển giao phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở của mình cho tổ chức, cá nhân khác.

Tân: Mức phạt cao vậy cơ à.

Du: Đúng vậy. Không chỉ phạt tiền mà công ty còn bị tước quyền sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất từ 03 tháng đến 06 tháng; bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là tiêu hủy phế liệu nhập khẩu và bị tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy[[8]](#footnote-8).

Ông Mười: Tước giấy phép đó thì sẽ không được nhập khẩu phế liệu nữa đúng không?

Du: Đúng vậy chú ạ. Bọn con rất muốn giúp chú. Nhưng chú thông cảm. Nếu bị phạt, công ty con sẽ thiệt hại rất nhiều. Để đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu nhựa, công ty bọn con đã phải đáp ứng rất nhiều điều kiện.

Ông Mười: Ừa, cháu nói chú nghe các điều kiện coi có những điều kiện gì?

Du: Cụ thể thì nhiều quy định lắm chú. Điều kiện phế liệu như thế nào thì được nhập khẩu và doanh nghiệp như thế nào thì được nhập phế liệu.

Ông Mười: Phế liệu thì là rác mà sao cũng có điều kiện nữa hả?

Du: Dạ vâng chú. Không mình nhập phế thải về ai người ta chịu. Rồi nhập về ai xử lý để bảo đảm vệ sinh môi trường.

Tân: Phế thải, phế liệu làm sao mà phân biệt?

Du: Hiểu nôm na thì phế thải và phế liệu đều là những dạng vật chất đã qua sử dụng, nhưng phế thải thì không còn giá trị sử dụng, thậm chí gây nguy hại cho sức khỏe con người và không tái chế được, chỉ có vứt đi thôi. Phế liệu còn có khả năng tái chế. Theo quy định pháp luật“ *Phế liệu là vật liệu được thu hồi, phân loại, lựa chọn từ những vật liệu, sản phẩm loại ra trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc tiêu dùng để sử dụng làm nguyên liệu cho một quá trình sản xuất khác.”[[9]](#footnote-9)*. Thực ra chưa có quy định cụ thể phân biệt hai nội dung đó. Nên nhập phế liệu về đều phải kiểm tra, đủ điều kiện mới được bốc dỡ về, không thì phải tái xuất ngay. Không đơn giản là có giấy phép thì thích nhập lúc nào cũng được đâu chú ạ.

Ông Mười: Điều kiện đó ra sao?

Du: Phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất phải đáp ứng yêu cầu về quy chuẩn kỹ thuật môi trường và thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất do Thủ tướng Chính phủ ban hành*[[10]](#footnote-10).*

Nhập về rồi phải khai báo hải quan. Họ cho mình chọnlàm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan quản lý cửa khẩu nhập hoặc cơ quan hải quan nơi có nhà máy, cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu nhập khẩu (cơ sở sản xuất); được lựa chọn địa điểm kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu tại cửa khẩu nhập hoặc tại cơ quan hải quan nơi có cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu nhập khẩu hoặc tại cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu nhập khẩu.

Ông Mười: Nghe cháu nói mà thấy rõ là nghiêm ngặt rồi? Thảo nào cả tỉnh này mỗi Công ty của anh Thủ đủ điều kiện.

Ông Thu: Để được nhập khẩu phế liệu về công ty chúng tôi cũng phải đáp ứng nhiều điều kiện. Nhưng tựu chung lại có 3 điều kiện lớn:

Một là, đáp ứng các yêu cầu và trách nhiệm về bảo vệ môi trường[[11]](#footnote-11), bao gồm (i) có cơ sở sản xuất với công nghệ, thiết bị tái chế, tại sử dụng, kho, bãi dành riêng cho việc tập kết phế liệu đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương án xử lý tạp chất đi kèm phù hợp với phế liệu nhập khẩu; (ii) Có giấy phép môi trường; (iii) Ký quỹ bảo vệ môi trường theo quy định trước thời điểm phế liệu được dỡ xuống cảng đối với trường hợp nhập khẩu qua cửa khẩu đường biên hoặc trước thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam đối với các trường hợp khác; (iv) Có văn bản cam kết về việc tái xuất hoặc xử lý phế liệu trong trường hợp phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Hai là, có báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt, trong đó có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất và được cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường hoặc giấy phép xử lý chất thải nguy hại, trong đó có nội dung sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với các dự án đã đi vào vận hành.

Ba là, có Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất theo quy định của pháp luật[[12]](#footnote-12).

 Ông Mười (vã mồ hôi): Tôi cũng biết là khó, nhưng không nghĩ nhiều thủ tục cỡ ấy.

Ông Thu: Xin được giấy phép khó vậy, nên chú thông cảm cho anh. Chứ giúp chú cũng là giúp anh. Nhưng quy định pháp luật là vậy, anh không thể làm trái.

Ông Mười: Vâng, em sẽ nghĩ cách khác vậy. Đợt dịch bệnh nên mong họ sẽ không làm khó quá. Em xin phép về để lo nguyên liệu.

Ông Thu: Chú nên hỏi công ty D ở tỉnh P, biết đâu có?

Ông Mười: Dạ vâng, cám ơn anh.

**3. Tìm hiểu quy định của pháp luật về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai (25 câu hỏi đáp tình huống và 01 tiểu phẩm pháp luật).**

*(Văn bản sử dụng: Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai).*

**Câu 53. Đề nghị cho biết pháp luật quy định những loại thiên tai nào cần được dự báo, cảnh báo và truyền tin?**

**Trả lời:**

Điều 3 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai (Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg) quy định các loại thiên tai được dự báo, cảnh báo và truyền tin bao gồm:

1. Bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động trên khu vực vùng biển phía Tây kinh tuyến 120° Đông, phía Bắc vĩ tuyến 05° Bắc và phía Nam vĩ tuyến 23° Bắc (vùng Biển Đông- Việt Nam) và trên đất liền lãnh thổ Việt Nam; bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động ngoài khu vực biển Đông, nhưng có khả năng di chuyển vào khu vực Biển Đông trong khoảng 24 đến 48 giờ tới.

2. Mưa lớn xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam; lũ trên các sông thuộc lãnh thổ Việt Nam và các sông liên quốc gia liên quan; ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Gió mạnh trên Biển Đông; sương mù trên Biển Đông và trên đất liền Việt Nam.

5. Nước dâng trên vùng biển ven bờ và đảo của Việt Nam.

6. Lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Cháy rừng do tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam.

8. Động đất có độ lớn (M) bằng hoặc lớn hơn 3,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) ảnh hưởng đến Việt Nam.

9. Động đất có độ lớn trên 6,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) xảy ra trên biển có khả năng gây ra sóng thần ảnh hưởng đến Việt Nam.

10. Sóng thần xảy ra do động đất ở vùng biển xa, có khả năng ảnh hưởng đến Việt Nam.

**Câu 54. Việc xác định cấp độ rủi ro thiên tai được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 4 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định việc xác định cấp độ rủi ro thiên tai được thực hiện như sau:

1. Rủi ro thiên tai được phân cấp căn cứ vào cường độ, phạm vi ảnh hưởng, khu vực chịu tác động trực tiếp và khả năng gây thiệt hại của thiên tai.

2. Cấp độ rủi ro thiên tai được xác định cho từng loại thiên tai và công bố cùng nội dung bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai.

3. Cấp độ rủi ro của mỗi loại thiên tai được phân tối đa thành 5 cấp và được gắn với một màu đặc trưng trên các loại bản đồ, theo mức độ tăng dần của rủi ro thiên tai: cấp 1 màu xanh dương nhạt là rủi ro thấp; cấp 2 màu vàng nhạt là rủi ro trung bình; cấp 3 màu da cam là rủi ro lớn; cấp 4 màu đỏ là rủi ro rất lớn; cấp 5 màu tím là rủi ro ở mức thảm họa.

4. Cấp độ rủi ro của hai hay nhiều thiên tai xảy ra đồng thời hoặc liên tiếp, có thể điều chỉnh tăng lên 1 cấp dựa trên tác động của thiên tai; trong trường hợp có nguy cơ xảy ra thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, cấp độ rủi ro có thể được xem xét tăng lên hai cấp, cao nhất là cấp 5.

**Câu 55. Cơ quan nào có trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai?**

**Trả lời:**

Điều 6 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định các cơ quan có trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai như sau:

1. Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai về: a. Bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động trên khu vực vùng biển phía Tây kinh tuyến 120° Đông, phía Bắc vĩ tuyến 05° Bắc và phía Nam vĩ tuyến 23° Bắc (vùng Biển Đông- Việt Nam) và trên đất liền lãnh thổ Việt Nam; bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động ngoài khu vực biển Đông, nhưng có khả năng di chuyển vào khu vực Biển Đông trong khoảng 24 đến 48 giờ tới; b. Mưa lớn xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam; lũ trên các sông thuộc lãnh thổ Việt Nam và các sông liên quốc gia liên quan; ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy trên lãnh thổ Việt Nam; c. Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán trên lãnh thổ Việt Nam; d. Gió mạnh trên Biển Đông; sương mù trên Biển Đông và trên đất liền Việt Nam; e. Nước dâng trên vùng biển ven bờ và đảo của Việt Nam; 6. Lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối trên lãnh thổ Việt Nam.

 2. Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam và cấp độ rủi ro thiên tai

3. Viện Vật lý địa cầu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức ban hành các bản tin động đất, cảnh báo sóng thần và cấp độ rủi ro thiên tai về : a. Động đất có độ lớn (M) bằng hoặc lớn hơn 3,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) ảnh hưởng đến Việt Nam; b. Động đất có độ lớn trên 6,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) xảy ra trên biển có khả năng gây ra sóng thần ảnh hưởng đến Việt Nam; c. Sóng thần xảy ra do động đất ở vùng biển xa, có khả năng ảnh hưởng đến Việt Nam.

Bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai do các cơ quan, tổ chức nêu trên ban hành là bản tin chính thức, được sử dụng trong chỉ đạo điều hành hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai ở Việt Nam.

**Câu 56. Khi nào thì phải ban hành bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới?**

**Trả lời:**

1. Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông được ban hành khi áp thấp nhiệt đới hoạt động ở ngoài Biển Đông và có khả năng di chuyển vào Biển Đông trong 24 giờ đến 48 giờ tới.

2. Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông được ban hành khi áp thấp nhiệt đới hoạt động trên Biển Đông và chưa có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 24 giờ tới.

3. Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp được ban hành khi áp thấp nhiệt đới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 24 giờ tới.

4. Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền được ban hành khi có một trong các điều kiện sau: (i) Tâm áp thấp nhiệt đới đã đi vào đất liền Việt Nam và sức gió mạnh nhất vẫn còn từ cấp 6 trở lên; (ii) Tâm áp thấp nhiệt đới đã đi vào các nước lân cận, nhưng sức gió mạnh nhất vẫn còn từ cấp 6 trở lên và có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam trong 24 giờ tới.

5. Tin nhanh về áp thấp nhiệt đới được ban hành khi phát tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp hoặc những trường hợp áp thấp nhiệt đới diễn biến phức tạp.

6. Tin cuối cùng về áp thấp nhiệt đới được ban hành khi có một trong các điều kiện sau: (i) Áp thấp nhiệt đới đã suy yếu thành một vùng áp thấp; (ii) Áp thấp nhiệt đới đã đổ bộ vào các nước lân cận hoặc ra khỏi lãnh thổ, không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam; (iii)) Áp thấp nhiệt đới đã di chuyển ra ngoài Biển Đông và không có khả năng quay trở lại Biển Đông.

7. Tin sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới được ban hành ngay khi phát tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp.

**Câu 57. Khi có áp thấp nhiệt đới, bão, lũ thì tôi thấy** **Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Hệ thống thông tin Duyên hải Việt Nam đều truyền tin thông báo. Xin cho biết pháp luật quy định mức độ, nội dung, thời gian thực hiện truyền tin như thế nào?**

**Trả lời:**

 Từ Điều 36 đến Điều 41 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg đã quy định cụ thể chế độ truyền phát tin về áp thấp nhiệt đới, bão, lũ trên các phương tiện thông tin đại chúng, bao gồm Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Hệ thống thông tin Duyên hải Việt Nam đều truyền thin về. Cụ thể như sau:

1. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam:

- Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông, Tin bão gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông, Tin bão trên Biển Đông, Tin cảnh báo lũ và Tin lũ, tổ chức phát tin 02 giờ một lần vào đầu giờ, liên tục cả ngày và đêm trên các kênh phát sóng của Đài; trường hợp chưa nhận được tin mới thì tiếp tục phát lại tin cũ gần nhất.

- Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, Tin bão khẩn cấp, Tin bão trên đất liền và Tin lũ khẩn cấp, tổ chức phát ngay 02 lần liên tiếp, sau đó mỗi giờ phát lại một lần vào đầu giờ, liên tục cả ngày và đêm trên các kênh phát sóng của Đài cho đến khi nhận được tin mới, hoặc khi có yêu cầu thay đổi thời gian phát tin của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khi phát lại tin cũ, phải nhắc lại thời điểm ban hành bản tin.

2. Đối với Đài Truyền hình Việt Nam:

- Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông, Tin bão gần Biển Đông, Tin bão trên Biển Đông, Tin cảnh báo lũ và Tin lũ, tổ chức phát tin vào các chương trình thời sự gần nhất trên các kênh của Đài và sau 03 giờ phát lại một lần cho đến khi có tin mới hoặc khi có yêu cầu thay đổi thời gian phát tin của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, Tin bão khẩn cấp, Tin bão trên đất liền, Tin lũ khẩn cấp, tổ chức phát ngay trên các kênh của Đài và sau 02 giờ phát lại một lần cho đến khi có tin mới hoặc khi có yêu cầu thay đổi thời gian phát tin của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khi phát lại tin cũ, phải nhắc lại thời điểm ban hành bản tin.

- Khi phát tin về thiên tai, yêu cầu đưa đầy đủ, chính xác nội dung thông tin, phải chạy hàng chữ trên màn hình tóm tắt những nội dung cơ bản của bản tin.

3. Đối với Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam:

- Ứng với mỗi loại hình thiên tai, mức độ rủi ro, phạm vi ảnh hưởng, đối tượng được cảnh báo, Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam sẽ thực hiện truyền phát tin trên các phương thức, kênh tần số vô tuyến điện với tần suất thích hợp.

- Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, Tin bão gần Biển Đông, Tin bão trên Biển Đông, Tin bão bão khẩn cấp và Tin bão trên đất liền, Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam sẽ truyền phát tin với tần suất trung bình như sau:

+ Truyền phát bằng điện thoại vô tuyến với tần suất 16 phiên/01 bản tin nguồn nhận được.

+ Truyền phát bằng điện văn vô tuyến với tần suất 02 phiên/01 bản tin nguồn nhận được.

- Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam sẽ phát liên tục trong ngày đến khi bản tin nguồn nhận được không còn hiệu lực.

**Câu 58. Người dân đi biển có trách nhiệm gì khi nhận được tin cảnh báo có thiên tai trên biển?**

**Trả lời:**

Khi nhận được cảnh báo có thiên tai trên biển, người dân cần báo ngay số lượng người, vị trí hoạt động và số hiệu của tàu, thuyền trên biển cho Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng và các hệ thống thông tin khác để kịp thời hướng dẫn di chuyển, phòng tránh.

Điều 61 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý phương tiện hoạt động trên biển, phương tiện thông tin cá nhân như sau:

1. Trang bị các thiết bị thông tin cần thiết để tiếp nhận tin dự báo, cảnh báo thiên tai; duy trì thông tin liên lạc giữa các chủ phương tiện với nhau và với Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng và các hệ thống thông tin khác.

2. Khi nhận được tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão và tin cảnh báo sóng thần, phải thông báo ngay số lượng người, vị trí hoạt động và số hiệu của tàu, thuyền trên biển cho Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng và các hệ thống thông tin khác để kịp thời hướng dẫn di chuyển, phòng tránh.

3. Khi phát hiện có hiện tượng thiên tai trên biển, phải thông báo ngay cho Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam và hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng.

4. Tổ chức, cá nhân có các phương tiện thông tin đã được cấp phép sử dụng, được phép truyền tin về thiên tai, chịu trách nhiệm bảo đảm độ chính xác, tin cậy của bản tin do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

**Câu 59. Hiện nay tôi có nghe trên dự báo thời tiết thông tin về cơn bão giật cấp 4, cấp 5. Xin hỏi việc xác định cấp độ rủi ro thiên tai căn cứ vào những yếu tố nào?**

**Trả lời:**

Việc xác định cấp độ rủi ro thiên tai được quy định tại Điều 4 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg như sau:

1. Rủi ro thiên tai được phân cấp căn cứ vào cường độ, phạm vi ảnh hưởng, khu vực chịu tác động trực tiếp và khả năng gây thiệt hại của thiên tai.

2. Cấp độ rủi ro thiên tai được xác định cho từng loại thiên tai và công bố cùng nội dung bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai.

3. Cấp độ rủi ro của mỗi loại thiên tai được phân tối đa thành 5 cấp và được gắn với một màu đặc trưng trên các loại bản đồ, theo mức độ tăng dần của rủi ro thiên tai: cấp 1 màu xanh dương nhạt là rủi ro thấp; cấp 2 màu vàng nhạt là rủi ro trung bình; cấp 3 màu da cam là rủi ro lớn; cấp 4 màu đỏ là rủi ro rất lớn; cấp 5 màu tím là rủi ro ở mức thảm họa (Phụ lục XII Quyết định này).

4. Cấp độ rủi ro của hai hay nhiều thiên tai xảy ra đồng thời hoặc liên tiếp, có thể điều chỉnh tăng lên 1 cấp dựa trên tác động của thiên tai; trong trường hợp có nguy cơ xảy ra thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, cấp độ rủi ro có thể được xem xét tăng lên hai cấp, cao nhất là cấp 5.

**Câu 60. Gia đình tôi mới chuyển đến sinh sống tại Ninh Thuận để kinh doanh nuôi tôm giống. Để chủ động ứng phó với mưa lũ, tránh hậu quả thiên tai, đề nghị cho biết mùa lũ thường xuất hiện vào khoảng thời gian nào trong một năm?**

**Trả lời:**

Khoản 27 Điều 5 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg xác định mùa lũ thường xuất hiện vào khoảng thời gian liên tục trong một năm như sau:

a) Trên các sông thuộc Bắc Bộ, từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 31 tháng 10;

b) Trên các sông từ tỉnh Thanh Hóa đến tỉnh Hà Tĩnh, từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 11;

c) Trên các sông từ tỉnh Quảng Bỉnh đến tỉnh Ninh Thuận, từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 15 tháng 12;

d) Trên các sông thuộc tỉnh Bình Thuận, các tỉnh thuộc Nam Bộ và Tây Nguyên, từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 30 tháng 11.

**Câu 61.** **Cơ quan, tổ chức nào có trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai?**

**Trả lời:**

Điều 6 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định cơ quan, tổ chức sau đây có trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai:

1. Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai đối với: Bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động trên khu vực vùng biển phía Tây kinh tuyến 120° Đông, phía Bắc vĩ tuyến 05° Bắc và phía Nam vĩ tuyến 23° Bắc (sau đây gọi là Biển Đông) và trên đất liền lãnh thổ Việt Nam; bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động ngoài khu vực biển Đông, nhưng có khả năng di chuyển vào khu vực Biển Đông trong khoảng 24 đến 48 giờ tới; mưa lớn xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam; lũ trên các sông thuộc lãnh thổ Việt Nam và các sông liên quốc gia liên quan; ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy trên lãnh thổ Việt Nam; nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán trên lãnh thổ Việt Nam; gió mạnh trên Biển Đông; sương mù trên Biển Đông và trên đất liền Việt Nam; nước dâng trên vùng biển ven bờ và đảo của Việt Nam; lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam và cấp độ rủi ro.

3. Viện Vật lý địa cầu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức ban hành các bản tin và cấp độ rủi ro: Động đất có độ lớn (M) bằng hoặc lớn hơn 3,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) ảnh hưởng đến Việt Nam; động đất có độ lớn trên 6,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) xảy ra trên biển có khả năng gây ra sóng thần ảnh hưởng đến Việt Nam; sóng thần xảy ra do động đất ở vùng biển xa, có khả năng ảnh hưởng đến Việt Nam

4. Bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai do các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này ban hành là bản tin chính thức, được sử dụng trong chỉ đạo điều hành hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai ở Việt Nam.

**Câu 62. Để tránh được những thiệt hại về thiên tai và có căn cứ trong chỉ đạo điều hành hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, đề nghị cho biết cơ quan, tổ chức nào có trách nhiệm truyền, phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai?**

**Trả lời:**

Điều 7 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định các cơ quan, tổ chức sau có trách nhiệm truyền, phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai:

1. Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam.

2. Đài phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan báo chí.

3. Các cơ quan quản lý hệ thống truyền tin về thiên tai.

**Câu 63. Nhằm hạn chế thiệt hại và giúp cho người dân kịp thời nắm bắt các thông tin về áp thấp nhiệt đới, việc ban hành bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 8 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định như sau:

1. Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông được ban hành khi áp thấp nhiệt đới hoạt động ở ngoài Biển Đông và có khả năng di chuyển vào Biển Đông trong 24 giờ đến 48 giờ tới.

2. Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông được ban hành khi áp thấp nhiệt đới hoạt động trên Biển Đông và chưa có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 24 giờ tới.

3. Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp được ban hành khi áp thấp nhiệt đới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 24 giờ tới.

4. Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Tâm áp thấp nhiệt đới đã đi vào đất liền Việt Nam và sức gió mạnh nhất vẫn còn từ cấp 6 trở lên;

b) Tâm áp thấp nhiệt đới đã đi vào các nước lân cận, nhưng sức gió mạnh nhất vẫn còn từ cấp 6 trở lên và có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam trong 24 giờ tới.

5. Tin nhanh về áp thấp nhiệt đới được ban hành khi phát tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp hoặc những trường hợp áp thấp nhiệt đới diễn biến phức tạp.

6. Tin cuối cùng về áp thấp nhiệt đới được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Áp thấp nhiệt đới đã suy yếu thành một vùng áp thấp;

b) Áp thấp nhiệt đới đã đổ bộ vào các nước lân cận hoặc ra khỏi lãnh thổ, không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam;

c) Áp thấp nhiệt đới đã di chuyển ra ngoài Biển Đông và không có khả năng quay trở lại Biển Đông.

7. Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới được ban hành ngay khi phát tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp.

**Câu 64. Pháp luật quy định trong trường hợp nào được ban hành bản tin dự báo, cảnh báo bão, sóng lớn, nước dâng do bão?**

**Trả lời:**

Điều 9 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định bản tin dự báo, cảnh báo bão, sóng lớn, nước dâng do bão được ban hành trong các trường hợp sau:

1. Tin bão gần Biển Đông được ban hành khi bão hoạt động ở ngoài Biển Đông và có khả năng di chuyển vào Biển Đông trong 48 giờ tới.

2. Tin bão trên Biển Đông được ban hành khi bão hoạt động trên Biển Đông và chưa có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 48 giờ tới.

3. Tin bão khẩn cấp được ban hành khi bão có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 48 giờ tới.

4. Tin bão trên đất liền được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Tâm bão đã đi vào đất liền Việt Nam và sức gió mạnh nhất vẫn còn từ cấp 8 trở lên;

b) Tâm bão đã đi vào các nước lân cận, nhưng sức gió mạnh nhất vẫn còn từ cấp 8 trở lên và có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam trong 24 giờ đến 48 giờ tới.

5. Tin nhanh về bão được ban hành khi phát tin bão khẩn cấp hoặc những trường hợp bão diễn biến phức tạp.

6. Tin cuối cùng về bão được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Bão đã suy yếu thành một vùng áp thấp;

b) Bão đã đổ bộ vào các nước lân cận hoặc ra khỏi lãnh thổ, không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam;

c) Bão đã di chuyển ra ngoài Biển Đông và không có khả năng quay trở lại Biển Đông.

7. Tin sóng lớn, nước dâng do bão được ban hành ngay khi phát tin bão khẩn cấp.

**Câu 65. Đề nghị cho biết tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới gồm những nội dung gì?**

**Trả lời:**

Điều 10 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới gồm những nội dung sau:

1. Tiêu đề tin áp thấp nhiệt đới.

2. Thông tin tóm tắt về thực trạng áp thấp nhiệt đới tại thời điểm gần nhất

a) Thời gian: theo giờ tròn, giờ Hà Nội;

b) Vị trí tâm áp thấp nhiệt đới: xác định theo độ vĩ bắc và độ kinh đông với mức độ chính xác đến 1/10 độ; trường hợp không xác định được vị trí tâm áp thấp nhiệt đới tại một điểm tọa độ thì xác định vị trí tâm áp thấp nhiệt đới trong ô vuông, mỗi cạnh bằng 01 độ kinh, vĩ;

c) Khoảng cách gần nhất từ vị trí tâm áp thấp nhiệt đới đến một trong các địa điểm: đảo hoặc quần đảo trên Biển Đông; một địa danh cụ thể trên đất liền Việt Nam hoặc nước lân cận;

d) Cường độ áp thấp nhiệt đới: tính bằng cấp gió Bô-pho đối với gió mạnh nhất và gió giật trong áp thấp nhiệt đới;

đ) Hướng di chuyển của áp thấp nhiệt đới: xác định theo 1 trong 16 hướng Bắc, Bắc Đông Bắc, Đông Bắc, Đông Đông Bắc, Đông, Đông Đông Nam, Đông Nam, Nam Đông Nam, Nam, Nam Tây Nam, Tây Nam, Tây Tây Nam, Tây, Tây Tây Bắc, Tây Bắc, Bắc Tây Bắc;

e) Tốc độ di chuyển: tính bằng km/giờ;

g) Khi áp thấp nhiệt đới đã trực tiếp ảnh hưởng đến các đảo, đất liền cần thông tin về số liệu đã quan trắc được tại các trạm trong khu vực ảnh hưởng.

3. Dự báo diễn biến của áp thấp nhiệt đới

a) Dự báo diễn biến của áp thấp nhiệt đới trong 24 giờ đến 48 giờ tới với các yếu tố quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Cảnh báo về hướng, tốc độ di chuyển và cường độ của áp thấp nhiệt đới trong khoảng thời gian từ 48 giờ đến 72 giờ tới;

c) Bản đồ dự báo quỹ đạo của áp thấp nhiệt đới, bán kính gió mạnh và vòng tròn xác suất 70% tâm áp thấp nhiệt đới có thể đi vào;

d) Vùng nguy hiểm trong 24 giờ tới do áp thấp nhiệt đới.

4. Dự báo về ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới

a) Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông: dự báo thời gian tâm áp thấp nhiệt đới đi vào Biển Đông, ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới đến các vùng biển, đảo hoặc quần đảo; khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn;

b) Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông: dự báo ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới đến vùng biển, đảo hoặc quần đảo; khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn;

c) Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp và Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền: dự báo khu vực ảnh hưởng trực tiếp của áp thấp nhiệt đới; dự kiến thời điểm và khu vực đổ bộ của áp thấp nhiệt đới; phạm vi ảnh hưởng của gió mạnh cấp 6, cấp 7; mưa lớn và các loại thiên tai khác trong 12 giờ, 24 giờ tới;

d) Tin cuối cùng về áp thấp nhiệt đới: dự báo khả năng mưa lớn và các loại thiên tai khác.

5. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do áp thấp nhiệt đới chi tiết cho các khu vực chịu ảnh hưởng.

6. Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo.

7. Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

8. Tin nhanh về áp thấp nhiệt đới: cập nhật vị trí, cường độ của áp thấp nhiệt đới thời điểm hiện tại.

**Câu 66. Tôi được biết Tổng cục khí tượng thủy văn X đang tuyển dự báo viên của Tổng cục, để nắm bắt được công việc của dự báo viên, cho tôi hỏi nội dung tin dự báo, cảnh báo bão được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Nội dung tin dự báo, cảnh báo bão được quy định tại Điều 11 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg gồm:

1. Tiêu đề tin bão: được ghi tương ứng theo tên kèm theo số hiệu cơn bão được xác định theo thứ tự các cơn bão hoạt động trên Biển Đông trong năm; không đặt số hiệu cho những cơn bão gần Biển Đông.

2. Thông tin tóm tắt về thực trạng bão tại thời điểm gần nhất

a) Thời gian: theo giờ tròn, giờ Hà Nội;

b) Vị trí tâm bão: xác định theo độ vĩ bắc và độ kinh đông với mức độ chính xác đến 1/10 độ;

c) Khoảng cách gần nhất từ vị trí tâm bão đến một trong các địa điểm: đảo hoặc quần đảo trên Biển Đông; một địa danh cụ thể trên đất liền Việt Nam hoặc nước lân cận;

d) Cường độ bão: tính bằng cấp gió Bô-pho đối với gió mạnh nhất và gió giật trong bão;

đ) Hướng di chuyển của bão: xác định theo 1 trong 16 hướng Bắc, Bắc Đông Bắc, Đông Bắc, Đông Đông Bắc, Đông, Đông Đông Nam, Đông Nam, Nam Đông Nam, Nam, Nam Tây Nam, Tây Nam, Tây Tây Nam, Tây, Tây Tây Bắc, Tây Bắc, Bắc Tây Bắc;

e) Tốc độ di chuyển: tính bằng km/giờ;

g) Khi bão đã trực tiếp ảnh hưởng đến các đảo, đất liền cần thông tin về số liệu đã quan trắc được tại các trạm trong khu vực ảnh hưởng.

3. Dự báo diễn biến của bão

a) Dự báo diễn biến của bão trong 24 giờ, đến 48 giờ và đến 72 giờ tới với các yếu tố quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Cảnh báo về hướng, tốc độ di chuyển và cường độ của bão trong khoảng thời gian từ 72 giờ đến 120 giờ tới;

c) Bản đồ dự báo quĩ đạo của bão, bán kính gió mạnh và vòng tròn xác suất 70% tâm bão có thể đi vào;

d) Vùng nguy hiểm trong 24 và 48 giờ tới do bão.

4. Dự báo về ảnh hưởng của bão

a) Tin bão gần Biển Đông: dự báo thời gian tâm bão đi vào Biển Đông và ảnh hưởng của hoàn lưu bão đến các vùng biển, đảo hoặc quần đảo; khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn;

b) Tin bão trên Biển Đông: dự báo ảnh hưởng của hoàn lưu bão đến vùng biển, đảo hoặc quần đảo; khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn; cụ thể thông tin về phạm vi ảnh hưởng của gió bão mạnh, sóng lớn, tình trạng biển trong 24 giờ, 48 giờ và đến 72 giờ tới; cảnh báo đến 120 giờ tới;

c) Tin bão khẩn cấp: dự báo ảnh hưởng của hoàn lưu bão đến vùng biển, đảo hoặc quần đảo; dự báo thời điểm và khu vực đổ bộ của bão; phạm vi ảnh hưởng của gió mạnh, mưa lớn và các loại thiên tai khác trong 12 giờ, 24 giờ, 48 giờ;

d) Tin bão trên đất liền và Tin cuối cùng về bão: dự báo khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão; dự báo, cảnh báo mưa lớn và các loại thiên tai khác do ảnh hưởng của hoàn lưu bão.

5. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do bão chi tiết cho các khu vực chịu ảnh hưởng theo quy định tại Điều 4 và Điều 42 Quyết định này.

6. Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo.

7. Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

8. Tin nhanh về bão: cập nhật vị trí, cường độ bão thời điểm hiện tại.

**Câu 67. Tôi đang là thực tập viên tại Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Y, tôi được giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng nội dung tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng lớn do áp thấp nhiệt đới, bão. Đề nghị cho biết pháp luật quy định như thế nào về nội dung tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng lớn do áp thấp nhiệt đới, bão?**

**Trả lời:**

Điều 12 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định về nội dung tin như sau:

1. Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn do áp thấp nhiệt đới, bão

a) Tiêu đề Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn do áp thấp nhiệt đới, bão kèm theo tên vùng biển bị ảnh hưởng;

b) Thông tin độ cao sóng lớn nhất, hướng sóng thịnh hành và khu vực sóng lớn trong 24 giờ qua;

c) Dự báo độ cao sóng lớn nhất, hướng sóng thịnh hành và cảnh báo khu vực sóng lớn trong 24 giờ, 48 giờ tới;

d) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

2. Tin dự báo, cảnh báo nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão

a) Tiêu đề Tin dự báo, cảnh báo nước dâng do bão, áp thấp nhiệt đới kèm theo tên khu vực bị ảnh hưởng;

b) Thông tin về nước dâng tại khu vực bão, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trong 24 giờ qua (nếu có);

c) Dự báo độ cao và thời điểm xuất hiện nước dâng lớn nhất, mực nước tổng cộng lớn nhất, phân bố nước dâng lớn nhất quanh khu vực bão, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng và nhận định về nguy cơ ngập lụt ven bờ do nước dâng kết hợp với thủy triều;

d) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do nước dâng theo quy định tại Điều 4 và Điều 43 Quyết định này;

e) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

**Câu 68. Để hạn chế rủi ro do thiên tai gây ra giúp người dân kịp thời ứng phó, tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão, sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão, sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão được quy định tại Điều 13 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg như sau:

1. Tin bão gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông

a) Mỗi ngày ban hành 4 bản tin chính vào lúc: 2 giờ 00, 8 giờ 00, 14 giờ 00 và 20 giờ 00;

b) Trường hợp áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông diễn biến phức tạp, ngoài 4 bản tin chính, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, Tin bão trên Biển Đông, Tin bão khẩn cấp, Tin bão trên đất liền

a) Mỗi ngày ban hành 8 bản tin chính vào lúc: 2 giờ 00, 5 giờ 00, 8 giờ 00, 11 giờ 00, 14 giờ 00, 17 giờ 00, 20 giờ 00 và 23 giờ 00;

b) Trong thời gian có tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, tin bão khẩn cấp và những trường hợp áp thấp nhiệt đới, bão diễn biến phức tạp, ngoài 8 bản tin chính, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

3. Tin nhanh áp thấp nhiệt đới, bão được cập nhật hằng giờ trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Khí tượng Thủy văn.

4. Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão được ban hành cùng tần suất và thời gian với bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão trong trường hợp khẩn cấp được quy định tại khoản 2 Điều này hoặc lồng ghép trong các bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão khẩn cấp.

**Câu 69. Gia đình tôi có 05 ha đất canh tác nông nghiệp tại khu vực ven Sông Hồng, để tránh ảnh hưởng của tình hình mưa lũ. Đề nghị cho biết bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lũ được ban hành như thế nào để người dân kịp thời chủ động ứng phó?**

**Trả lời:**

Để người dân kịp thời ứng phó với tình hình mưa lũ, tại các khoản 1,2,3,4 Điều 14 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lũ được ban hành như sau:

1. Tin dự báo, cảnh báo mưa lớn

a) Tin cảnh báo mưa lớn được ban hành khi phát hiện mưa lớn có khả năng xảy ra trước 48 giờ;

b) Tin dự báo mưa lớn được ban hành khi phát hiện mưa lớn có khả năng xảy ra trước 24 giờ.

2. Tin cảnh báo lũ được ban hành khi phát hiện mực nước trong sông có khả năng lên mức báo động 1 hoặc đã đạt mức báo động 1 và còn tiếp tục lên hoặc xuất hiện lũ bất thường.

3. Tin lũ được ban hành khi mực nước trong sông đạt mức báo động 2 và còn tiếp tục lên hoặc khi mực nước trong sông đã xuống, nhưng vẫn còn cao hơn hoặc ở mức báo động 2.

4. Tin lũ khẩn cấp được ban hành khi mực nước trong sông đạt mức báo động 3 và còn tiếp tục lên, hoặc khi mực nước trong sông đã xuống, nhưng vẫn còn cao hơn hoặc ở mức báo động 3.

**Câu 70. Vào mùa mưa kéo dài thường hay xảy ra tình trạng ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy gây nhiều thiệt hại về người và tài sản của người dân. Pháp luật có quy định gì để cảnh báo giúp người dân giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra?**

**Trả lời:**

Để cảnh báo giúp người dân giảm thiểu thiệt hại, tại khoản 5, 6Điều 14 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định trong các trường hợp sau đây phải ban hành bản tin cảnh báo ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy:

5. Tin cảnh báo ngập lụt được ban hành khi phát hiện mưa lớn, lũ, triều cường, nước biển dâng có khả năng gây ngập lụt cho khu vực bị ảnh hưởng hoặc khi phát hiện các hiện tượng bất thường khác như nguy cơ cao vỡ đập, hồ chứa xả nước, vỡ đê, tràn đê có khả năng gây ngập lụt cho khu vực bị ảnh hưởng.

6. Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được ban hành khi:

a) Phát hiện mưa lớn có khả năng gây lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất trên khu vực cảnh báo;

b) Phát hiện các hiện tượng bất thường khác như nguy cơ cao vỡ đê, vỡ đập, vỡ hồ chứa, xả lũ có khả năng gây lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất trên khu vực cảnh báo.

**Câu 71. Tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy bao gồm những nội dung gì?**

**Trả lời:**

Điều 15 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định như sau:

1. Tin cảnh báo mưa lớn

a) Tiêu đề Tin cảnh báo mưa lớn kèm theo tên khu vực bị ảnh hưởng;

b) Cảnh báo khả năng xảy ra mưa lớn: thời gian mưa, tổng lượng mưa, khu vực ảnh hưởng;

c) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn theo quy định tại Điều 4 và Điều 44 Quyết định này;

d) Thời gian ban hành bản tin;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

2. Tin dự báo mưa lớn

a) Tiêu đề Tin dự báo mưa lớn kèm theo tên khu vực bị ảnh hưởng;

b) Diễn biến mưa đã qua: thời gian mưa, khu vực mưa, cấp mưa, tổng lượng mưa trong 24 giờ qua;

c) Dự báo diễn biến mưa lớn trong 24 giờ đến 48 giờ tới: thời gian mưa, khu vực mưa, cấp mưa, tổng lượng mưa phổ biến;

d) Cảnh báo khả năng diễn biến mưa lớn từ 48 giờ đến 72 giờ tới;

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn theo quy định tại Điều 4 và Điều 44 Quyết định này;

e) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

3. Tin cảnh báo lũ

a) Tiêu đề Tin cảnh báo lũ kèm theo tên khu vực, tên tỉnh hoặc tên sông cảnh báo lũ;

b) Hiện trạng mực nước trên lưu vực;

c) Cảnh báo: khu vực có khả năng xảy ra lũ, cấp báo động lũ có thể xảy ra; khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm;

d) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ theo quy định tại Điều 4 và Điều 45 Quyết định này;

đ) Thời gian ban hành bản tin;

e) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

4. Tin lũ và Tin lũ khẩn cấp

a) Tiêu đề Tin lũ và Tin lũ khẩn cấp kèm theo tên khu vực, tên tỉnh hoặc tên sông báo tin lũ;

b) Hiện trạng diễn biến lũ trong 12 giờ qua và số liệu thực đo về mực nước tại thời điểm gần nhất;

c) Dự báo: khả năng diễn biến của lũ trong thời hạn dự báo; mực nước lũ dự báo và so sánh với mực nước tương ứng với các cấp báo động hoặc với mực nước đỉnh lũ trong các trận lũ đặc biệt lớn, lũ lịch sử;

d) Cảnh báo nguy cơ ngập lụt, khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm;

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ chi tiết cho các khu vực chịu ảnh hưởng theo quy định tại Điều 4 và Điều 45 Quyết định này;

e) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

5. Tin cảnh báo ngập lụt

a) Tiêu đề Tin cảnh báo ngập lụt kèm theo tên khu vực, địa điểm báo tin ngập lụt;

b) Hiện trạng mưa, mực nước hoặc triều cường, nước biển dâng trên khu vực;

c) Cảnh báo các đặc trưng ngập lụt: phạm vi, thời gian, độ sâu ngập lụt lớn nhất;

d) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do ngập lụt theo quy định tại Điều 4 và Điều 45 Quyết định này;

đ) Thời gian ban hành tin;

e) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

6. Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

a) Tiêu đề Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất kèm theo tên khu vực, địa điểm báo tin;

b) Tình hình mưa trên lưu vực trong 6 giờ qua;

c) Cảnh báo mưa trong thời gian tiếp theo;

d) Cảnh báo các vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy (nếu có);

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ quét, sạt lở đất theo quy định tại Điều 4 và Điều 46 Quyết định này;

e) Thời gian ban hành bản tin;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

**Câu 72. Để phòng, chống hiểm họa do thiên tai gây ra những tổn thất và mất mát về tính mạng, tài sản, kinh tế, môi trường của cộng đồng và xã hội. Pháp luật quy định như thế nào về tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy?**

**Trả lời:**

Tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được quy định tại Điều 16 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg như sau:

1. Tin dự báo, cảnh báo mưa lớn

a) Tin cảnh báo mưa lớn đầu tiên được ban hành khi phát hiện khả năng xuất hiện mưa lớn trong khu vực cảnh báo; các tin cảnh báo mưa lớn tiếp theo được ban hành mỗi ngày 02 bản tin vào lúc 9 giờ 00 và 15 giờ 30;

b) Tin dự báo mưa lớn mỗi ngày ban hành 4 bản tin vào lúc: 3 giờ 30, 9 giờ 00, 15 giờ 30 và 21 giờ 00; trong trường hợp xảy ra mưa đặc biệt lớn hoặc rất nguy hiểm, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Tin cảnh báo lũ

a) Tin cảnh báo lũ được ban hành khi phát hiện mực nước trong sông có khả năng lên mức báo động 1 hoặc đã đạt mức báo động 1 và còn tiếp tục lên hoặc xuất hiện lũ bất thường;

b) Các tin cảnh báo lũ tiếp theo được ban hành mỗi ngày 02 bản tin vào lúc 9 giờ 00 và 15 giờ 30.

3. Tin lũ

a) Tin lũ trên khu vực đồng bằng sông Cửu Long, 02 ngày ban hành 01 bản tin vào lúc 9 giờ 00; trường hợp lũ diễn biến phức tạp, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính;

b) Tin lũ trên sông Hồng, sông Thái Bình và các sông khác, mỗi ngày ban hành 03 bản tin vào lúc: 9 giờ 00, 15 giờ 30 và 21 giờ 00; trường hợp lũ diễn biến phức tạp, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

4. Tin lũ khẩn cấp

a) Tin lũ khẩn cấp trên khu vực đồng bằng sông Cửu Long, 01 ngày ban hành 01 bản tin vào 9 giờ 00; trường hợp lũ diễn biến phức tạp, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính;

b) Tin lũ khẩn cấp trên sông Hồng, sông Thái Bình và các sông khác, mỗi ngày ban hành 04 bản tin chính vào lúc: 3 giờ 30, 9 giờ 00, 15 giờ 30 và 21 giờ 00; trường hợp lũ diễn biến nhanh và phức tạp, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính;

c) Thông tin về mực nước lũ trên các sông được cập nhật hàng giờ trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Khí tượng Thủy văn.

5. Tin cảnh báo ngập lụt

Tin cảnh báo ngập lụt được ban hành khi phát hiện mưa lớn, lũ, triều cường, nước biển dâng có khả năng gây ngập lụt cho khu vực bị ảnh hưởng hoặc khi phát hiện các hiện tượng bất thường khác như nguy cơ cao vỡ đập, hồ chứa xả nước, vỡ đê, tràn đê có khả năng gây ngập lụt lớn cho khu vực bị ảnh hưởng; tin cảnh báo ngập lụt có thể được ban hành độc lập hoặc lồng ghép trong tin cảnh báo lũ, tin lũ, lũ khẩn cấp.

6. Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được ban hành ngay sau khi phát hiện khả năng xuất hiện các hiện tượng lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất trên khu vực cảnh báo.

**Câu 73. Gia đình tôi canh tác lúa gạo, ngô và đậu tương, vào các vụ mùa thường bị nắng nóng, hạn hán gia tăng khiến cho năng suất cây trồng thường giảm vào các vụ mùa có thời tiết nắng nóng. Để kịp thời xác định mối nguy hại cho cây trồng và đối phó với các tác động của nắng nóng, hạn hán. Đề nghị cho biết giải pháp để giải quyết vấn đề này?**

**Trả lời:**

Để kịp thời xác định mối nguy hại cho cây trồng và đối phó với các tác động của nắng nóng, hạn hán, tại khoản 1, 2 Điều 17 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định trong các trường hợp sau phải ban hành bản tin dự báo, cảnh báo nắng nóng, hạn hán:

1. Tin dự báo, cảnh báo nắng nóng

a) Tin cảnh báo nắng nóng được ban hành khi phát hiện nắng nóng có khả năng xảy ra trước 48 giờ;

b) Tin dự báo nắng nóng được ban hành khi phát hiện nắng nóng có khả năng xảy ra trước 24 giờ.

2. Tin dự báo, cảnh báo hạn hán được ban hành khi phát hiện có khả năng xảy ra trong khu vực dự báo.

**Câu 74. Nội dung tin dự báo, cảnh báo nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 18 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định như sau:

1. Tin cảnh báo nắng nóng

a) Tiêu đề Tin cảnh báo nắng nóng trên khu vực cụ thể;

b) Cảnh báo khả năng nắng nóng: thời gian xảy ra nắng nóng, khu vực ảnh hưởng, nhiệt độ cao nhất;

c) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do nắng nóng theo quy định tại Điều 4 và Điều 47 Quyết định này;

d) Thời gian ban hành bản tin;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

2. Tin dự báo nắng nóng

a) Tiêu đề Tin dự báo nắng nóng trên khu vực cụ thể;

b) Hiện trạng nắng nóng trong 24 giờ qua: khu vực ảnh hưởng, nhiệt độ cao nhất, độ ấm tương đối thấp nhất;

c) Dự báo diễn biến nắng nóng trong 24 giờ đến 48 giờ tới: khu vực ảnh hưởng, nhiệt độ cao nhất, độ ẩm tương đối thấp nhất, thời gian nang nóng trong ngày;

d) Cảnh báo khả năng tiếp diễn nắng nóng trong 72 giờ đến 120 giờ tới và thời gian kết thúc nắng nóng;

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do nắng nóng theo quy định tại Điều 4 và Điều 47 Quyết định này;

e) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

3. Tin dự báo, cảnh báo hạn hán và sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có)

a) Tiêu đề Tin dự báo, cảnh báo hạn hán và sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) kèm theo tên khu vực có khả năng chịu ảnh hưởng;

b) Hiện trạng diễn biến tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trên khu vực dự báo; tỷ lệ phần trăm (%) thiếu hụt tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trên khu vực so với giá trị trung bình nhiều năm cùng thời kỳ và giá trị trung bình cùng thời kỳ năm trước đó;

c) Dự báo, cảnh báo diễn biến tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trên khu vực dự báo trong thời hạn dự báo; tỷ lệ phần trăm (%) thiếu hụt tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt dự báo trên khu vực trong thời hạn dự báo so với giá trị trung bình nhiều năm cùng thời kỳ;

d) Cảnh báo sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có);

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán hoặc sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) theo quy định tại Điều 4 và Điều 48 Quyết định này;

e) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

4. Tin cảnh báo xâm nhập mặn

a) Tiêu đề Tin cảnh báo xâm nhập mặn kèm theo tên lưu vực sông hay khu vực có khả năng chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn;

b) Hiện trạng thủy văn, diễn biến thủy triều trên lưu vực được cảnh báo;

c) Cảnh báo các khu vực có khả năng xảy ra xâm nhập mặn với độ mặn 1‰ hoặc 4‰ trở lên sâu trong nội đồng;

d) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn theo quy định tại Điều 4 và Điều 49 Quyết định này;

e) Thời gian ban hành bản tin;

d) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

5. Tin dự báo xâm nhập mặn

a) Tiêu đề Tin dự báo xâm nhập mặn kèm theo tên lưu vực sông hay khu vực chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn;

b) Hiện trạng thủy văn, diễn biến thủy triều và xâm nhập mặn trên lưu vực được dự báo: độ mặn cao nhất tại các vị trí dự báo, khoảng cách chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn với độ mặn 4‰ hoặc 1‰ tính từ cửa sông chính;

c) Dự báo: độ mặn cao nhất, thời gian xuất hiện tại các vị trí; phạm vi, thời gian chịu ảnh hưởng của độ mặn 4‰ hoặc 1‰; khoảng cách chịu ảnh hưởng của độ mặn 4‰ hoặc 1‰ trở lên tính từ cửa sông chính;

d) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn theo quy định tại Điều 4 và Điều 49 Quyết định này;

đ) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

e) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

**Câu 75. Tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 19 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg thì tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán được quy định như sau:

1. Tin dự báo, cảnh báo nắng nóng

a) Tin cảnh báo nắng nóng đầu tiên được ban hành khi phát hiện khả năng xuất hiện nắng nóng trong khu vực cảnh báo; các tin cảnh báo nắng nóng tiếp theo được ban hành mỗi ngày 01 bản tin vào lúc 14 giờ 30;

b) Tin dự báo nắng nóng mỗi ngày ban hành 03 bản tin vào lúc: 8 giờ 00, 14 giờ 00 và 20 giờ 00; trong trường hợp xảy ra nắng nóng đặc biệt gay gắt và khả năng kéo dài, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Tin dự báo, cảnh báo hạn hán và sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có)

a) Tin dự báo, cảnh báo hạn hán và sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) đầu tiên được ban hành khi phát hiện có khả năng xuất hiện hạn hán trong khu vực cảnh báo, dự báo;

b) Tin dự báo, cảnh báo hạn hán và sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) tiếp theo được ban hành 10 ngày 01 bản tin sau khi ban hành bản tin đầu tiên vào các ngày 10, 20 và ngày cuối tháng; trong trường hợp hạn hán diễn biến phức tạp, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

3. Tin dự báo, cảnh báo xâm nhập mặn

a) Tin cảnh báo xâm nhập mặn được ban hành khi phát hiện có khả năng xảy ra hiện tượng xâm nhập mặn trong khu vực cảnh báo;

b) Tin dự báo xâm nhập mặn đầu tiên được ban hành khi xuất hiện hiện tượng xâm nhập mặn trong khu vực dự báo.

Các tin dự báo xâm nhập mặn tiếp theo được ban hành 10 ngày 01 bản tin sau khi ban hành bản tin đầu tiên vào các ngày 10, 20 và ngày cuối tháng; trong trường hợp xâm nhập mặn diễn biến phức tạp, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

**Câu 76. Để cảnh báo người dân chủ động ứng phó với gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng, pháp luật quy định như thế nào về dự báo, cảnh báo gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng?**

**Trả lời:**

Để giúp người dân chủ động ứng phó với gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng, tại khoản 1, 2 Điều 20 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định phải ban hành bản tin dự báo, cảnh báo gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng trong các trường hợp sau:

1. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo gió mạnh trên biển

a) Tin cảnh báo gió mạnh trên biển được ban hành khi phát hiện gió mạnh trên biển có khả năng xảy ra trong 24 giờ đến 48 giờ tới;

b) Tin dự báo gió mạnh trên biển được ban hành khi phát hiện gió mạnh trên biển có khả năng xảy ra trước 24 giờ.

2. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng

a) Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão được ban hành theo quy định tại khoản 7 Điều 8 và khoản 7 Điều 9 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg;

b) Tin cảnh báo sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển được ban hành khi phát hiện sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển có khả năng xảy ra trong 24 giờ đến 48 giờ tới;

c) Tin dự báo sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển được ban hành khi phát hiện sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển có khả năng xảy ra trước 24 giờ.

**Câu 77. Nhằm đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân đi biển, pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của** **tổ chức, cá nhân quản lý phương tiện hoạt động trên biển, phương tiện thông tin cá nhân?**

**Trả lời:**

Điều 61 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg quy định như sau:

1. Trang bị các thiết bị thông tin cần thiết để tiếp nhận tin dự báo, cảnh báo thiên tai; duy trì thông tin liên lạc giữa các chủ phương tiện với nhau và với Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng và các hệ thống thông tin khác.

2. Khi nhận được tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão và tin cảnh báo sóng thần, phải thông báo ngay số lượng người, vị trí hoạt động và số hiệu của tàu, thuyền trên biển cho Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng và các hệ thống thông tin khác để kịp thời hướng dẫn di chuyển, phòng tránh.

3. Khi phát hiện có hiện tượng thiên tai trên biển, phải thông báo ngay cho Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam và hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng.

4. Tổ chức, cá nhân có các phương tiện thông tin đã được cấp phép sử dụng, được phép truyền tin về thiên tai, chịu trách nhiệm bảo đảm độ chính xác, tin cậy của bản tin do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

**Tiểu phẩm số 6: Bài học đắt giá**

**Phân vai:**

*- Ông Phong – giám đốc công ty chế biến thức ăn chăn nuôi*

*- Tiến, Linh – nhân viên*

*- Anh Hùng – Trưởng đoàn kiểm tra*

Tại phòng Giám đốc, có tiếng gõ cửa:

- Giám đốc Phong: Mời vào

- Tiến: Báo cáo anh, bên Công an tỉnh mới có điện thoại báo sẽ có đoàn kiểm tra của Phòng cảnh sát môi trường đến làm việc hôm nay ạ.

- Giám đốc Phong: Họ có nói lý do làm việc không?

- Tiến: Dạ thấy bảo đến để kiểm tra công ty ta về quá trình xả thải ra môi trường ạ.

- Giám đốc Phong: Sao lại đến vào đúng lúc này chứ. Thôi, chú đi chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ đi. Gọi cô Linh lên gặp anh gấp.

Một lát sau:

- Linh: Anh cho gọi em ạ?

- Giám đốc Phong: Vừa có thông báo hôm nay có đoàn kiểm tra của Phòng cảnh sát môi trường đến làm việc. Việc anh bảo em hôm trước em thu xếp đến đâu rồi?

- Linh: Thưa anh, em đã cho dừng hoạt động xả thải trực tiếp xuống ống ngầm, cũng đã liên hệ với chính quyền xã để giải trình, nhưng cũng mang tính chất tạm thời thôi anh ạ vì bà con phản đối dữ quá.

- Giám đốc Phong: thôi được, để anh tính. Em chuẩn bị đi, lát cùng dự với anh.

Đoàn kiểm tra đến, tại phòng họp của công ty, sau khi giới thiệu thành phần đoàn kiểm tra, anh Hùng, Trưởng đoàn bắt đầu nội dung cuộc họp:

- Anh Hùng: Thưa anh Phong, chúng tôi nhận được phản ánh của bà con về việc nước thải từ xưởng chế biến thức ăn chăn nuôi của anh đổ ra sông Lung có mùi hôi thối, gây ô nhiễm môi trường. Hôm nay chúng tôi đến để kiểm tra quy trình xả thải ra môi trường của công ty, mong anh hợp tác.

- Giám đốc Phong: Dạ vâng, báo cáo các đồng chí, công ty chúng tôi cũng đang nỗ lực thực hiện cam kết bảo vệ môi trường như đã ký. Công ty sẵn sàng hợp tác cùng cơ quan chức năng. Tuy nhiên, trong sản xuất, kinh doanh chắc chắn có sai sót, mong các anh giơ cao đánh khẽ ạ.

- Anh Hùng: Mong là sai sót đó không quá tệ anh ha, (cười). Thôi chúng tôi xin phép được xuống xưởng làm việc.

- Giám đốc Phong: Vâng, mời các anh chị.

Tại Xưởng chế biến:

- Giám đốc Phong (sau một hồi hướng dẫn quy trình xử lý nước thải của xưởng chế biến thức ăn chăn nuôi): báo cáo các anh chị, sau khi trải qua các hệ thống lọc, nước thải được đưa vào bể khử trùng trước khi xả thải ra môi trường để đảm bảo tiêu chuẩn xả thải cho phép.

- Anh Hùng: nhưng hình như hệ thống xử lý nước thải của các anh có vấn đề. Tôi không thấy có nước thải qua bể khử trùng này?

- Giám đốc Phong: Hệ thống mới đây đang có trục trặc kĩ thuật, chúng tôi đang gấp rút sửa để đưa hoạt động trở lại, anh yên tâm là…

- Anh Hùng (cắt ngang): Thế từ đó đến nay anh xả thải trực tiếp ra ngoài luôn?

- Giám đốc Phong (căng thẳng): Dạ.. vâng. Nhưng lượng nước thải không nhiều, không thể là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường được ạ.

- anh Hùng: chúng tôi sẽ cho lấy mẫu nước thải để giám định, chúng ta sẽ biết kết quả sau ít ngày nữa thôi. Còn bây giờ, ta quay về phòng họp, anh vui lòng cung cấp các văn bản, giấy tờ liên quan đến hoạt động của công ty để chúng tôi kiểm tra.

Mấy ngày sau, tại Phòng Cảnh sát môi trường:

- Anh Phong ạ, kết quả mẫu giám định cho thấy công ty của anh đã có hành vi xả nước thải có chưa các thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên, trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10m3 đến dưới 20m3/ngày (24 giờ).

- Giám đốc Phong: Xin các anh giơ cao đánh khẽ, chúng tôi xin được khắc phục kịp thời ạ.

- Anh Hùng: Anh Phong thông cảm, chúng tôi có trách nhiệm làm đúng quy định pháp luật. Với hành vi này, chúng tôi buộc phải áp dụng biện pháp xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 55/2016/NĐ-CP.

- Giám đốc Phong: Thưa anh, anh có thể cho biết mức xử phạt không ạ?

- Anh Hùng: Với hành vi xả thải ra môi trường của công ty anh như tôi vừa nói thì sẽ chịu mức phạt từ 100 triệu đến 110 triệu đồng[[13]](#footnote-13). Đồng thời, để nghiêm khắc răn đe cá nhân, tổ chức vi phạm, Nghị định cũng quy định mức phạt tăng thêm cho các hành vi, cụ thể là với hành vi của anh thì mức phạt tăng thêm 50% của mức phạt tiền cao nhất đã chọn đối với hành vi vi phạm quy định đối với mỗi thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 10 lần trở lên[[14]](#footnote-14). Chưa hết, mức phạt tiền đối với mỗi hành vi vi phạm đang là mức phạt tiền của cá nhân, còn mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền của cá nhân có cùng hành vi vi phạm[[15]](#footnote-15).

- Giám đốc Phong: Ý anh nói tức là với hành vi này nếu là công ty thì bị xử phạt đến hàng trăm triệu đồng đúng không ạ?

- Anh Hùng: Chính xác. Đồng thời với việc bị áp dụng mức xử phạt hành chính, công ty các anh còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả như: khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kêt quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do chúng tôi đưa ra; buộc rà soát, cải tạo công trình xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định; công ty anh cũng phải trả chi phí giám định mẫu nước thải hôm vừa rồi theo đơn giá hiện hành.[[16]](#footnote-16) Đấy anh xem, tôi đã thông báo các mức phạt cụ thể đối với hành vi vi phạm của công ty rồi, giờ anh qua bên này đọc lại và ký vào biên bản làm việc nhé.

- Giám đốc Phong: Vâng, tôi hiểu rồi. Để kịp tiến độ sản xuất, chúng tôi đã phải trả cái giá quá đắt, nhất là trong tình hình dịch bệnh khó khăn như thế này.

- Anh Hùng: Tôi nghĩ công ty nên nhanh chóng khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường cũng như đối thoại với người dân để có hướng xử lý phù hợp, chứ nước thải đổ ra sông Lung lại chảy qua địa phận đông dân cư sinh sống nên người dân bức xúc lắm.

- Giám đốc Phong: Vâng, tôi sẽ khắc phục ngay ạ. Cảm ơn các anh chị đã cho tôi bài học quý giá.

**4. Tìm hiểu quy định của pháp luật về việc thực hiện các chính sách, biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch covid-19 (02 tiểu phẩm).**

*(Văn bản sử dụng:* ***Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021*** *quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19).*

**Tiểu phẩm số 7: Bữa cơm mùa dịch**

Các nhân vật:

Chị Tuyên: Vợ anh Đăng

Bé Linh: con chị Tuyên và anh Đăng

Chị Thời: Hàng xóm

**Cảnh 1: Đang ngồi trong nhà, nghe tiếng bé Linh khóc, chị Thời ngó đầu qua bức tường nhà chị Tuyên thì thấy bé Linh đang đứng trước cửa nhà.**

Chị Thời: Có chuyện gì mà khóc la vậy bé!

Bé Linh: Mẹ con đánh con nè cô. Mẹ không thương con nữa.

Chị Thời: Ủa, mà sao mẹ đánh con. Xưa nay mẹ thương con lắm mà. Nín đi kể cô nghe.

Bé Linh: Con bảo mẹ mua thịt về ăn, ăn rau hoài con chán quá. Vậy mà mẹ la con. Con thật sự không thích ăn rau mà.

Chị Thời: Con đừng khóc nghe, mẹ con cũng vì khó khăn quá thôi. Con thấy dịch bệnh Covid-19 hông?

Bé Linh: Dạ con có. (Vẫn nấc: hức hức)

Chị Thời: Ba mẹ con phải nghỉ làm ở công ty để phòng, tránh dịch. Nên không có lương, chắc bởi vậy mẹ mới không có tiền mua thịt con ăn. Bé Linh ngoan, thương mẹ đừng khóc nhè nữa nghe.

Bé Linh: (đã hiểu chuyện) Dạ, con hiểu rồi cô.

Chị Thời: Ngoan, khi nào hết dịch, mẹ đi làm có lương, thì con thích ăn bao nhiêu thịt cũng được hết nha.

Bé Linh: Dạ, vâng ạ.

Chị Thời: Sang chơi với chị My nhà cô nhen, chị My đang ở trên gác chơi đồ hàng á.

Bé Linh: Dạ.

Khi bé Linh sang nhà mình thì chị Thời đi ra ngõ và vào nhà của bé.

Chị Thời: Chị Tuyên ơi, đang đâu đó.

Chị Tuyên: Em đang trong bếp nè chị.

Chị Thời: Đang làm gì đó?

Chị Tuyên: Em đang làm lạc rang muối nè. Đổi bữa cho con, không nó không chịu ăn rau suốt được.

Chị Thời: Cũng tội nghiệp bọn nhỏ. Nhưng biết sao giờ. Xóm mình ai cũng làm công nhân, cũng nghèo khó cả.

Chị Tuyên: (Mắt đỏ hoe hoe) Chắc con Linh sang nhà chị nói hả.

Chị Thời: Không có, thấy con bé khóc, nên chị hỏi chuyện thôi. Bé nhưng nó biết mà. Khuyên nhủ nó vài câu là nó nín.

Chị Tuyên: Con bé không có lỗi, nhưng mà nó đòi hoài, em cũng không biết phải làm sao. Em cũng buồn lắm chị.

Chị Thời: Nghỉ làm họ không hỗ trợ gì hả?

Chị Tuyên: Bọn em nghỉ làm vậy là tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động do dịch Covid-19. Trong thời gian tạm hoãn đâu có được hưởng lương gì đâu chị, mà chủ doanh nghiệp cũng đang khó khăn nữa.[[17]](#footnote-17) Công ty cũng nói hỗ trợ mỗi người 02 tháng lương cơ bản, được gần 3 triệu.

Chị Thời: Tằn tiện liệu có đủ không?

Chị Tuyên: Sao đủ được chị. Có chút tiết kiệm trước đó giờ cũng tiêu gần hết rồi. Mà nói hỗ trợ thì mới được một tháng thôi, còn một tháng thì nợ. Gọi điện hỏi, thì công ty cũng gặp khó. Họ nói, vì dịch nên tiền vận chuyển hàng ra nước ngoài cước phí tăng gần gấp rưỡi lận. Hàng thì phải chuyển cho đúng thời gian, chứ nước ngoài họ phạt vi phạm hợp đồng cao lắm, nên công ty chấp nhận giá chở đó.

Chị Thời: Tưởng dịch thì giá rẻ hơn chứ.

Chị Tuyên: Không chị ơi. Nhiều công ty tàu thuyền nước ngoài, công nhân nhiễm Covid-19 nhiều, họ có người đi làm đâu. Có tàu cchở là tốt rồi, mà hàng thì nhiều, nên phí mới gia tăng vậy đó.

Chị Thời: Đúng ha. Covid vậy, họ không dám chở chứ không phải vì không muốn chở.

Chị Tuyên: Vợ chồng em cũng đâu có ngồi không. Chồng em đi xe ôm kiếm thêm, em cũng đi rửa bát thuê mà rồi nhà hàng đóng cửa hết không ai thuê nữa. Giờ chị bảo em phải làm sao?

Chị Thời: Chị cứ động viên em vậy chứ nhà chị mà dịch kéo dài thì khác gì em đâu. Thôi cố gắng em ạ. Giáo viên mầm non tư thục như bọn chị cũng chả khá hơn.

Chị Tuyên: Vâng.

**Cảnh 2: Chiều chồng chị Tuyên ra đầu ngõ nhận hàng cứu trợ. Tươi tỉnh khác hẳn mấy ngày qua, còn bảo người ta cho cả khoanh giò.**

Chị Tuyên: Hôm nay có tin gì vui vậy, Linh ơi, hôm nay có giò lụa nè. Mẹ lấy cho con ăn nha.

Bé Linh: Dạ vâng.

Anh Đăng: Lúc xếp hàng nhận đồ cứu trợ, mấy anh em trong nhóm Grab của anh chia sẻ tin này hay lắm.

Chị Tuyên: Tin gì vậy anh?

Anh Đăng: Nhà nước mình sẽ có hỗ trợ tiền cho công nhân bị nghỉ làm do dịch như mình đấy.

Chị Tuyên: Thật vậy hả anh? Bao giờ thì được?

Anh Đăng: Chắc cũng chưa ngay được. Mà cũng không nhiều vì đông người nghỉ việc quá.

Chị Tuyên vừa nấu ăn vừa mừng: Có còn hơn không anh à.

Anh Đăng: Hôm nay được phát thùng mỳ này, vậy là cũng có bữa sáng cho con.

Chị Tuyên: Vâng. May mà có những người làm từ thiện vậy, nên mình mới đỡ tiền thức ăn hàng ngày. Mà hỗ trợ ra sao anh.

Anh Đăng: Để anh hỏi lại các anh em đã. Vợ chồng mình thuộc đối tượng tạm hoãn công việc vì dịch đúng không?

Chị Tuyên: Đúng rồi mình.

Anh Đăng: Đối tượng hỗ trợ ở đây là người lao động làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chi đầu tư và chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tư thục ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp phải tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 thì sẽ được hỗ trợ[[18]](#footnote-18). Nhà mình được hỗ trợ cả hai đấy.

Chị Tuyên: Vậy là chị Thời cũng được hỗ trợ nữa. Mai em phải báo chị ấy.

Anh Đăng: Muốn được hỗ trợ phải có đủ các điều kiện đấy.

Chị Tuyên: Còn điều kiện nữa hả. Vậy mình có được không?

Anh Đăng: Đầu tiên là thuộc trường hợp tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn hợp đồng lao động, từ 15 ngày liên tục trở lên, tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Điều kiện nữa là đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

Chị Tuyên: Ủa sao quy định rắc rối vậy. Cứ ai bị thất nghiệp vì Covid thì hỗ trợ người ta hết trơn đi.

Anh Đăng: Thì người thất nghiệp cũng được hỗ trợ mà. Nhưng mỗi trường hợp có chế độ khác nhau. Anh với em tạm hoãn hợp đồng lao động vì theo hợp đồng vợ chồng mình còn 1 năm nữa mới hết hợp đồng phải hôn. Như vậy là tạm hoãn. Còn người thất nghiệp sẽ có trợ cấp thất nghiệp nữa.

Chị Tuyên: Nhưng làm sao để được trợ cấp, anh có nghe người ta nói định mức được trợ cấp thế nào không?

Anh Đăng: Mức hỗ trợ là 1.855.000 đồng/người đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày). Đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng (30 ngày) trở lên thì mức hỗ trợ là 3.710.000 đồng/người[[19]](#footnote-19).

Chị Tuyên: Vậy là vợ chồng mình được hỗ trợ mức sau, là hơn 3 triệu 7 hả.

Anh Đăng: Bé Linh nhà mình 5 tuổi, nên mình được hỗ trợ thêm 1 triệu đồng nữa, tiền nuôi con nhỏ [[20]](#footnote-20)

Chị Tuyên: Được một đồng cũng quý. Mà họ chi trả theo đợt hay một lần vậy?

Anh Đăng: Chi trả 01 lần luôn.

Chị Tuyên: Mà làm sao để được hưởng trợ cấp.

Anh Đăng: Chút nữa em cái bản sao văn bản thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương để nộp cho công ty nhé; cả bản sao Giấy khai sinh của bé Linh nữa[[21]](#footnote-21)

Chị Tuyên: Nhưng công ty em không thấy có văn bản tạm hoãn gì đó.

Anh Đăng: Nếu thế thì công ty phải làm cho mình. Công ty mình có trách nhiệm lập danh sách yêu cầu cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Rồi công ty gửi hồ sơ lên để quận xem xét, giải quyết. [[22]](#footnote-22)

Chị Tuyên: Ăn cơm xong. Em sang nhà chị Thời bảo chị ấy nữa.

Anh Đăng: Đang covid này thì gọi điện, nhắn tin cho bả biết chứ sang đó làm gì chớ. Giờ chính quyền đã cấm tập trung, hạn chế tiếp xúc rồi đó. Người ta hốt đi là tui hổng biết đâu à nghe.

Chị Tuyên: Biết rồi, khổ lắm, nói mãi, nói hoài à.

**Tiểu phẩm số 8:** **Cách ly tập trung**

Các nhân vật:

Bé Hà: Bị cách ly tại trường do có liên quan đến ca F0 nhiễm Covid.

Anh Sơn: Bố bé Hà

Chị Cúc: Mẹ bé Hà

Ông Tư: Ông nội

Bà Sớm: Bà nội

Ông Nhân: Ông Ngoại

Bà Sinh: Bà Ngoại.

Chị Tầm: Mẹ một bé khác bị cách ly

**Cảnh 1: Anh Sơn đang làm ở cơ quan thì nghe vợ gọi, nghĩ vợ gọi bảo mua gì nên anh chưa vội nghe vì mãi làm nốt việc. Nhưng thấy vợ gọi dồn dập, nghĩ có việc gì gấp nên bắt máy**

Anh Sơn: Anh đây

Chị Cúc: Anh xin nghỉ làm, về nhà ngay, đi cùng con vào trường cách ly.

Anh Sơn hốt hoảng: Con mình làm sao. Làm sao phải cách ly.

Chị Cúc: Một bạn học trong lớp con bị dương tính với Covid­­-19. Bạn này thì chắc bị lây từ bố. Nên giờ các bạn trong lớp là F1, trường thông báo sẽ cách ly cả lớp con ở trường.

Anh Sơn: Anh về ngay.

Chị Cúc: Anh về ngay nhé. Em lo lắm.

**Cảnh 2: Tại nhà anh Sơn. Chị Cúc vừa nức nở, vừa thu dọn đồ đạc cho con vào balo, mà lóng ngóng mãi. Ông, bà nội, ngoại nghe tin cũng vội đến nhà con trai.**

Ông Tư: Anh Sơn về đây rồi. Vào nhà nhanh lên, đang bàn xem ai đi vào cách ly cùng cái Hà, cho nó đỡ sợ.

Anh Sơn: Giờ cháu đang ở đâu.

Bà Sớm: Chúng nó ở trường cả, chiều tối nay thì xét nghiệm ra bạn cùng lớp nó bị Covid­­-19, thế là tiến hành cách ly ngay. Cả lớp nó và các thầy cô giáo dạy lớp nó không ai được về, tổ chức cách ly luôn tại trường.

Ông Tư: Anh bận đi làm, hay để tôi hoặc bà nó vào với cháu.

Anh Sơn: Ai lại để ông bà đi bao giờ. Dịch này nguy hiểm, ông bà thì già rồi.

Ông Tư: Chúng tôi chả sợ nguy hiểm, già rồi có gì tiếc, chỉ sợ vào đó không giúp gì được lại phiền hà các thầy cô thôi.

Ông Nhân: Vợ anh nó vừa mới đẻ, không đi được, anh đi là hợp lẽ nhất.

Anh Sơn: Vâng, con sẽ xin cơ quan nghỉ phép để vào cùng cháu.

Bà Sinh: Bên xóm Chùa, nhà cái Thắm Sang thì là mẹ nó đi. Cúc nó đã sửa soạn đồ cho hai bố con rồi. Anh ăn cơm rồi vào trường cho sớm, có gì điện về cho nhà biết tin.

Bà Sớm: Tôi nghe tin mà cứ rụng rời cả chân tay ra bà ạ.

Bà Sinh: Thì tôi cũng có nghĩ được cái gì đâu, hai vợ chồng vừa biết tin kéo nhau sang đây luôn đấy. Rõ khổ. Nó còn bé thế.

Ông Nhân: Ơ hay, mới là F1 thôi, đã nhiễm Covid đâu mà bà kêu khổ. Thế những người là bệnh nhân thật thì thế nào. Lúc này là phải bình tĩnh để xử lý.

Bà Sinh: Nói dại chứ, lỡ mà nó bị nhiễm covid thì sao?

Ông Nhân: Đấy bà cứ thế này thì con Cúc nó lại lo lắng thêm, cứ thế thì nó còn chăm thằng bé con ở nhà thế nào được.

Ông Tư: Thôi, giờ vào ăn cơm đi, rồi bố đưa con đi. Giờ có lo cũng chả làm được gì. Chuyện đã thế rồi. Sớm vào với con bé cho nó khỏi mong.

**Cảnh 3: Anh Sơn sau khi vào khu cách ly gọi điện về nhà cho mọi người yên tâm.**

Anh Sơn: Cả nhà đừng lo nhé, cháu có lo lắng nhưng không sao đâu. Nhà trường bố trí phòng cách ly rất thoáng đãng. Có đủ chăn đệm.

Bé Hà: Có bố ở đây, con không sợ gì cả mẹ ạ. Ông bà cũng đừng lo cho con nhé.

Anh Sơn: Mai sẽ lấy mẫu xét nghiệm, mỗi tuần lấy 1 lần, âm tính 3 lần sẽ được về.

Bé Hà: Lấy mẫu xét nghiệm có phải lấy máu không hả bố.

Anh Sơn: Không con ạ, mẫu xét nghiệm covid là lấy dịch mũi và dịch ở họng cơ.

Chị Cúc: Sẽ hơi khó chịu đấy. Con cố gắng chịu để làm xét nghiệm cho nhanh nhé.

Bé Hà: Dạ vâng ạ. Con chào mẹ, con đi ngủ.

Anh Sơn: Ở đây cứ đến giờ quy định là mọi người đi ngủ rồi. Em với con ngủ sớm đi nhé. Hôm nay cu con có quấy không?

Chị Cúc: Cũng như biết lắm ấy, ít khóc hơn hẳn anh ạ. Có gì anh gọi để cả nhà biết tin hai bố con nhé.

Anh Sơn: Ừ, hai mẹ con ngủ đi.

Chị Cúc: Hai bố con cũng đi ngủ đi, có bà ngoại ở đây nên em cũng yên tâm rồi.

**Cảnh 4: Buổi sáng sau khi lấy mẫu xét nghiệm xong, hai bố con đi ăn cơm.**

Bé Hà: Bố ơi, cơm này ngon thật. Con chưa ăn cơm ở trường bao giờ.

Anh Sơn: Ừ, ăn như vậy mới đủ chất, có đủ sức khỏe mà chống dịch con ạ.

Bé Hà: Cơm này mình có phải trả tiền không ạ.

Anh Sơn: Không con ạ, mình được nhà nước hỗ trợ.

Bé Hà: Cứ cách ly là được hỗ trợ hả bố.

Anh Sơn: Tùy đối tượng thôi con. Đến thời điểm này số người bị cách ly trong cả nước rất nhiều, nên không phải ai cũng được hỗ trợ đâu. Như con là F1, thuộc đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi, cách ly y tế để phòng, chống Covid theo quyết định của ủy ban nhân dân phường nên sẽ được hỗ trợ.[[23]](#footnote-23)

Chị Tầm ngồi ở bàn bên nghe vậy cũng hỏi với sang.

Chị Tầm: Các con được hỗ trợ như thế nào anh.

Anh Sơn: Các cháu thực hiện cách ly y tế (F1) sẽ được hỗ trợ tiền ăn với mức 80.000 đồng/cháu/ngày.[[24]](#footnote-24)

Chị Tầm: Họ hỗ trợ trong bao lâu.

Anh Sơn: Từ ngày 24 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 thì thời gian hỗ trợ tối đa là 21 ngày. Ngoài ra trẻ em dưới 16 tuổi trong thời gian cách ly y tế còn được hỗ trợ thêm một lần là 01 triệu cho mỗi trẻ nữa đấy.

Chị Tầm: Thế bố mẹ đi theo con có được hỗ trợ không.

Anh Sơn: Không chị ạ. Mình đi theo con cách ly để con đỡ sợ, ổn định tâm lý cho con thôi, chứ không thuộc đối tượng được hỗ trợ.

Chị Tầm: Vậy mình phải chi trả tiền ăn à. Nhưng nghĩ kỹ thì cũng hợp lý. Có mấy đứa bố mẹ làm trong Nam, ở nhà với ông bà, đi cách ly có ai đâu, cũng tội.

Anh Sơn: Có bằng ấy tiền ăn thì cũng không nhiêu nhặn gì.

Chị Tầm: Thế mình phải làm hồ sơ xin hỗ trợ à.

Anh Sơn: Không chị ạ. Đối với trường hợp như các cháu ở đây, đang cách ly tại cơ sở cách ly. Thì cơ sở cách ly sẽ làm hồ sơ, lập danh sách đủ điều kiện hưởng chính sách gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giải quyết[[25]](#footnote-25).

Chị Tầm: Hóa ra là vậy. Thế những trường hợp như các cháu thì phải nộp giấy tờ gì cho cơ sở cách ly nhỉ?

Anh Sơn: Người nhà các cháu phải nộp bản sao một trong các giấy tờ như Giấy giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế.

Chị Tầm: Thế ạ, vậy mà tôi lại không mang gì đi rồi.

Anh Sơn: Chị bảo người nhà chụp cho, rồi in ở máy in trong trường được mà. Họ yêu cầu bản sao, chứ không phải bản chính.

Chị Tầm: Thế thì tiện quá, để tôi gọi điện về nhà để mai gửi mới được. Nhà nước hỗ trợ như vậy cũng động viên kịp thời mọi người, nhất là những gia đình khó khăn, giúp họ yên tâm phần nào.

Sang hôm sau, toàn bộ học sinh và thầy cô giáo âm tính lần 1 với Covid ­19. Ai cũng thở phào nhẹ nhõm. Vậy là chỉ còn hai lần xét nghiệm nữa thôi là được về nhà. Anh Sơn phấn khởi gọi ngay cho vợ ở nhà yên tâm.

**5. Tìm hiểu Tìm hiểu quy định pháp luật về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021; hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch covid-19 (03 tiểu phẩm pháp luật)**

*(Văn bản sử dụng: Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021; Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch covid-19).*

**Tiểu phẩm số 9: “Lá rách ít đùm lá rách nhiều”**

*(Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch covid-19)*

**Các nhân vật:**

- Giám đốc Công ty Hướng Dương

- Đồng chí Hùng: Chủ tịch Công đoàn

- Đồng chí Lan: Kế toán trưởng

*Bối cảnh:* Tại phòng làm việc của Giám đốc Công ty Hướng Dương

**Giám đốc:** (gọi điện thoại): Hằng à ! Em thông báo cho chị Lan Kế toán trưởng và anh Hùng Chủ tịch Công đoàn lên phòng anh hội ý nhé!

*(Một lát sau Chị Lan và anh Hùng gõ cửa phòng)*

**Giám đốc:** Mời các anh, chị vào !

**Kế toán trưởng***:* Giám đốc gọi chắc có việc gì quan trọng ạ ?

**Giám đốc:** Thế này các anh chị ạ! Công ty vừa nhận được Thư kêu gọi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh kêu gọi các doanh nghiệp trên địa bàn ủng hộ cho hoạt động phòng chống dịch Covid – 19 của tỉnh nên mời Chủ tịch Công đoàn và Kế toán trưởng để trao đổi về nội dung này.

**Chủ tịch Công đoàn:** Báo cáo với Giám đốc, việc tham gia các hoạt động từ thiện, ủng hộ phòng, chống dịch bệnh là việc nên làm. Tuy nhiên, em thấy Công ty ta trong hai năm nay, do ảnh hưởng của dịch Covid nên tình hình doanh thu giảm nhiều. Hai nữa, đối với khoản chi ủng hộ cho phòng chống dịch Covid -19 không biết có được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp hay không nên cần phải nghiên cứu cho cụ thể đã anh ạ !

**Kế toán trưởng:** Xin báo cáo với các đồng chí, trong thời gian qua Công ty ta đã tham gia tích cực các hoạt động từ thiện, ủng hộ khắc phục thiên tai… Thể hiện được sự chia sẻ của doanh nghiệp đối với xã hội và thông qua đó đã góp phần quảng bá hình ảnh của Công ty. Còn vấn đề phân vân của đồng chí Chủ tịch công đoàn về thuế thì đã có văn bản hướng dẫn cụ thể rồi ạ !

**Giám đốc:** Chị Lan nói rõ thêm chỗ liên quan đến thuế !

**Kế toán trưởng:** Ngay chiều hôm qua, tôi được Chi cục Thuế mời dự Hội nghị trực tuyến phổ biến Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19.

**Giám đốc:** Văn bản có quy định cụ thể đối với các đơn vị nhận tài trợ không?

**Kế toán trưởng:** Báo cáo Giám đốc có chứ ạ ! Nó được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 2 Nghị định, đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ bao gồm:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp;

- Cơ sở y tế;

- Đơn vị lực lượng vũ trang;

- Đơn vị, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ làm cơ sở cách ly tập trung;

- Cơ sở giáo dục;

- Cơ quan báo chí;

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Tổ chức đảng, đoàn thanh niên, công đoàn các cấp ở trung ương và địa phương;

- Cơ quan, đơn vị chính quyền địa phương các cấp có chức năng huy động tài trợ;

- Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 các cấp;

- Cổng thông tin điện tử nhân đạo quốc gia;

- Quỹ từ thiện, nhân đạo và tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.

**Chủ tịch công đoàn:** Em sợ hồ sơ, thủ tục cũng phiền phức đó !

**Kế toán trưởng:** Không! Về hồ sơ cũng rất đơn giản. Theo quy định về hồ sơ xác định khoản chi ủng hộ, tài trợ gồm có:

Biên bản xác nhận ủng hộ, tài trợ theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định 44/2021 hoặc văn bản, tài liệu (hình thức giấy hoặc điện tử) xác nhận khoản chi ủng hộ, tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là bên ủng hộ, tài trợ và đại diện của đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ, kèm theo hóa đơn, chúng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật của khoản ủng hộ, tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật.

**Giám đốc:** Năm 2020, Công ty ta có ủng hộ bằng hiện vật hơn 500 triệu đồng cho Quỹ phòng, chống Covid-19 tỉnh, mà bây giờ mới có Nghị định hướng dẫn thì không được trừ nữa nhỉ ?

**Kế toán trưởng:** Theo Nghị định hướng dẫn thì được áp dụng cho cả kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 nữa đấy Giám đốc ạ !

**Chủ tịch Công đoàn:** Nhưng năm 2020, Công ty ta đã nộp hồ sơ quyết toán thuế năm 2020 cho cơ quan Thuế rồi ạ!

**Kế toán trưởng:** Hôm dự hội nghị phổ biến Nghị định, nhiều đơn vị đã thắc mắc chỗ này và được Cục Thuế giải thích như sau: Trường hợp doanh nghiệp đã nộp hồ sơ quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2020 nhưng chưa tính khoản ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid 19 vào chi phí được trừ thì Doanh ngiệp thực hiện kê khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế.

**Giám đốc:** Thế là rõ rồi đồng chí Hùng nhỉ.

**Chủ tịch công đoàn:** Vâng ạ!

**Giám đốc:** Thế này, các đồng chí ! Như chúng ta đã biết, dịch Covid 19 đã ảnh hưởng rất lớn đến nhiều tầng lớp nhân dân. Nhiều người không có công ăn, việc làm, các lực lượng tuyến đầu ngày đêm căng mình chống dịch. Biết rằng doanh nghiệp chúng ta cũng bị ảnh hưởng không nhỏ nhưng với tinh thần “lá rách ít đùm lá rách nhiều”, tôi đề nghị các đồng chí ủng hộ chủ trương này để góp phần chia sẻ cùng Nhà nước trong công tác phòng, chống Covid 19. Theo Thư kêu gọi của UBMTTQ tỉnh. Đợt này, Công ty ta sẽ trích ra 1 tỷ để ủng hộ, ý các đồng chí thế nào ?

**Chủ tịch Công đoàn và Kế toán trưởng *(****đồng thanh):* Nhất trí ạ!

**Giám đốc:** Cảm ơn các đồng chí!

**Tiểu phẩm số 10: Lối đi cho hộ kinh doanh trong mùa dịch**

*(Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021)*

**Các nhân vật:**

- Bác Hoàng: đại diện hộ kinh doanh

- Anh Vinh: nhân viên Ngân hàng X

*Bối cảnh:* Tại sảnh chờ của Phòng giao dịch Ngân hàng X

**Anh Vinh:** Ồ, bác Hoàng phải không? Chào bác! em Vinh đây!

**Bác Hoàng:** Chú Vinh ạ ! Đeo khẩu trang vào nhận không ra!

**Anh Vinh:** Thế bác giao dịch món gì vậy ?

**Bác Hoàng:** Nói thật chú, sau khi nghỉ hưu về, đang còn sức khỏe nên cùng với bà xã mở nhà hàng ăn uống chỗ 65, đường Đinh Công Tráng ấy. Nhưng khổ nỗi, sinh ra không gặp thời. Sau khi mở được mấy tháng thì gặp dịch dã liên miên, 15 rồi 16 liên tục, nên hoạt động bì bõm. Đang định vào ngân hàng vay ít để về nộp thuế cho Nhà nước đây !

**Anh Vinh:** Bác ơi ! Nhà nước vừa có chính sách cho gia hạn thời hạn nộp thuế đó bác!

**Bác Hoàng:** Văn bản mới à chú ? Anh cũng chưa cập nhật thông tin.

**Anh Vinh:** Vâng! Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021 đó bác!

**Bác Hoàng:** Nhưng mà hộ kinh doanh ăn uống như của anh có thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế không chú?

**Anh Vinh:** Đây bác, nói có sách mách có chứng *(vừa nói vừa mở điện thoại)*. Em đọc bác nghe nha!

**Bác Hoàng:** Vâng, nhờ chú!

**Anh Vinh:** *(tay giơ điện thoại, mắt nheo, miệng đọc)* Đây, bác nghe nha:

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế sau:

a) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

b) Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất kim loại; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;

c) Xây dựng;

d) Hoạt động xuất bản; hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc;

đ) Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (không gia hạn đối với thuế thu nhập doanh nghiệp của dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thu theo hiệp định, hợp đồng);

e) Sản xuất đồ uống; in, sao chép bản ghi các loại; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); sản xuất mô tô, xe máy; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị;

g) Thoát nước và xử lý nước thải.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế sau:

a) Vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động kinh doanh bất động sản;

b) Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;

c) Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; hoạt động thể thao, vui chơi giải trí; hoạt động chiếu phim;

d) Hoạt động phát thanh, truyền hình; lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính; hoạt động dịch vụ thông tin;

đ) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng.

**Bác Hoàng:** Khoan, chú xem lại hình như dịch vụ ăn uống không thấy !

**Anh Vinh:** Đây bác, nằm ngay điểm a, khoản 2 Điều 2 to đùng đoàng đây !

**Bác Hoàng:** Nhờ chú xem cho thời hạn gia hạn được bao lâu ?

**Anh Vinh:** Cái này em đã xem kỹ rồi, thế này bác nhé !

*- Đối với thuế giá trị gia tăng* (trừ thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu), gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp (bao gồm cả số thuế phân bổ cho các địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính, số thuế nộp theo từng lần phát sinh) của kỳ tính thuế từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2021 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng) và kỳ tính thuế quý 1, quý 2 năm 2021 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo quý) của các doanh nghiệp, tổ chức.

Thời gian gia hạn là 5 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2021 và quý 1, quý 2 năm 2021, thời gian gia hạn là 4 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 7 năm 2021, thời gian gia hạn là 3 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 8 năm 2021. Thời gian gia hạn tại điểm này được tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

*- Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp*, Nghị định quy định gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý 1, quý 2 kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 của doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này. Thời gian gia hạn là 03 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Còn đối với hộ kinh doanh như trường hợp của bác thì được gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền thuế phát sinh phải nộp năm 2021. Thời hạn nộp số tiền thuế được gia hạn chậm nhất là ngày 31/12/2021.

**Bác Hoàng:** Thế phấn khởi rồi chú ạ! Nhưng để được gia hạn thời hạn nộp thuế không biết phải làm những thủ tục như thế nào chú nhỉ?

**Anh Vinh:** Theo quy định tại Điều 4 Nghị định **52/2021/NĐ-CP** thì người nộp thuế thuộc đối tượng được gia hạn chỉ cần gửi giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất lần đầu, hoặc thay thế (khi phát hiện có sai sót) cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ các kỳ của các sắc thuế và tiền thuê đất được gia hạn. Bác về tải Mẫu Giấy đề nghị theo Phụ lục kèm theo Nghị định này ghi đầy đủ thông tin theo hướng dẫn ấy và gửi cho cơ quan Thuế.

**Bác Hoàng:** Nhưng chú ơi trong lúc dịch dã như thế này làm sao mà đến nộp trực tiếp được đây ?

**Anh Vinh:** *(cười)* Bác không phải lo, vấn đề này Nhà nước họ đã tính toán cả rổi ! Theo quy định thì người nộp thuế có thể gửi giấy đề nghị gia hạn bằng phương thức điện tử.

Theo em được biết thì hiện nay Tổng cục Thuế đã nâng cấp các ứng dụng thuế điện tử để hỗ trợ người nộp thuế lập và gửi giấy đề nghị gia hạn nộp thuế, nộp tiền thuê đất năm 2021 (giấy đề nghị gia hạn) bằng phương thức điện tử. Đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân chưa có tài khoản giao dịch điện tử về thuế, người nộp thuế đăng ký tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia và gửi giấy đề nghị gia hạn qua Cổng dịch vụ công quốc gia sau khi có thông báo nâng cấp của Tổng cục Thuế. Ngoài ra, người nộp thuế cũng có thể gửi giấy đề nghị gia hạn qua đường bưu chính. Nhớ gửi trước 30/7/2021 đấy bác nhé !

**Bác Hoàng:** Thế thì tốt rồi, may gặp chú ở đây, anh mới hiểu được. Thôi không phải vay tiền Ngân hàng nữa, để về báo cho bác bà phấn khởi! Chúc chú mạnh khỏe, gia đình sức khỏe, bình an vượt qua mùa dịch nhé.

**Anh Vinh:** Em chào bác, chúng ta cùng tránh xa COVID bác nhé, chúc bác làm ăn gặp nhiều may mắn!

**Tiểu phẩm số 11: Đồng cam cộng khổ**

*(Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021)*

 **Do tình hình dịch bệnh Covid ngày càng diễn biến phức tạp khiến cho ông Khương đau đầu nghĩ phương án kinh doanh để doanh nghiệp của ông không bị giải thể. Từ một xưởng gỗ nhỏ của gia đình, với sự nhanh nhạy, ông đã phát triển thành xưởng chế biến gỗ, giải quyết việc làm cho hàng chục người lao động tại địa phương. Nhận thấy đây là ngành nghề có thể phát triển tốt, ông Khương quyết định xin phép thành lập doanh nghiệp để có cơ hội hợp tác đầu tư với nhiều doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực này.**

 **Thời gian đầu việc kinh doanh rất thuận lợi nên tạo cho ông nhiều động lực để nghiên cứu thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm để tạo uy tín với người tiêu dùng. Chỉ mấy năm thôi, ông đã phát triển được nhiều chi nhánh tại các tỉnh. Công việc đang thuận chèo xuôi mái thì dịch bệnh Covid -19 xảy ra làm cho công việc kinh doanh của ông gặp khó khăn và lợi nhuận giảm đi rất nhiều.**

 **Hôm nay Công ty mở cuộc họp toàn thể cán bộ, nhân viên để bàn về phương án kinh doanh mới, vừa chống dịch vừa phát triển sản xuất theo định hướng của Chính phủ.**

 **Vừa bước vào phòng họp, ông Khương đã giật mình khi thấy chị Hằng kế toán đang nghe điện thoại, nội dung hình như đang khất nợ gì đó. Giờ cứ nghe thấy nợ là ông Khương lo, thấy chị Hằng ngắt điện thoại ông liền hỏi:**

 **- Có việc gì thế cô Hằng?**

 **Chị Hằng mặc dù còn trẻ, nhưng rất có năng khiếu làm kế toán, cẩn thận, chỉn chu nên ông Khương rất yên tâm, nhưng dù sao vào giai đoạn nhạy cảm này mà cứ nghe thấy nợ nần là ông vẫn cứ lo lắng không yên.**

 **Thấy Giám đốc có vẻ lo lắng, chị Hằng vội trấn an:**

 **- Cũng không có việc gì nghiêm trọng đâu ạ, tôi sẽ báo cáo trong cuộc họp.**

 **Ông Khương không nói gì, yêu cầu mọi người ổn định vị trí và chuẩn bị tiến hành cuộc họp:**

 **- Phòng kinh doanh báo cáo chi tiết tình hình tiêu thụ sản phẩm tháng này và phương hướng kinh doanh tháng sau.**

 **Anh Kiên là Trưởng phòng kinh doanh đứng lên đọc báo cáo kinh doanh, mọi người ngồi lặng phắc, bởi mỗi nội dung anh Kiên đọc lên đều không phải là sự mong đợi của mọi người, kết thúc nội dung của anh Kiên, ông Khương khẽ thở dài:**

 **- Doanh thu tháng này lại thấp hơn tháng trước, tình trạng này đã diễn ra mấy tháng nay rồi, nếu tháng tới mà không có sự thay đổi thì Công ty chúng ta sẽ lâm vào tình trạng khó khăn đấy. Rất nhiều khoản tiền phải thanh toán, hàng sản xuất ra không tiêu thụ được nhiều, trong khi đó nguyên vật liệu không nợ được, lương của nhân viên không nợ được, thuế má cũng không nợ được….**

 **Đang rầu rĩ kể lể một loạt khó khăn phải đối mặt, ông Khương chợt nhớ ra khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hình như vẫn chưa nộp, liền hỏi kế toán:**

 **- Cô Hằng xem khoản thuế thu nhập doanh nghiệp thế nào? Bố trí ưu tiên nộp nhé, khoản này mà không nộp đúng hạn là bị phạt, rất ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp.**

 **Thấy sếp nhắc đến nội dung mình cần báo cáo, chị Hằng đứng lên báo cáo đầy đủ:**

 **- Thưa Giám đốc, công ty hiện đang còn 2 loại thuế chưa đóng là thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo sổ sách tài chính kế toán thì hiện giờ công ty không đủ tiền để đóng 2 khoản thuế này.**

 **Ông Khương nhíu mày nghĩ ngợi, nếu chậm nộp thuế ông sẽ mất uy tín, vì việc này từ ngày ông thành lập công ty đến giờ chưa từng xảy ra, ông liền hỏi chị Hằng:**

 **- Cô có cách nào không?**

 **Chị Hằng liền trình bày:**

**- Giám đốc đã chỉ đạo, thiếu tiền ở đâu cũng được nhưng tuyệt đối không được thiếu tiền lương của nhân viên và công nhân, hôm nay cũng gần cuối tháng, sắp đến ngày trả lương nên không thể lấy khoản tiền này đi nộp thuế được ạ.**

**Tình hình có vẻ căng thẳng khi việc gì cũng là việc ưu tiên, chị Hằng liền lên tiếng:**

**- Báo cáo Giám đốc, Chính phủ mới ban hành Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021** **về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021. Nếu căn cứ quy định này thì công ty chúng ta sẽ có thêm thời gian để bố trí nguồn kinh phí ạ.**

**Nghe chị Hằng nói, mặt ông Khương giãn hẳn ra, bây giờ cứ có tia hy vọng nào là ông phải bám lấy, người thuyền trưởng là ông phải chèo lái con thuyền này thật vững vàng thì mới đảm bảo cơm no áo ấm cho hàng trăm công nhân lao động ở các xưởng mộc của ông được. Ông liền hỏi chị Hằng:**

 **- Cô nói cụ thể cho tôi xem nào, tìm hiểu kỹ xem kinh doanh lĩnh vực nào mới được gia hạn, tôi nghĩ không phải tất cả các ngành nghề kinh doanh đều được gia hạn đâu.**

 **Chị Hằng tìm mấy tờ giấy đã chuẩn bị sẵn, đọc to:**

 **- Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 52/2021/NĐ-CP quy định về đối tượng áp dụng như sau: “***Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất kim loại; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế*”.

 Chị Hằng dừng đọc khi thấy ông Khương lên tiếng:

 - Vậy là có ngành nghề kinh doanh của công ty ta rồi. Doanh nghiệp chế biến gỗ là đối tượng được gia hạn nộp thuế, may quá. Nhưng được gia hạn nộp thuế những loại thuế nào và gia hạn trong bao lâu?

Nghe Giám đốc hỏi, chị Hằng lại lần tìm trong mấy tờ giấy cầm trên tay, đột nhiên chị nói:

- Đây rồi ạ, điều 3 **Nghị định số 52/2021/NĐ-CP quy định về gia hạn nộp thuế, Công ty hiện nay có 2 khoản thế đang nợ là thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp**.

Như sốt ruột không thể đợi thêm, ông Khương sốt sắng:

- Vậy họ quy định thế nào?

Chị Hằng liền vội đọc:

- Điểm a khoản 1 Điều 3 quy định như sau: “*Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của tháng, quý được gia hạn như sau: Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 3 năm 2021 chậm nhất là ngày 20 tháng 9 năm 2021; Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 4 năm 2021 chậm nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2021; Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 5 năm 2021 chậm nhất là ngày 20 tháng 11 năm 2021; Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 6 năm 2021 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2021; Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 7 năm 2021 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2021; Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 8 năm 2021 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2021; Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế quý 1 năm 2021 chậm nhất là ngày 30 tháng 9 năm 2021; Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế quý 2 năm 2021 chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2021*”

Dừng lại một lát để mọi người ghi nhớ, chị Hằng lại đọc tiếp:

- Điểm a khoản 1 Điều 3 quy định như sau: “*Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý 1, quý 2 kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 của doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 03 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế*.”

Nghe chị Hằng đọc xong, mọi người trong công ty đề thở phào nhẹ nhõm, đặc biệt là ông Khương. Nhà nước đã kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp trong khoảng thời gian khó khăn này, giãn cách được sự lo lắng trong lòng ông. Là người có trách nhiệm, ông Khương không muốn để người lao động của ông phải gánh vác trách nhiệm của ông. Nếu ông mở lời xin chậm lương chắc chắn mọi người sẽ không có ý kiến và sẽ ủng hộ ông, nhưng đó là việc ông không mong muốn nhất. Tình cảm và trách nhiệm của ông khiến cho nhiều người muốn gắn bó lâu dài với ông. Vì vậy, ông càng phải tìm cách chèo chống để doanh nghiệp phát triển thì cuộc sống của người lao động mới tốt lên được.

Trước sự vui mừng của mọi người, ông Khương nhẹ nhàng nhắc nhở:

- Đây là nhà nước cho gia hạn nộp thuế chứ không phải là miễn thuế. Vậy nên chúng ta càng phải nỗ lực hơn nữa để việc kinh doanh từ nay đến cuối năm thuận lợi vừa nâng cao đời sống nhân viên và người lao động, vừa có tiền trả nợ tiền thuế.

Dừng lại một lát như để suy ngẫm điều gì, ông Khương nói tiếp:

- Tôi quyết định thay đổi một số mặt hàng và phương thức kinh doanh để phù hợp với bối cảnh của nước ta hiện nay, vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế.Tôi đề nghi Phòng kinh doanh xây dựng kế hoạch chi tiết. Hy vọng mọi người cùng chung tay chung sức để công ty ta vượt qua giai đoạn khó khăn này.

Tuy mỗi người một suy nghĩ nhưng đều là quyết tâm đồng lòng cùng Công ty vượt qua khó khăn để trở về thời kỳ kinh doanh huy hoàng như trước đây. Nếu cứ có quyết tâm, mọi người đều hy vọng không xa có một tương lai tươi sáng.

**6. Tìm hiểu quy định pháp luật về thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ (23 câu hỏi đáp tình huống và 02 tiểu phẩm pháp luật)**

*(Văn bản sử dụng: Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ).*

**Câu 78. Hợp đồng bảo đảm là gì? Thời điểm có hiệu lực lực của Hợp đồng bảo đảm?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, hợp đồng bảo đảm được hiểu như sau:

 Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng đặt cọc, hợp đồng ký cược, hợp đồng ký quỹ, hợp đồng mua bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu, hợp đồng bảo lãnh hoặc hợp đồng tín chấp.

Hợp đồng bảo đảm có thể là sự thỏa thuận giữa bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm hoặc thỏa thuận giữa bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm và người có nghĩa vụ được bảo đảm.

Hợp đồng bảo đảm có thể được thể hiện bằng hợp đồng riêng hoặc là điều khoản về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hình thức giao dịch dân sự khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Hiệu lực của hợp đồng bảo đảm được quy định tại Điều 22 Nghị định 21, như sau:

- Hợp đồng bảo đảm được công chứng, chứng thực theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan hoặc theo yêu cầu thì có hiệu lực từ thời điểm được công chứng, chứng thực.

- Hợp đồng bảo đảm không thuộc khoản 1 Điều này có hiệu lực từ thời điểm do các bên thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì có hiệu lực từ thời điểm hợp đồng được giao kết.

- Trường hợp tài sản bảo đảm được rút bớt theo thỏa thuận thì phần nội dung hợp đồng bảo đảm liên quan đến tài sản được rút bớt không còn hiệu lực; tài sản bảo đảm được bổ sung hoặc thay thế thì việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm liên quan đến tài sản này thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan.

- Biện pháp bảo đảm chưa phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba không làm thay đổi hoặc không làm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng bảo đảm.

**Câu 79. A sở hữu căn nhà trị giá 2 tỷ đồng và một chiếc ô tô trị giá 1 tỷ đồng. A có nhu cầu vay 2,5 tỷ đồng của Ngân hàng X để mở rộng kinh doanh. Xin hỏi, A có thể thế chấp cả căn hộ chung cư và chiếc xe ô tô của mình để vay vốn ngân hàng không?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 5 Nghị định 21/2021/NĐ-CP quy định: “Một nghĩa vụ có thể được bảo đảm thực hiện bằng nhiều tài sản. Phạm vi bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của từng tài sản trong số các tài sản bảo đảm được xác định theo thỏa thuận của bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm. Trường hợp không có thỏa thuận thì bất kỳ tài sản nào trong số đó được dùng để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ.”

Căn cứ quy định trên, anh A có thể sử dụng cả 02 tài sản là căn nhà (trị giá 2 tỷ đồng) và chiếc ô tô trị giá (1 tỷ đồng) để thế chấp cho khoản vay 2,5 tỷ đồng tại ngân hàng X.

**Câu 80. Bà A có một căn hộ chung cư tại quận A. Năm 2020, bà đã thế chấp căn hộ chung cư này cho Ngân hành Z để vay vốn kinh doanh. Hiện nay, do không có nhu cầu sử dụng, bà A muốn cho vợ, chồng anh B thuê căn hộ nêu trên nhưng bản chính Giấy chứng nhận sở hữu căn hộ lại đang do Ngân hàng Z giữ. Xin hỏi, bà A có thể yêu cầu ngân hàng Z giao lại Giấy chứng nhận để làm các thủ tục ký kết hợp đồng thuê nhà với vợ, chồng anh B hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP quy định về việc giữ, sử dụng, giao, nhận Giấy chứng nhận như sau:

 “Trường hợp tài sản bảo đảm được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác hoặc để thực hiện giao dịch dân sự khác mà bên nhận bảo đảm đang giữ bản chính Giấy chứng nhận thì người này giao bản chính Giấy chứng nhận cho chủ thể trong giao dịch liên quan hoặc thực hiện nghĩa vụ khác theo thỏa thuận để chủ thể trong giao dịch liên quan thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên nhận bảo đảm giao bản chính Giấy chứng nhận cho chủ thể trong giao dịch liên quan thì chủ thể đã nhận phải giao lại bản chính Giấy chứng nhận cho bên nhận bảo đảm ngay sau khi thực hiện xong thủ tục, nếu chậm hoặc không giao lại bản chính Giấy chứng nhận mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.”

Căn cứ quy định nêu trên, khi thực hiện giao dịch cho thuê căn hộ, bà A có quyền yêu cầu Ngân hàng Z giao lại bản chính Giấy chứng nhận để bà A và vợ, chồng anh B thực hiện các thủ tục ký kết hợp đồng thuê nhà. Ngay sau khi thực hiện xong thủ tục ký hợp đồng thuê nhà theo quy định, bà A phải bàn giao lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ nêu trên cho Ngân hành Z.

**Câu 81. Ông A có thế chấp xe ô tô của mình để vay vốn kinh doanh, do đó phải giao bản gốc Giấy đăng ký xe cho Ngân hàng giữ. Tuy nhiên, Luật giao thông đường bộ cũng có quy định, người lái xe khi điều khiển phương tiện phải mang theo đăng ký xe. Xin hỏi, trong trường hợp này, ông A được sử dụng giấy tờ gì thay cho Giấy đăng ký xe?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP quy định: “Bên bảo đảm được dùng bản sao Giấy chứng nhận và bản chính văn bản xác nhận còn hiệu lực của bên nhận bảo đảm về việc giữ bản chính Giấy chứng nhận để sử dụng hoặc lưu hành tài sản.”

Khoản 13 Điều 80 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt cũng quy định: “Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông được sử dụng bản sao chứng thực Giấy đăng ký xe (đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ), bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (đối với phương tiện tham gia giao thông đường sắt) kèm bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực, thay cho bản chính Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt trong thời gian tổ chức tín dụng giữ bản chính Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.”

Như vậy, ông A có thể sử dụng bản sao chứng thực Giấy đăng ký xe và Giấy biên nhận còn hiệu lực của Ngân hàng về việc giữ bản chính Giấy đăng ký xe để sử dụng khi lưu thông phương tiện giao thông.

**Câu 82. Ông T thế chấp cho bà M một chiếc xe ô tô để vay tiền. Vì là chỗ quen biết nên bà M đồng ý cho ông T vẫn giữ bản chính giấy tờ xe. Tuy nhiên, để tránh rủi ro phát sinh bà M đã thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm đối với hợp đồng thế chấp nêu trên. Do làm ăn thua lỗ nên đến thời hạn trả tiền, ông T không có khả năng trả nợ bà M. Bà M yêu cầu ông T chuyển quyền sở hữu chiếc xe ô tô để thay thế cho nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, ông T nói đã bán chiếc xe ô tô đó cho ông H từ trước. Xin hỏi, bà M có quyền truy đòi tài sản trường hợp này hay không?**

**Trả lời:**

Điều 297 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định hiệu lực đối kháng với người thứ ba như sau:

“1. Biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba từ khi đăng ký biện pháp bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm nắm giữ hoặc chiếm giữ tài sản bảo đảm.

2. Khi biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì bên nhận bảo đảm được quyền truy đòi tài sản bảo đảm và được quyền thanh toán theo quy định tại Điều 308 của Bộ luật này và luật khác có liên quan”

Khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Nghị định 21/2021/NĐ-CP về quyền truy đòi tài sản cũng quy định:

“1. Quyền của bên nhận bảo đảm đối với tài sản bảo đảm trong biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba không thay đổi hoặc không chấm dứt trong trường hợp tài sản bảo đảm bị chuyển giao cho người khác do mua bán, tặng cho, trao đổi, chuyển nhượng, chuyển giao khác về quyền sở hữu; chiếm hữu, sử dụng hoặc được lợi về tài sản bảo đảm không có căn cứ pháp luật và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quyền truy đòi của bên nhận bảo đảm đối với tài sản bảo đảm không áp dụng đối với tài sản sau đây:

a) Tài sản bảo đảm đã được bán, được chuyển nhượng hoặc đã được chuyển giao khác về quyền sở hữu do có sự đồng ý của bên nhận bảo đảm và không được tiếp tục dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận;

b) Tài sản thế chấp được bán, được thay thế hoặc được trao đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 321 của Bộ luật Dân sự;

c) Tài sản bảo đảm không còn hoặc bị thay thế bằng tài sản khác quy định tại Điều 21 Nghị định này;

d) Trường hợp khác theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan.”

Theo đó, mặc dù ông T đã bán chiếc xe ô tô dùng làm tài sản thế chấp cho ông H, nhưng từ khi bà M đăng ký biện pháp bảo đảm, với tư cách bên nhận thế chấp, bà M không biết và cũng không đồng ý đối với giao dịch mua bán của ông T và công H. Căn cứ các quy định nêu trên, bà M vẫn có quyền truy đòi tài sản đối với chiếc xe ô tô đã nhận thế chấp của ông T.

**Câu 83. Tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ được pháp luật quy định gồm những loại tài sản gì?**

**Trả lời:**

Theo Điều 8 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP, tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm:

- Tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai, trừ trường hợp Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan cấm mua bán, cấm chuyển nhượng hoặc cấm chuyển giao khác về quyền sở hữu tại thời điểm xác lập hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm;

- Tài sản bán trong hợp đồng mua bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu;

- Tài sản thuộc đối tượng của nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ bị vi phạm đối với biện pháp cầm giữ;

- Tài sản thuộc sở hữu toàn dân trong trường hợp pháp luật liên quan có quy định.

**Câu 84. Vợ chồng anh Q mua một căn hộ chung cư của dự án bất động sản tại quận H, đến đầu năm 2022 mới được giao nhà. Anh Q có thể thể chấp hợp đồng mua bán căn hộ nêu trên để vay vốn ngân hàng không? Vợ chồng anh Q cần phải chuẩn bị những hồ sơ gì để thế chấp vay vốn?**

**Trả lời:**

Nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 cũng là một loại tài sản. Khoản 1 Điều 8 Nghị định 21/2021/NĐ-CP cũng quy định tài sản hình thành trong tương lai là một trong những tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trừ trường hợp Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan cấm mua bán, cấm chuyển nhượng hoặc cấm chuyển giao khác về quyền sở hữu tại thời điểm xác lập hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm.

Do đó vợ chồng anh Q có thể sử dụng căn hộ chung cư hình thành trong tương lai để thế chấp vay vốn ngân hàng.

Trình tự, thủ tục thế chấp tài sản là nhà ở hình thành trong tương lai được hướng dẫn tại Thông tư số 26/2015/TT-NHNN ngày 09/12/2015 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn trình tự, thủ tục thế chấp và giải chấp tài sản là dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong trương lai. Theo khoản3 Điều 9 Thông tư này, hồ sơ thế chấp đối với tài sản thế chấp là nhà ở hình thành trong tương lai được mua của chủ đầu tư trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở để vay vốn tại tổ chức tín dụng gồm:

a) Hợp đồng mua bán nhà ở được ký giữa bên thế chấp với chủ đầu tư phù hợp quy định của pháp luật về nhà ở (bản gốc);

b) Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở đối với trường hợp bên thế chấp là bên nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở (bản gốc);

c) Giấy tờ chứng minh đã đóng tiền mua nhà ở cho chủ đầu tư theo tiến độ thỏa thuận trong hợp đồng mua bán nhà ở (bản gốc);

d) Hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Các giấy tờ khác (nếu có).

**Câu 85. Việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 10 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP, việc dùng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ như sau:

- Việc dùng quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ có thể không đồng thời với tài sản gắn liền với đất, dùng tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ có thể không đồng thời với quyền sử dụng đất.

- Trường hợp tài sản gắn liền với đất là tài sản pháp luật không quy định phải đăng ký và cũng chưa được đăng ký theo yêu cầu mà chủ sở hữu và bên nhận bảo đảm thỏa thuận dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì quyền, nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm.

- Trường hợp tài sản gắn liền với đất là cây hằng năm theo quy định của Luật Trồng trọt, công trình tạm theo quy định của Luật Xây dựng mà chủ sở hữu và bên nhận bảo đảm thỏa thuận dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì áp dụng theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng động sản không phải là tàu bay, tàu biển.

- Trường hợp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đang là bất động sản hưởng quyền bất động sản liền kề được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì quyền đối với bất động sản liền kề vẫn có hiệu lực với mọi cá nhân, pháp nhân.

- Việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản hình thành trong tương lai không áp dụng đối với quyền sử dụng đất.

**Câu 86. Vợ chồng anh K và chị H dùng tài sản chung là 1 tỷ đồng để góp vốn tại Công ty TNHH X, phần vốn góp đứng tên anh K. Anh K có thể dùng phần vốn góp này để thế chấp vay tiền không? Anh K có thể tự mình ký kết hợp đồng thế chấp hay cần phải có cả chữ ký của chị H?**

**Trả lời:**

Theo Điều 15 Nghị định 21/2021/NĐ-CP, chủ thể góp vốn được dùng cổ phần, phần vốn góp, quyền mua phần vốn góp hoặc lợi tức phát sinh từ cổ phần, phần vốn góp trong pháp nhân thương mại, pháp nhân phi thương mại là doanh nghiệp xã hội để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật liên quan và điều lệ của pháp nhân (nếu có). Như vậy, anh K có thể dùng phần vốn góp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn X làm tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho hợp đồng thế chấp.

Khoản 2 Điều 27 Nghị định này cũng quy định:

Trường hợp vợ chồng thỏa thuận về việc một bên dùng tài sản chung để góp vốn vào pháp nhân thương mại, pháp nhân phi thương mại là doanh nghiệp xã hội hoặc để thành lập doanh nghiệp tư nhân thì người góp vốn, người đứng tên chủ doanh nghiệp tư nhân được tự mình xác lập, thực hiện hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm liên quan đến phần vốn góp trong pháp nhân, tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân.

Trường hợp vợ chồng không có thỏa thuận bằng văn bản về việc dùng tài sản chung để góp vốn theo quy định tại khoản này nhưng việc góp vốn đã được thực hiện theo đúng thủ tục được quy định trong pháp luật liên quan mà người không trực tiếp kinh doanh biết hoặc phải biết về việc góp vốn nhưng không phản đối thì coi như đã có thỏa thuận.

Như vậy, anh K có thể tự mình ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là phần vốn góp mà không cần có chữ ký của chị H.

**Câu 87. Xin hỏi pháp luật quy định như thế nào về các trường hợp biến động về tài sản bảo đảm và cách xác định tài sản bảo đảm khi có biến động?**

**Trả lời:**

Điều 21 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP quy định 10 trường hợp biến động về tài sản bảo đảm và cách xác định như sau:

1. Trường hợp bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm thỏa thuận về việc chia, tách một tài sản bảo đảm thành nhiều tài sản phù hợp với quy định của pháp luật liên quan thì giải quyết như sau:

- Việc chia, tách tài sản bảo đảm không làm thay đổi chủ sở hữu thì những tài sản mới được hình thành sau khi chia, tách tiếp tục là tài sản bảo đảm;

- Việc chia, tách tài sản bảo đảm làm thay đổi chủ sở hữu thì tài sản mới được hình thành sau khi chia, tách thuộc quyền của chủ sở hữu mới không là tài sản bảo đảm.

2. Trường hợp bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm thỏa thuận về việc hợp nhất, sáp nhập hoặc trộn lẫn tài sản bảo đảm với tài sản khác hoặc tài sản bảo đảm được chế biến tạo thành tài sản mới thì tài sản bảo đảm được xác định như sau:

- Tài sản mới được tạo thành do hợp nhất, sáp nhập hoặc trộn lẫn mà không chia được thì phần giá trị tài sản bảo đảm được hợp nhất, sáp nhập hoặc trộn lẫn vào tài sản mới trở thành tài sản bảo đảm;

- Vật mới được tạo thành do chế biến thuộc sở hữu của bên bảo đảm thì vật mới tiếp tục là tài sản bảo đảm. Trường hợp vật mới không thuộc sở hữu của bên bảo đảm thì giá trị phần tài sản bảo đảm được chế biến trở thành tài sản bảo đảm.

3. Trường hợp bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm thỏa thuận về việc dùng tài sản bảo đảm để góp vốn vào pháp nhân thương mại, pháp nhân phi thương mại là doanh nghiệp xã hội thì cổ phần hoặc phần vốn góp là tài sản bảo đảm, trừ trường hợp bên nhận bảo đảm và pháp nhân nhận góp vốn có thỏa thuận về việc tài sản bảo đảm mang góp vốn tiếp tục được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

4. Trường hợp bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm thỏa thuận về việc dùng tài sản đang được bảo hiểm để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hoặc tài sản đang dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ mà được bảo hiểm thì khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, số tiền bồi thường hoặc tài sản thay thế mà doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm trở thành tài sản bảo đảm.

5. Trường hợp tài sản bảo đảm là cây hằng năm theo quy định của Luật Trồng trọt được thu hoạch, công trình tạm theo quy định của Luật Xây dựng bị phá dỡ thì hoa lợi hoặc tài sản khác có được từ việc thu hoạch hoặc phá dỡ trở thành tài sản bảo đảm.

6. Trường hợp tài sản đang dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ mà bên bảo đảm cài đặt, tích hợp phần mềm, hệ thống phần mềm phù hợp với quy định của pháp luật liên quan thì quyền tài sản đối với phần mềm, hệ thống phần mềm trong phạm vi tài sản bảo đảm này cũng là tài sản bảo đảm.

7. Trường hợp tài sản bảo đảm bị thu hồi do bên bảo đảm vi phạm pháp luật liên quan thì bên bảo đảm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên nhận bảo đảm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm. Trường hợp bên bảo đảm được Nhà nước thanh toán, bồi thường theo quy định của pháp luật liên quan thì tài sản được thanh toán hoặc bồi thường trở thành tài sản bảo đảm.

8. Trường hợp không còn tài sản bảo đảm do bị thu hồi vì mục đích quốc phòng, an ninh; để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì số tiền được bồi thường, tài sản được thay thế hoặc tài sản được trao đổi theo quy định của pháp luật liên quan trở thành tài sản bảo đảm.

9. Trường hợp tài sản bảo đảm bị tiêu hủy, bị tổn thất toàn bộ hoặc bị phá dỡ, bị tịch thu theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì được xác định là không còn tài sản bảo đảm, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5, 7 và 8 Điều này.

10. Trường hợp khác theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan làm cho tài sản bảo đảm không còn hoặc bị thay thế mà có tài sản mới phát sinh hoặc có tài sản được thay thế thì tài sản này trở thành tài sản bảo đảm.

**Câu 88. Xin hỏi, thời điểm phát sinh hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm với người thứ ba trong từng biện pháp bảo đảm được xác định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP, biện pháp bảo đảm chỉ phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba trong trường hợp hợp đồng bảo đảm đã có hiệu lực pháp luật. Cụ thể như sau:

- Đối với các biện pháp bảo đảm phải đăng ký theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan hoặc được đăng ký theo thỏa thuận hoặc được đăng ký theo yêu cầu của bên nhận bảo đảm thì thời điểm đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan là thời điểm biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba.

- Đối với các biện pháp cầm cố tài sản, đặt cọc, ký cược không thuộc trường hợp phải đăng ký theo quy định, không được đăng ký theo theo thuận hoặc theo yêu cầu của bên nhận bảo đảm thì hiệu lực đối kháng với người thứ ba của biện pháp bảo đảm phát sinh từ thời điểm bên nhận bảo đảm nắm giữ tài sản bảo đảm.

Nắm giữ tài sản bảo đảm là việc bên nhận bảo đảm trực tiếp quản lý, kiểm soát, chi phối tài sản bảo đảm hoặc là việc người khác quản lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật nhưng bên nhận bảo đảm vẫn kiểm soát, chi phối được tài sản này.

- Đối với các tài sản thuộc các biện pháp cầm cố tài sản, đặt cọc, ký cược không thuộc trường hợp phải đăng ký theo quy định, không được đăng ký theo theo thuận hoặc theo yêu cầu của bên nhận bảo đảm được giao cho người khác quản lý thì hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm với người thứ ba phát sinh từ thời điểm:

+ Bên nhận cầm cố, bên nhận đặt cọc hoặc bên nhận ký cược nắm giữ tài sản bảo đảm;

+ Người quản lý tài sản nhận trực tiếp tài sản bảo đảm từ bên cầm cố, bên đặt cọc hoặc bên ký cược;

+ Hợp đồng bảo đảm có hiệu lực trong trường hợp người khác đang quản lý trực tiếp tài sản mà tài sản này được dùng để cầm cố, để đặt cọc hoặc để ký cược.

- Hiệu lực đối kháng của biện pháp ký quỹ với người thứ ba phát sinh từ thời điểm tài sản ký quỹ được gửi vào tài khoản phong tỏa tại tổ chức tín dụng nơi ký quỹ.

**Câu 89. Khi kết hôn, anh P và chị N kết hôn và được gia đình hai bên tặng cho số tiền là 200 triệu đồng. Vợ chồng anh P đã gửi tiết kiệm số tiền này tại ngân hành X, sổ tiết kiệm đứng tên anh P. Nay anh P muốn cầm cố sổ tiết kiệm trên để vay tiền của ông C. Xin hỏi, anh P có được tự mình ký hợp đồng cầm cố với ông C hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP quy định về việc xác lập, thực hiện hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm bằng tài sản chung của vợ chồng như sau:

Trong trường hợp dùng tài sản chung của vợ chồng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là số dư tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chứng khoán hoặc động sản khác theo quy định của pháp luật không phải đăng ký thì vợ hoặc chồng đứng tên người gửi tiền, chứng khoán hoặc đang chiếm hữu động sản được tự mình xác lập, thực hiện hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm, trừ trường hợp sau đây:

- Chế độ tài sản theo thỏa thuận có quy định khác hoặc vợ chồng có thỏa thuận khác và bên nhận bảo đảm đã được cung cấp thông tin về quy định này hoặc về thỏa thuận này;

- Vợ chồng và bên nhận bảo đảm có thỏa thuận khác.

Như vậy, nếu không có thỏa thuận khác thì anh P có thể tự mình ký kết hợp đồng cầm cố với ông C mà không cần có sự đồng ý của chị H.

**Câu 90. A vay của B một khoản tiền trị giá 500 triệu đồng với thời hạn từ ngày 01/6/2021 đến ngày 01/6/2022 (lãi suất 20%/năm). Để đảm bảo thực hiện khoản vay, A yêu cầu B thế chấp căn nhà của B trị giá 1 tỷ đồng. Ngày 01/8/2021, A yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vay bị vô hiệu do khi giao kết hợp đồng A trong tình trạng không nhận thức được hành vi của mình. Nếu hợp đồng vay bị tuyên bố vô hiệu thì hậu quả của hợp đồng thế chấp như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo như tình huống nêu ra, A và B đã giao kết một hợp đồng vay và một hợp đồng thế chấp. Các bên đã thực hiện hợp đồng vay từ 01/6/2021 (A đã nhận 500 triệu đồng của B). Sau đó, hợp đồng vay bị tuyên bố vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình theo Điều 133 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 29 Nghị định 21/2021/NĐ-CP quy định:

“2. Trường hợp hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm bị vô hiệu hoặc bị hủy bỏ, bị đơn phương chấm dứt thực hiện thì giải quyết như sau:

a) Các bên chưa thực hiện hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm thì hợp đồng bảo đảm chấm dứt;

b) Các bên đã thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm thì hợp đồng bảo đảm không chấm dứt. Bên nhận bảo đảm có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nghĩa vụ hoàn trả của bên có nghĩa vụ đối với mình.”

Căn cứ vào quy định trên, A và B đã thực hiện hợp đồng vay trước khi hợp đồng vay bị tuyên bố vô hiệu nên hợp đồng thế chấp giữa A và B không chấm dứt và vẫn có hiệu lực. Hợp đồng vay vô hiệu thì các bên phải hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận, khôi phục lại tình trạng ban đầu. A phải hoàn trả lại 500 triệu đồng mà A đã nhận từ B. Nếu A không thể trả lại cho B 500 triệu đồng thì lúc này B hoàn toàn có quyền xử lý tài sản thế chấp là căn nhà của A.

**Câu 91. Ông K cần vay của bà H 100 triệu đồng để chữa bệnh cho vợ. Tuy nhiên, nhân viên tín dụng của ngân hàng cho biết hồ sơ của ông không đủ điều kiện để vay tiền tại ngân hàng. Ông T có thể dùng sổ đỏ mảnh đất vườn của mình cho bà H để vay tiền không?**

**Trả lời:**

Trước đây, theo quy định pháp luật chỉ có các tổ chức tín dụng được nhận thế chấp "sổ đỏ, sổ hồng". Tuy nhiên, kể từ ngày 15/5/2021, khi Nghị định số 21/2021/NĐ-CP có hiệu lực đã cho phép cá nhân và tổ chức kinh tế khác được nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay và giao dịch dân sự. Cụ thể, Điều 35 Nghị định này quy định:

“Việc nhận thế chấp của cá nhân, tổ chức kinh tế không phải là tổ chức tín dụng đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Bên nhận thế chấp là tổ chức kinh tế theo quy định của Luật Đất đai, cá nhân là công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

2. Việc nhận thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ không vi phạm điều cấm của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan, không trái đạo đức xã hội trong quan hệ hợp đồng về dự án đầu tư, xây dựng, thuê, thuê khoán, dịch vụ, giao dịch khác;

3. Trường hợp nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm trả tiền lãi thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi chưa trả hoặc lãi, lãi suất khác áp dụng không được vượt quá giới hạn thỏa thuận về lãi, lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Trường hợp có thỏa thuận về việc xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên có nghĩa vụ và không có quy định khác của pháp luật thì chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn;

4. Điều kiện có hiệu lực khác của giao dịch dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan.”

Với quy định này, bất kỳ ai đủ năng lực hành vi dân sự đều có thể nhận thế chấp quyền sử dụng đất do cá nhân, hộ gia đình đang sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất. Nếu nhận thế chấp để vay mượn tài sản (kèm có trả lãi) thì việc tính lãi suất, lãi trả chậm... được áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự hiện hành. Như vậy, ông T hoàn toàn có thể thế chấp quyền sử dụng đất cho bà H để vay tiền cho con trai đi xuất khẩu lao động nếu bà H đồng ý.

**Câu 92. Chị S và chị D cùng đứng ra bảo lãnh cho chị M vay 300 triệu đồng từ bà K. Phạm vi bảo lãnh là nghĩa vụ trả số tiền gốc 300 triệu đồng. Tuy nhiên, ngày 15/7/2021, Tòa án tuyên bố phần nội dung hợp đồng bảo lãnh của chị D vô hiệu do khi giao kết hợp đồng chị D trong tình trạng không nhận thức được hành vi của mình. Nếu đến thời hạn trả nợ mà chị M không có khả năng trả nợ cho bà K thì hợp đồng bảo lãnh được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Điểm d khoản 1 Điều 30 Nghị định 21/2021/NĐ-CP quy định trong trường hợp phần nội dung của hợp đồng liên quan đến một hoặc một số người không có năng lực pháp luật dân sự hoặc năng lực hành vi dân sự phù hợp với hợp đồng bảo đảm trong trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người bị tuyên bộ vô hiệu theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan thì nghĩa vụ được bảo đảm thực hiện theo phần nội dung này trở thành nghĩa vụ không có bảo đảm.

Tuy nhiên khoản 2 Điều 30 Nghị định 21/2021/NĐ-CP lại quy định: Trường hợp một nghĩa vụ được nhiều người cùng bảo lãnh hoặc được bảo đảm thực hiện bằng nhiều tài sản mà chỉ có một, một số người cùng bảo lãnh hoặc chỉ có một, một số tài sản bảo đảm thuộc phần nội dung hợp đồng bảo đảm bị tuyên bố vô hiệu thì việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thuộc phần nội dung hợp đồng bảo đảm này được giải quyết theo quy định tại Điều 338 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

Điều 338 Bộ luật Dân sự (năm 2015) quy định nhiều người cùng bảo lãnh như sau:

- Khi nhiều người cùng bảo lãnh một nghĩa vụ thì phải liên đới thực hiện việc bảo lãnh, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định bảo lãnh theo các phần độc lập; bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người bảo lãnh liên đới phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ.

- Khi một người trong số những người bảo lãnh liên đới đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh thì có quyền yêu cầu những người bảo lãnh còn lại phải thực hiện phần nghĩa vụ của họ đối với mình.

Như vậy, trong trường hợp này, sẽ xảy ra hai trường hợp:

- Trường hợp 1: Trong hợp đồng bảo lãnh có thỏa thuận rõ phần bảo lãnh của chị D và chị S. (Ví dụ: chị D có trách nhiệm bảo lãnh số tiền vay là 200 triệu đồng, chị S có trách nhiệm bảo lãnh số tiền vay là 100 triệu đồng). Khi nội dung phần hợp đồng bảo lãnh của chị D bị tuyên bố vô hiệu, phần nghĩa vụ này trở thành phần nghĩa vụ không có bảo đảm. Bà K chỉ có quyền yêu cầu chị S trả số tiền theo phần bảo lãnh của chị S là 200 triệu đồng.

- Trường hợp 2: Chị D và chị S thỏa thuận cũng bảo lãnh nghĩa vụ trả số tiền vay cho chị M là 300 triệu đồng (không có thỏa thuận bảo lãnh theo phần). Do đó chị D và chị S phải liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Tuy nhiên, nội dung phần hợp đồng bảo lãnh của chị D đã bị tuyên bố vô hiệu, do đó, bà K có quyền yêu cầu chị S trả toàn bộ số tiền là 300 triệu đồng.

**Câu 93. Việc giao tài sản cầm cố được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo khoản 1 Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên cầm cố có nghĩa vụ giao tài sản cầm cố cho bên nhận cầm cố.

Việc giao tài sản cầm cố được quy định cụ thể tại Điều 31 Nghị định 21/2021/NĐ-CP như sau:

1. Thỏa thuận về giao tài sản cầm cố quy định tại khoản 1 Điều 311 của Bộ luật Dân sự có thể là việc bên cầm cố giao tài sản cầm cố cho bên nhận cầm cố giữ hoặc giao cho người thứ ba giữ. Bên nhận cầm cố có thể giữ tài sản cầm cố tại nơi có tài sản hoặc tại địa điểm do mình lựa chọn.

2. Trường hợp tài sản cầm cố là vật có nguy cơ bị mất giá trị hoặc giảm sút giá trị thì bên nhận cầm cố đang giữ tài sản đó phải thông báo cho bên cầm cố và yêu cầu bên cầm cố cho biết cách giải quyết trong thời hạn hợp lý; nếu hết thời hạn đó mà bên cầm cố không trả lời thì bên nhận cầm cố thực hiện biện pháp cần thiết để ngăn chặn.

3. Trường hợp tài sản cầm cố là vật do người thứ ba giữ mà có nguy cơ bị mất, hư hỏng, mất giá trị hoặc giảm sút giá trị thì quyền và nghĩa vụ giữa người thứ ba và bên nhận cầm cố được thực hiện theo hợp đồng gửi giữ tài sản.

4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng trong trường hợp vật cầm cố bị hao mòn tự nhiên.

**Câu 94. Ông A vay ông T số tiền 1 tỷ đồng trong thời hạn 01 năm. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, ông A ký hợp đồng thế chấp căn nhà thuộc sở hữu của mình cho ông T. Đến thời hạn trả nợ, ông T yêu cầu ông A chuyển quyền sở hữu căn nhà nêu trên cho ông T theo đúng hợp đồng đã thanh toán. Tuy nhiên, ông A lại đang cho bà V thuê căn nhà trên. Thời hạn thuê nhà chưa kết thúc. Trong tình huống này, sau khi xử lý tài sản thế chấp, bà V có được tiếp tục thuê nhà hay không?**

**Trả lời:**

Điều 34 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP quy định về việc thế chấp liên quan đến tài sản cho thuê, cho mượn như sau:

1. Trường hợp tài sản đang cho thuê, cho mượn được dùng để thế chấp thì bên thế chấp phải thông báo cho bên nhận thế chấp biết.

2. Việc tài sản thế chấp đang được cho thuê, cho mượn bị xử lý theo trường hợp quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự không làm chấm dứt hợp đồng thuê, hợp đồng mượn; bên thuê, bên mượn được tiếp tục thuê, mượn cho đến khi hết thời hạn theo hợp đồng.

3. Trường hợp biện pháp thế chấp đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba mà bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để cho thuê, cho mượn nhưng không thông báo cho bên nhận thế chấp biết thì hợp đồng thuê, hợp đồng mượn chấm dứt tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp. Quyền, nghĩa vụ giữa bên thế chấp và bên thuê, bên mượn được giải quyết theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng mượn tài sản, quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan.

Trong tình huống này sẽ xảy ra hai trường hợp như sau:

- Trường hợp 1: Ông A đã thông báo cho T việc cho bà V thuê nhà. Căn cứ vào khoản 2 Điều 34 Nghị định 21/2021/NĐ-CP, việc xử lý tài sản thế chấp (ông A chuyển quyền sở hữu căn nhà cho ông T) không làm chấm dứt hợp đồng thuê nhà với bà V. Ông T phải cho bà V tiếp tục thuê đến khi hết thời hạn theo hợp đồng.

- Trường hợp 2: Ông A cho bà V thuê nhà sau khi hợp đồng thế chấp đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền (thời điểm biện pháp thế chấp phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba) mà ông A không thông báo cho ông T biết về việc cho thuê nhà thì theo khoản 3 Điều 34 Nghị địnhh 21/2021/NĐ-CP, hợp đồng thuê nhà chấm dứt tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp. Quyền, nghĩa vụ giữa ông A và bà V được giải quyết theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng mượn tài sản, quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan.

**Câu 95. Ngày 15/5/2021, ông A ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử đụng đất của mình cho ông B . Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông B đã thế chấp cho ngân hàng Z để vay tiền. Tuy nhiên, ngày 15/8/2021, theo yêu cầu của ông A, Tòa án đã tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông A và ông B vô hiệu do lừa đối. Xin hỏi, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông B và Ngân hàng Z có bị chấm dứt hiệu lực không?**

**Trả lời:**

Điều 133 Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định về việc bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu như sau:

1. Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng đối tượng của giao dịch là tài sản không phải đăng ký đã được chuyển giao cho người thứ ba ngay tình thì giao dịch được xác lập, thực hiện với người thứ ba vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp quy định tại Điều 167 của Bộ luật này.

2. Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác cho người thứ ba ngay tình và người này căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch đó không bị vô hiệu.

Trường hợp tài sản phải đăng ký mà chưa được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì giao dịch dân sự với người thứ ba bị vô hiệu, trừ trường hợp người thứ ba ngay tình nhận được tài sản này thông qua bán đấu giá tại tổ chức có thẩm quyền hoặc giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó chủ thể này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị hủy, sửa.

3. Chủ sở hữu không có quyền đòi lại tài sản từ người thứ ba ngay tình, nếu giao dịch dân sự với người này không bị vô hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều này nhưng có quyền khởi kiện, yêu cầu chủ thể có lỗi dẫn đến việc giao dịch được xác lập với người thứ ba phải hoàn trả những chi phí hợp lý và bồi thường thiệt hại.

Điều 36 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP cũng quy định về giải quyết trường hợp tài sản là đối tượng của giao dịch dân sự vô hiệu được dùng để thế chấp:

1. Trường hợp tài sản là đối tượng của giao dịch dân sự vô hiệu được dùng để thế chấp mà đã được chuyển giao cho bên nhận thế chấp ngay tình trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Dân sự thì hợp đồng thế chấp không bị vô hiệu; quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 133 của Bộ luật Dân sự.

2. Chuyển giao tài sản thế chấp quy định tại khoản 1 Điều này là việc bên thế chấp không giao tài sản thế chấp nhưng bên nhận thế chấp đã giữ Giấy chứng nhận về tài sản thế chấp theo thỏa thuận hoặc đã thực hiện biện pháp thực tế cần thiết khác để bên thế chấp không vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 320 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các quy định nêu trên, Ngân hàng Z đã căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B để ký hợp đồng thế chấp tài sản với ông B (thuộc trường hợp tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự) Do đó, nếu ông B đã bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng Z để thực hiện nghĩa vụ thế chấp thì hợp đồng thế chấp giữa ông B và ngân hàng Z không bị vô hiệu. Ông A không có quyền đòi lại tài sản từ ngân hàng Z nhưng có quyền khởi kiện, yêu cầu ông B phải hoàn trả những chi phí hợp lý và bồi thường thiệt hại.

**Câu 96. Xin hỏi, quyền và nghĩa vụ của các bên trong đặt cọc, ký cược được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 38 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP, quyền, nghĩa vụ của các bên trong đặt cọc, ký cược được quy định như sau:

1. Bên đặt cọc, bên ký cược có quyền, nghĩa vụ:

- Yêu cầu bên nhận đặt cọc, bên nhận ký cược ngừng việc khai thác, sử dụng hoặc xác lập giao dịch dân sự đối với tài sản đặt cọc, tài sản ký cược; thực hiện việc bảo quản, giữ gìn để tài sản đặt cọc, tài sản ký cược không bị mất giá trị hoặc giảm sút giá trị;

- Trao đổi, thay thế tài sản đặt cọc, tài sản ký cược hoặc đưa tài sản đặt cọc, tài sản ký cược tham gia giao dịch dân sự khác trong trường hợp được bên nhận đặt cọc, bên nhận ký cược đồng ý;

- Thanh toán cho bên nhận đặt cọc, bên nhận ký cược chi phí hợp lý để bảo quản, giữ gìn tài sản đặt cọc, tài sản ký cược.

Chi phí hợp lý quy định tại điểm này là khoản chi thực tế cần thiết, hợp pháp tại thời điểm chi mà trong điều kiện bình thường bên nhận đặt cọc, bên nhận ký cược phải thanh toán để đảm bảo tài sản đặt cọc, tài sản ký cược không bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng;

- Thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu tài sản hoặc thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật để bên nhận đặt cọc, bên nhận ký cược được sở hữu tài sản đặt cọc, tài sản ký cược quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

- Quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận hoặc do Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan quy định.

2. Bên nhận đặt cọc, bên nhận ký cược có quyền, nghĩa vụ:

- Yêu cầu bên đặt cọc, bên ký cược chấm dứt việc trao đổi, thay thế hoặc xác lập giao dịch dân sự khác đối với tài sản đặt cọc, tài sản ký cược khi chưa có sự đồng ý của bên nhận đặt cọc, bên nhận ký cược;

- Sở hữu tài sản đặt cọc trong trường hợp bên đặt cọc vi phạm cam kết về giao kết, thực hiện hợp đồng; sở hữu tài sản ký cược trong trường hợp tài sản thuê không còn để trả lại cho bên nhận ký cược;

- Bảo quản, giữ gìn tài sản đặt cọc, tài sản ký cược;

- Không xác lập giao dịch dân sự, khai thác, sử dụng tài sản đặt cọc, tài sản ký cược khi chưa có sự đồng ý của bên đặt cọc, bên ký cược;

- Quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận hoặc do Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan quy định.

**Câu 97. Tín chấp là gì? Chủ thể nào là bên bảo đảm bằng tín chấp?**

**Trả lời:**

Tín chấp thuộc nhóm các biện pháp bảo không bằng tài sản. Biện pháp bảo đảm này được dùng để thực thi các chính sách hỗ trợ người nghèo - đối tượng không có tài sản bảo đảm trong việc tiếp cận vốn vay của Chính phủ. Nó có tính chất “tương trợ”, hỗ trợ cá nhân, hộ gia đình nghèo vay vốn. Tuy nhiên, khác với bảo lãnh, tín chấp thuần túy là dùng uy tín để cam kết (và bảo đảm) về khả năng trả nợ vốn vay của bên có nghĩa vụ. Bên cho vay tin tưởng vào bên tín chấp sẽ kiểm soát việc vay và sử dụng tiền vay có hiệu quả. Mặt khác, việc cho vay là một chính sách xóa đói giảm nghèo của Nhà nước, cho nên chủ thể cho vay là các tổ chức tín dụng.

 Điều 344 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở có thể bảo đảm bằng tín chấp cho cá nhân, hộ gia đình nghèo vay một khoản tiền tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng theo quy định của pháp luật.

Điều 45 Nghị định 21/2021/NĐ-CP quy định các chủ thể là bên bảo đảm bằng tín chấp chụ thể như sau: Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tín chấp thì tổ chức ở xã, phường, thị trấn của Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc Công đoàn cơ sở là bên bảo đảm bằng tín chấp, trừ trường hợp Điều lệ của tổ chức này quy định khác.

**Câu 98. Các bên trong quan hệ tín chấp có quyền và nghĩa vụ như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 46 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ tín chấp cụ thể như sau:

1. Bên bảo đảm bằng tín chấp có quyền, nghĩa vụ:

- Chủ động hoặc phối hợp chặt chẽ với tổ chức tín dụng cho vay để giúp đỡ, hướng dẫn, tạo điều kiện cho người vay; giám sát việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả; đôn đốc trả nợ đầy đủ, đúng hạn;

- Xác nhận theo yêu cầu của tổ chức tín dụng cho vay về điều kiện, hoàn cảnh của người vay khi vay vốn;

- Quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận hoặc do Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan quy định.

2. Tổ chức tín dụng cho vay có quyền, nghĩa vụ:

- Yêu cầu bên bảo đảm bằng tín chấp phối hợp trong việc kiểm tra sử dụng vốn vay và đôn đốc trả nợ;

- Phối hợp với bên bảo đảm bằng tín chấp trong việc cho vay và thu hồi nợ;

- Quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận hoặc do Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan quy định.

3. Người vay có quyền, nghĩa vụ:

- Sử dụng vốn vay để sản xuất, kinh doanh, phục vụ nhu cầu đời sống hoặc tiêu dùng phù hợp với mục đích vay;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức tín dụng cho vay và bên bảo đảm bằng tín chấp kiểm tra việc sử dụng vốn vay;

- Trả nợ đầy đủ gốc và lãi vay (nếu có) đúng hạn cho tổ chức tín dụng cho vay;

- Quyền, nghĩa vụ khác theo thỏa thuận hoặc do Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan quy định.

**Câu 99. Việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 44 Nghị định 21/2021/NĐ-CP quy định về việc thực hiện nghia xvụ bảo lãnh như sau:

1. Bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi nghĩa vụ được bảo lãnh bị vi phạm theo một trong các căn cứ sau đây:

- Do bên được bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn;

- Do bên được bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ trước thời hạn theo thỏa thuận;

- Do bên được bảo lãnh thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ;

- Do bên được bảo lãnh thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ;

- Do bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 335 và khoản 1 Điều 339 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khác theo thỏa thuận hoặc theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan.

2. Trường hợp có căn cứ tại khoản 1 Điều này, bên nhận bảo lãnh thông báo cho bên bảo lãnh biết để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Bên bảo lãnh có quyền từ chối thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp căn cứ được bên nhận bảo lãnh thông báo không thuộc phạm vi cam kết bảo lãnh.

3. Bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong thời hạn thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì bên bảo lãnh phải thực hiện trong thời hạn hợp lý kể từ thời điểm nhận được thông báo của bên nhận bảo lãnh.

4. Bên bảo lãnh đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì bên nhận bảo lãnh phải thông báo cho bên được bảo lãnh biết. Trường hợp bên được bảo lãnh vẫn thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh thì bên bảo lãnh có quyền yêu cầu bên nhận bảo lãnh hoàn trả cho mình tài sản đã nhận hoặc giá trị tương ứng phần nghĩa vụ bảo lãnh đã thực hiện.

**Câu 100. A mang xe máy đến của hàng của B để sửa chữa. Hai bên thỏa thuận sau 5 ngày, A sẽ đến lấy xe và trả tiền sửa chữa. Đến thời hạn trên, A tới cửa hàng của B để đến lấy xe nhưng chưa có tiền để thanh toán chi phí sửa chữa. Do đó, B đã giữ lại chiếc xe máy yêu cầu khi nào có tiền thanh toán công sửa chữa mới trả lại cho A. Sau đó, A đã bán chiếc xe máy của mình cho chị C, có hợp đồng mua bán. Xin hỏi, B có phải giao chiếc xe này cho chị C hay không?**

**Trả lời:**

Điều 346 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về cầm giữ tài sản như sau: “Cầm giữ tài sản là việc bên có quyền (sau đây gọi là bên cầm giữ) đang nắm giữ hợp pháp tài sản là đối tượng của hợp đồng song vụ được chiếm giữ tài sản trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.”

Theo Điều 347 và Điều 350 Bộ luật Dân sự năm 2015, cầm giữ tài sản phát sinh từ thời điểm đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Cầm giữ tài sản phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm bên cầm giữ chiếm giữ tài sản và chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Bên cầm giữ không còn chiếm giữ tài sản trên thực tế.

- Các bên thỏa thuận sử dụng biện pháp bảo đảm khác để thay thế cho cầm giữ.

- Nghĩa vụ đã được thực hiện xong.

- Tài sản cầm giữ không còn.

- Theo thỏa thuận của các bên.

Khoản 2 Điều 47 Nghị định 21/2021/NĐ-CP quy định về bảo đảm quyền cầm giữ:

 Trường hợp chủ sở hữu tài sản hoặc người có quyền khác đưa tài sản đang bị cầm giữ vào giao dịch dân sự thì bên cầm giữ không có nghĩa vụ giao tài sản cho bên tham gia giao dịch dân sự đó, trừ trường hợp:

- Nghĩa vụ đối với bên cầm giữ đã được hoàn thành;

- Nghĩa vụ đối với bên cầm giữ chưa được hoàn thành nhưng thuộc trường hợp cầm giữ tài sản chấm dứt quy định tại các khoản 1, 2 hoặc 5 Điều 350 của Bộ luật Dân sự.

Như vậy, trong tình huống này, quyền cầm giữ chiếc xe máy của B được xác lập khi A không thanh toán tiền sửa chữa xe cho B. Căn cứ các quy định nêu trên, B không có nghĩa vụ phải giao lại chiếc xe máy cho chị C cho đến khi A trả tiền sửa xe cho B hoặc các bên có thảo thuận sử dụng biện pháp bảo đảm khác để thay thế cho cầm giữ.

**Tiểu phẩm số 12: Thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai**

*(Văn bản pháp luật sử dụng: Luật Nhà ở năm 2014, Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ)*

 Phân vai:

 - Anh Phúc: người chồng

 - Chị Hạnh: người vợ

 - Anh Tuấn: chủ thầu xây dựng

Vợ chồng anh Phúc, chị Hạnh cưới nhau đã được mấy năm. Vừa rồi, bố mẹ anh Phúc có cho vợ chồng anh mảnh đất ở đầu làng, ngay gần vườn ươm cây cảnh của gia đình. Được sự động viên của người thân, bạn bè, vợ chồng anh Phúc quyết định xây nhà ra ở riêng, cũng là để thuận tiện trông coi vườn cây cảnh của gia đình. Sáng nay, Chị Hạnh đi đâu về hớt hải gọi chồng:

Chị Hạnh: Anh Phúc ơi! Anh Phúc!

Anh Phúc: Tôi đây. Có việc gì mà mình hớt hải thế?

Chị Hạnh: Anh ra chỗ nhà mới mà xem. Hôm nay thợ thuyền chẳng thấy ai. Còn chục ngày nữa là sang tháng 7 âm rồi. Không nhanh là không kịp cất nóc trong tháng 6 đâu mình ơi.

Anh Phúc: Chết thật. Hôm qua chú Tuấn có gọi cho tôi bảo ứng thêm tiền, nếu không cho thợ nghỉ. Tôi tưởng chú ấy cứ nói ráo trước thế thôi. Ai ngờ hôm nay cho thợ nghỉ thật à?

Chị Hạnh: Mà em đã bảo với mình rồi, khi nào dư dả rồi hãy xây. Bây giờ dở dở dang dang như thế này, làm thế nào bây giờ?

Anh Phúc: Tại thằng Quang đấy. Nó hứa cho mình vay 200 triệu. Bây giờ trở mặt không cho vay nữa, làm sao anh xoay sở nổi.

Chị Hạnh: Lời nói gió bay. Bao giờ tiền đến trước mặt này mình thì hãy tin. Mà chú ấy có cho vay 200 triệu mình cũng chẳng đủ. Từ hôm động thổ đến giờ phát sinh bao nhiêu khoản tiền rồi. Mệt thật đấy!

Hai vợ chồng đang chưa biết phải làm thế nào thì anh Tuấn, chủ thầu xây dựng đến:

Anh Tuấn: Em chào anh chị! Không biết hôm nay ra đường bước chân phải hay chân trái mà gặp cả anh cả chị thế này. May quá!

Anh Phúc: Chú Tuấn à? Tôi đang định đi tìm chú đây. Sao hôm nay chú không cho thợ xây tiếp nhỉ?

Anh Tuấn: Em không có tiền thanh toán cho thợ, thế là người ta đình công, người ta nghỉ cả rồi. Em hẹn mấy hôm nữa. Mà mấy hôm nữa vẫn không có tiền thanh toán cho họ là người ta giải tán luôn đấy.

Anh Phúc: Ấy! Ai lại làm ăn thế?. Chú cố gắng làm tiếp đi giúp anh chị.

Chị Hạnh: Chú ơi, bây giờ nhà đang xây dở như thế này. Sắp đến tháng 7 âm lịch đến nơi rồi, không nhanh là không kịp cất nóc. Ai lại cất nóc vào tháng cô hồn hả chú?

Anh Tuấn: Em có muốn thế đâu. Nhưng mà anh chị cũng phải thanh toán tiền cho em, em có tiền thanh toán cho thợ, thợ người ta mới làm tiếp được. Em hỏi anh chị nhé. Anh chị xây cả cái nhà to tướng như thế này, mới ứng cho em có 200 triệu. Không đủ tiền vật liệu ấy chứ.

Anh Phúc: Khổ lắm! Tại cái thằng Quang em họ anh đấy. Hứa cho vay 200 triêu, giờ trở mặt không cho vay. Đã thế, vừa rồi bà nhà anh lại ốm, đi viện cả tháng, cũng phải chi một khoản lớn. Anh cũng đang tìm mọi cách xoay sở đây.

Anh Tuấn: Anh chị làm thế này thì làm khó cho em quá. Em biết ăn nói thế nào với thợ bây giờ.

Anh Phúc: Khổ lắm. Anh hiểu. Nhưng mà đang hoàn cảnh, hay là chú đi vay ở đâu ứng hộ anh với.

Anh Tuấn: Em đã ứng cho mấy chục triệu để trả tiền công thợ rồi. Mà có phải em nhận một công trình nhà mình đâu. Em nhận hàng mấy công trình khác nữa. Tiền cũng phải rải khắp nơi.

Chị Hạnh: Bây giờ phải làm thế nào hả mình?

Anh Phúc: Làm thế nào? Mình xem còn ai có thể vay được không, rồi sau trả dần. Chứ giờ nhà cửa dang dở thế này…

Chị Hạnh: Em cũng hỏi khắp nơi nhưng hết cửa rồi.

Anh Tuấn: Em hỏi nhé. Mảnh đất này của anh chị có sổ đỏ ko?

Anh Phúc: Có lâu rồi. Ông bà cho vợ chồng anh là sang tên, cấp sổ luôn.

Anh Tuấn: Thế mà anh chị không nói sớm. Bây giờ anh chị mang sổ đỏ ra ngân hàng thế chấp để vay vốn.

Anh Phúc: Em cứ đùa. Mảnh đất nhà anh ra ngân hàng giỏi lắm được một trăm triệu là là cùng. Chả bõ!

Anh Tuấn: Anh chị chưa ra làm sao mà biết được. Bây giờ em nói anh chị nhé. Anh chị mang sổ đỏ ra ngân hàng thế chấp vay vốn. Nếu như cảm thấy thiếu, anh chị thế chấp luôn cả ngôi nhà là tài sản đang hình thành này thì giá trị tài sản tăng lên.

Chị Hạnh: Nhà này đã xây xong đâu mà thế chấp được hả chú?

Anh Tuấn: Anh chị không hiểu gì cả. Theo em được biết là tài sản hình thành trong tương lai như ngôi nhà đang xây này cũng là tài sản có thể thế chấp để vay vốn.

Anh Phúc: Chú nói thật không đấy?

Anh Tuấn: Sao lại không thật? Em làm nhiều công trình rồi, em biết chứ. Anh chị chờ em một chút.

Anh Tuấn liền mở điện thoại ra tìm văn bản….

Anh Tuấn: Đây rồi. Anh chị xem nhé, Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Văn bản mới có hiệu lực từ ngày 15/5/2021 luôn nhé. Khoản 1 Điều 8 quy định: Tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ có thể là tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai, trừ trường hợp Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan cấm mua bán, cấm chuyển nhượng hoặc cấm chuyển giao khác về quyền sở hữu tại thời điểm xác lập hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm.

À, còn đây nữa, anh chị xem: Khoản 2 Điều 147 Luật Nhà ở năm 2014 cũng quy địn: Tổ chức, cá nhân xây dựng nhà ở hình thành trong tương lai trên thửa đất ở hợp pháp của mình; tổ chức, cá nhân mua nhà ở hình thành trong tương lai trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở của chủ đầu tư được thế chấp nhà ở này tại tổ chức tín dụng đang hoạt động tại Việt Nam để vay vốn phục vụ cho xây dựng nhà ở hoặc để mua chính nhà ở đó.

 Đấy, nói có sách, mách có chứng, văn bản quy định rõ ràng rồi nhé. Anh chị yên tâm chưa?

Anh Phúc: Thế thì tốt quá. Mà để được thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai có yêu cầu phải có giấy tờ gì không chú?

Anh Tuấn: Đây. Có luôn. Điều 148 Luật Nhà ở quy định: Trường hợp tổ chức, cá nhân thế chấp nhà ở quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật này thì phải có giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai, Giấy phép xây dựng nếu thuộc diện phải có Giấy phép xây dựng.

Chị Hạnh: Chú Tuấn giỏi thật đấy. Làm xây dựng mà nói pháp luật cứ như luật sư ấy.

Anh Tuấn: Hì hì. Thời buổi công nghệ thông tin, cái gì không biết thì phải hỏi “Chị Google” chứ anh chị? Để chắc chắn, anh chị cứ mang sổ đỏ đến ngân hàng, họ sẽ có nhân viên tư vấn, hướng dẫn chi tiết hồ sơ, thủ tục thế nào? Mức vay, lãi suất bao nhiêu?

Anh Phúc: Vợ chồng tôi ra ngân hàng ngay đây. Chú cố gắng bố trí thợ làm luôn giúp anh chị. Xong thủ tục, ngân hàng giải ngân là anh chị chuyển tiền luôn cho chú.

Anh Tuấn: Được rồi. Để em sắp xếp. Anh chị cứ yên tâm!

**Tiểu phẩm số 13: Có được tiếp tục thuê nhà?**

*(Văn bản sử dụng: Luật Nhà ở năm 2014, Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.)*

Phân vai:

Chị Thanh: Người cho thuê nhà

Anh Sơn: Người thuê nhà

Quyết: Nhân viên ngân hàng.

Ba tháng trước, anh Sơn có ký hợp đồng thuê nhà của chị Thanh để mở quán cà phê. Quán đã khai trương được gần một tháng. Hôm nay, chị Thanh hẹn Quyết, nhân viên ngân hàng đến quán cà phê của anh Sơn để bàn về việc thế chấp căn nhà này để vay vốn ngân hàng. Thấy chị Thanh, anh Sơn niềm nở chào hỏi.

Anh Sơn: Em chào chị! Hôm nay “giám đốc” lại rảnh qua được chỗ em cà phê cà pháo thế này. Vinh dự cho em quá!

Chị Thanh: Chú Sơn cứ đùa chị. Hôm chú khai trương chị lại có chút việc ở quê không qua được. Chú trách khéo chị đấy à? Cho chị xin lỗi nhé!

Anh Sơn: Ấy! Ấy! Em không có ý đó. Em mời chị vào ạ. (Gọi nhân viên) Em ơi, sắp xếp 01 bàn vip cho anh nhé!

Anh Sơn mời chị Thanh vào ngồi tại một bàn

Chị Thanh: Hôm nay không phải cuối tuần mà quán đã đông khách thế này. Chúc mừng chú!

Anh Sơn: Em cảm ơn chị! Ý tưởng mở quán cà phê sách của vợ chồng em được ấp ủ từ khi mới lấy nhau, giờ mới thực hiện được. Chị xem, tất cả nội thất, bài trí trong quán này đều chính tay vợ, chồng em lên ý tưởng rồi thiết kế. Cũng may thuê được căn nhà này của chị, vị trí thuận lợi lại yên tĩnh, không gian thoáng đãng. Tháng đầu hoạt động khách cũng ổn chị ạ.

Chị Thanh: Chị chúc mừng cô chú nhé. Quán đẹp quá! À, hôm nay chị đến trước là để thăm quán, sau là để thông báo cho chú việc này…

Chị Thanh đang nói thì thấy Quyết - nhân viên ngân hàng bước vào quán. Chị Thanh với tay gọi Quyết

Chị Thanh: Quyết ơi. Chị ngồi bên này.

Quyết bước đến: Em chào chị! Em chào anh ạ!

Chị Thanh: Giới thiệu với Sơn, đây là Quyết, nhân viên ngân hàng. Quay sang phía Sơn: Còn đây là anh Sơn, chủ quán.

Quyết (đưa tay ra): Em chào anh Sơn. Quán của anh mới mở đẹp quá ạ!

Anh Sơn (bắt tay Quyết): Chào em. Quán của anh mới mở được gần 1 tháng. Em có sở thích cà phê, cà pháo thì ủng hộ bọn anh nhé.

Quyết: Quán đẹp thế này, đồ uống lại ngon. Em phải giới thiệu bạn bè năng đến đây mới được.

Chị Thanh: Đặc biệt là dẫn theo người yêu đến đây thì còn gì bằng. Không gian thơ mộng, lãng mạn thế này cơ mà.

Quyết (gãi đầu): Tiếc là em chưa có người yêu.

 Anh Sơn: Đẹp trai thế này mà chưa có người yêu á? Anh không tin đâu. Mà chưa có biết đâu đến đây lại tìm được người yêu thì sao chị nhỉ?

Chị Thanh: Đúng đấy! Thôi. Chị em mình vào việc chính nhỉ. Vừa rồi chị đang định nói trước với Sơn. May quá, có Quyết đến đây rồi để chị nói luôn. Chả là thế này Sơn ạ. Anh chị đang có dự định đầu tư vào một số dự án bất động sản, cần phải huy động thêm chút vốn. Vừa rồi, có liên hệ với Quyết để tư vấn giúp chị việc thế chấp căn nhà này để vay vốn ngân hàng.

 Anh Sơn: Nhưng căn nhà này chị đang cho vợ chồng em thuê. Hợp đồng thuê thời hạn 05 năm. Làm sao có thể mang đi thế chấp được?

Chị Thanh: Thì vợ chồng chú cứ tiếp tục thuê. Chị có phá hợp đồng thuê, đòi lại nhà đâu?

Quyết: Đúng đấy anh ạ. Theo Điều 146 Luật nhà ở năm 2014, tài sản đang cho thuê thì chủ sở hữu vẫn có quyền thế chấp căn nhà đó và phải thông báo bằng văn bản cho bên thuê nhà biết trước về việc thế chấp. Bên thuê nhà ở được tiếp tục thuê đến hết hạn hợp đồng thuê nhà ở. Khi đặt vấn đề thế chấp căn nhà này để vay vốn với ngân hàng, chị Thanh cũng đã cho chúng em xem cả hợp đồng thuê nhà giữa anh và chị Thanh. Bộ phận pháp lý của ngân hàng đã kiểm tra rất kỹ hồ sơ và đối chiếu với các quy định pháp luật. Việc chị Thanh thế chấp căn nhà này trong khi đang cho anh thuê nhà là hoàn toàn hợp pháp và không ảnh hưởng gì đến hợp đồng thuê nhà của anh chị. Hợp đồng thuê vẫn còn hiệu lực đến khi hết thời hạn hợp đồng.

 Anh Sơn: Nhưng ngộ nhỡ đến hạn trả nợ cho ngân hàng mà chị Thanh không có khả năng chi trả. Căn nhà này bị mang ra xử lý tài sản bảo đảm. Nếu mà người mua mới không đồng ý cho vợ, chồng em thuê tiếp thì vợ, chồng em phải làm sao. Nói thật với hai chị em, vợ chồng em cũng đã bỏ ra hơn tỷ đồng để sửa chữa cải tạo. Nếu mà phải kết thúc hợp đồng thuê trước thời hạn thì thiệt hại lớn quá.

 Quyết: Anh Sơn cứ yên tâm. Cho dù chị Thanh không trả được nợ và căn nhà này bị mang ra xử lý tài sản bảo đảm, thì anh vẫn được tiếp tục thuê đến khi hết thời hạn hợp đồng. Đây, anh xem nhé, khoản 2 Điều 34 Nghị định số 21/2021/NĐ- CP đã quy định rõ: Việc tài sản thế chấp đang được cho thuê, cho mượn bị xử lý theo trường hợp quy định của Bộ luật Dân sự không làm chấm dứt hợp đồng thuê, hợp đồng mượn; bên thuê, bên mượn được tiếp tục thuê, mượn cho đến khi hết thời hạn theo hợp đồng.

 Anh Sơn: Nghĩa là kể cả trong trường hợp, ngôi nhà này bị người khác mua lại, thì người mua mới vẫn phải cho mình tiếp tục thuê nhà đến khi hết thời hạn hợp đồng.

Quyết: Đúng rồi anh ạ. Anh chị cứ yên tâm nhé!

Chị Thanh: Chú cứ yên tâm. Chị cũng biết quán cà phê này là tâm huyết của vợ chồng chú nên phải cân nhắc rất kỹ trước khi quyết định thế chấp căn nhà này. Chị đã nghiên cứu quy định và được bộ phận pháp lý bên ngân hàng tư vấn cụ thể rồi. Chị sẽ làm các thủ tục đảm bảo chặt chẽ nhất, không ảnh hưởng đến quyền lợi của cô chú trong hợp đồng thuê nhà.

Anh Sơn: Đấy là em lo xa thôi. Chứ em hoàn toàn tin tưởng vào tài kinh doanh của anh chị. Chị và em Quyết đã giải thích rõ như vậy, em hoàn toàn yên tâm rồi.

Chị Thanh: Hôm nay, chị đến thống thông báo trước cho chú, tiện thể dẫn Quyết đến xem xét qua về tài sản. Khi nào ký kết hợp đồng thế chấp, chị và ngân hành sẽ có thông báo bằng văn bản hẳn hoi gửi cô chú.

Anh Sơn: Vâng ạ. Thôi, hai chị em thưởng thức đồ uống rồi nhớ cho em đánh giá nhé.

Chị Thanh và Quyết cùng đồng thanh: Đánh giá 5 sao luôn!

1. Khoản 1 Điều 11 Thông tư 59/2021/TT-BCA quy định: *“Công dân đến cơ quan Công an có thẩm quyền tiếp nhận đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân nơi công dân thường trú, tạm trú để yêu cầu được cấp thẻ Căn cước công dân”.* [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 59/2021/TT-BCA quy định: “Thu lại Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân đang sử dụng trong trường hợp công dân làm thủ tục chuyển từ Chứng minh nhân dân sang thẻ Căn cước công dân, đổi thẻ Căn cước công dân”. [↑](#footnote-ref-2)
3. Điều 25 quy định về thời hạn cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân như sau:

*“Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Luật này, cơ quan quản lý căn cước công dân phải cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho công dân trong thời hạn sau đây:*

*1. Tại thành phố, thị xã không quá 07 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới và đổi; không quá 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại;*

*2. Tại các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo không quá 20 ngày làm việc đối với tất cả các trường hợp;*

*3. Tại các khu vực còn lại không quá 15 ngày làm việc đối với tất cả các trường hợp;*

*4. Theo lộ trình cải cách thủ tục hành chính, Bộ trưởng Bộ Công an quy định rút ngắn thời hạn cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân.”* [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân quy định việc thu nhận vân tay của công dân thực hiện theo các bước như sau:

-Thu nhận vân tay phẳng của 4 ngón chụm bàn tay phải (ngón trỏ, ngón giữa, ngón áp út, ngón út);

- Thu nhận vân tay phẳng của 4 ngón chụm bàn tay trái (ngón trỏ, ngón giữa, ngón áp út, ngón út);

- Thu nhận vân tay phẳng của 2 ngón cái chụm;

- Thu nhận vân tay lăn 10 ngón theo thứ tự: Ngón cái phải, ngón trỏ phải, ngón giữa phải, ngón áp út phải, ngón út phải, ngón cái trái, ngón trỏ trái, ngón giữa trái, ngón áp út trái, ngón út trái.

- Trường hợp không thu nhận được đủ 10 vân tay của công dân thì mô tả và nhập thông tin về tình trạng vân tay không thu nhận được. [↑](#footnote-ref-4)
5. Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định ảnh chân dung của công dân khi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân là ảnh màu, phông nền trắng, chụp chính diện, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính; trang phục, tác phong nghiêm túc, lịch sự [↑](#footnote-ref-5)
6. *Điểm a khoản 18 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP quy định: “Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt, trên vỉa hè, lòng đường hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt; đổ nước thải không đúng quy định trên vỉa hè, lòng đường phố”* [↑](#footnote-ref-6)
7. *Điểm c khoản 13 Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, hành vi nêu trên còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.* [↑](#footnote-ref-7)
8. Khoản 8 Điều 25 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016; điểm d, khoản 23, Điều 1, Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021. [↑](#footnote-ref-8)
9. Khoản 27 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường 2020 [↑](#footnote-ref-9)
10. Khoản 1 Điều 71 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 [↑](#footnote-ref-10)
11. Khoản 2 Điều 71 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 [↑](#footnote-ref-11)
12. *Khoản 2 Điều 55 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường* [↑](#footnote-ref-12)
13. Điểm c khoản 6 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-13)
14. Điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-14)
15. Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-15)
16. Khoản 9 Điều 13 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và điểm c khoản 13 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-16)
17. Khoản 2 Điều 30 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 [↑](#footnote-ref-17)
18. Điều 13 **Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021** [↑](#footnote-ref-18)
19. Điều 14 **Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021** [↑](#footnote-ref-19)
20. Khoản 2 Điều 14 **Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 “***Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em”.* [↑](#footnote-ref-20)
21. Điều 15 **Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021** [↑](#footnote-ref-21)
22. Điều 16 **Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021**

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 15 Quyết định này đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt trụ sở chính. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

3. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt Danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. [↑](#footnote-ref-22)
23. Điều 25 **Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021** [↑](#footnote-ref-23)
24. Điều 26 **Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021** [↑](#footnote-ref-24)
25. Khoản 5 Điều 27 **Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021** [↑](#footnote-ref-25)